

BỘ XÂY DỰNG

Địa chỉ: 37 Lê Đại Hành – Hà Nội ĐT: 024-39760271; Fax: 024-39742132

BÁO CÁO

TỔNG KẾT THI HÀNH PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC.....	2
I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC.....	2
1. Xây dựng, thực hiện chính sách và văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Cấp, Thoát nước.....	2
1.1. Đối với lĩnh vực cấp nước	2
1.2. Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.....	4
2. Xây dựng thông tin, cơ sở dữ liệu.....	5
3. Tình hình lập quy hoạch, kế hoạch, định hướng, chiến lược phát triển Cấp, Thoát nước	7
4. Đầu tư phát triển Cấp, Thoát nước.....	8
4.1. Đối với đầu tư phát triển cấp nước:	9
4.2. Đối với đầu tư phát triển thoát nước:	11
5. Quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống Cấp, Thoát nước.....	12
5.1. Đối với hệ thống cấp nước:	12
5.2. Quản lý vận hành duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước:	14
6. Giá nước sạch và giá dịch vụ thoát nước	19
6.1. Giá nước sạch.....	19
6.2. Giá dịch vụ thoát nước	20
7. Quản lý nhà nước về Cấp, Thoát nước	20
8. Đánh giá chung về kết quả đạt được.....	23
II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN.....	26
1. Tồn tại và hạn chế (thực tiễn và pháp luật).....	26
1.1. Pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực Cấp, Thoát nước chưa tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của dịch vụ cung cấp nước sạch và thoát nước, xử lý nước thải:	26
1.2. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ.....	30
1.3. Quy hoạch cấp thoát nước chưa đủ cơ sở định hướng, đầu tư phát triển hệ thống Cấp, Thoát nước.....	31
1.4. Hoạt động đầu tư phát triển Cấp, Thoát nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường, đặc biệt là thu gom, xử lý nước thải và cấp nước vùng sâu, vùng xa.	33
1.5. Chất lượng dịch vụ, công tác quản lý vận hành công trình Cấp, Thoát nước chưa bền vững, hiệu quả.....	35
1.6. Việc ban hành giá nước sạch gặp nhiều khó khăn; giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải còn thấp, hạn chế huy động nguồn lực đầu tư.	41

1.7. Công tác quản lý nhà nước về Cấp, Thoát nước còn hạn chế, chưa bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước và bảo vệ môi trường.....	42
2. Nguyên nhân	44
2.1. Chưa có Luật chuyên ngành, hoạt động cấp thoát nước bị chi phối bởi nhiều Luật và văn bản hướng dẫn Luật	44
2.2. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Cấp, Thoát nước chưa được chú trọng, quan tâm	46
2.3. Nguồn lực đầu tư cho Cấp, Thoát nước còn hạn chế, cơ chế giá dịch vụ chưa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ.	47
2.4. Mô hình tổ chức quản lý vận hành, khai thác, sử dụng công trình Cấp, Thoát nước không thống nhất tại các địa phương, năng lực quản lý vận hành của đơn vị Cấp, Thoát nước chưa đáp ứng yêu cầu.....	51
2.5. Quy định pháp luật trong quản lý vận hành, quản lý chất lượng dịch vụ giữa chính quyền địa phương, đơn vị cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ chưa chặt chẽ, tính pháp lý chưa cao.	53
2.6. Quy định pháp luật trong hoạt động Cấp, Thoát nước chưa thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.	55
PHẦN THỨ HAI: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	57
I. BỐI CẢNH THỰC TIỄN, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG LUẬT CHUYÊN NGÀNH CẤP THOÁT NƯỚC.....	57
1. Bối cảnh thực tiễn	57
2. Quan điểm, chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực Cấp, Thoát nước.....	60
3. Sự cần thiết xây dựng Luật chuyên ngành Cấp, Thoát nước	61
3.1. Kết quả rà soát, đánh giá thi hành pháp luật về Cấp, Thoát nước.....	61
3.2. Yêu cầu quản lý phát triển Cấp, Thoát nước.....	64
3.3. Kinh nghiệm quốc tế về Luật chuyên ngành Cấp, Thoát nước.....	66
II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG	71
1. Mục tiêu.....	71
2. Quan điểm xây dựng luật.....	72
3. Yêu cầu xây dựng luật.....	72
III. ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG CHÍNH SÁCH CƠ BẢN TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CẤP, THOÁT NƯỚC.....	73
1. Tên dự án Luật:	73
2. Hình thức văn bản:	73
3. Phạm vi đối tượng áp dụng:.....	73
4. Định hướng Chính sách.....	73
4.1. Chính sách 01: Phát triển hệ thống Cấp, Thoát nước đồng bộ, thống nhất và hiệu quả theo quy hoạch, định hướng, chiến lược, chương trình.....	74

4.2. Chính sách 02: Nâng cao hiệu quả quản lý vận hành và chất lượng dịch vụ Cấp, Thoát nước.....	76
4.3. Chính sách 03: Bảo đảm nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển cấp, thoát nước.	78
4.4. Chính sách 04: Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về Cấp, Thoát nước.....	80
Phụ lục 1 – VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC Ở VIỆT NAM.....	83
Phụ lục 2– TỔNG HỢP CÁC KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC	105

(DỰ THẢO 7/2023)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành pháp luật trong lĩnh vực Cấp, Thoát nước

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, lĩnh vực cấp nước, xử lý nước thải thuộc một trong bốn mục tiêu phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, có mục tiêu “Thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại”.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 – 2026, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Kế hoạch số 290/KH-UBKHCNMT15 ngày 30/11/2021 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án của Đảng, đoàn Quốc hội về Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó giao Bộ Xây dựng nghiên cứu xây dựng Dự

án Luật Cấp, Thoát nước trình Quốc hội năm 2024-2025;

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, Bộ Xây dựng đã ban hành Kế hoạch xây dựng và soạn thảo Đề án Luật điều chỉnh về Cấp, Thoát nước tại Quyết định số 141/QĐ-BXD ngày 7/3/2023.

Bộ Xây dựng đã có văn bản số: 992/BXD-HTKT ngày 17/3/2023, 993/BXD-HTKT ngày 17/3/2023, 1232/BXD-HTKT ngày 03/4/2023 gửi các địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện và khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật gửi đến các Bộ, ngành và 63 Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương theo 3 nhóm nội dung: (1) tình hình triển khai thực hiện; (2) Các khó khăn, vướng mắc; (3) Đề xuất, kiến nghị nội dung Xây dựng Luật Cấp Thoát nước. Tính đến 10/7/2023, đã có 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW và 02/6 Bộ gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để tổng hợp. Bộ Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức 04 Hội thảo¹ tại 3 miền Bắc, Trung, Nam nhằm trao đổi tham vấn ý kiến của các Bộ, các Sở, ban, ngành địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học, đại diện các Công ty, đơn vị quản lý vận hành hệ thống Cấp, Thoát nước. Qua tham vấn, các đại biểu hầu hết cơ bản nhất trí về sự cần thiết ban hành Luật Cấp, Thoát nước với nội dung các chính sách đề xuất và đề cương chi tiết Luật Cấp, Thoát nước, và có một số ý kiến góp ý khác. Không có đơn vị nào phản đối, không đồng ý với việc xây dựng Luật Cấp, Thoát nước. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham vấn tại hội thảo, các báo cáo của Bộ, ngành và các địa phương, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật trong lĩnh vực Cấp, Thoát nước và kính báo cáo Chính phủ như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC

1. Xây dựng, thực hiện chính sách và văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Cấp, Thoát nước

1.1. Đối với lĩnh vực cấp nước

- Hiện nay, văn bản có tính pháp lý cao nhất liên quan trực tiếp đến lĩnh vực cấp nước là Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 (Nghị định 117) của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Nghị định quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ

¹ Hội thảo: tại TP. Đà Nẵng (ngày 21/4/2023), TP. Hà Nội (ngày 02/6/2023), TP. Cần Thơ (ngày 16/6/2023), và tham gia Hội thảo do Hội Cấp thoát nước Việt Nam tổ chức tại tỉnh Quảng Ninh (ngày 09/6/2023)

thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên lãnh thổ Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, Nghị định đã được sửa đổi, bổ sung tại 03 Nghị định khác² và có 06 Thông tư hướng dẫn thi hành chi tiết một số điều của Nghị định (*Xem Phụ lục số 1*).

- Các nội dung sửa đổi Nghị định số 117/2007/NĐ-CP bao gồm: sửa đổi các quy định về lập quy hoạch cấp nước để phù hợp với Luật Quy hoạch năm 2017, quy định việc miễn tiền sử dụng đất trong hoạt động cấp nước, bỏ quy định các dự án trên 10.000 m³/ngày phải xin ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, bỏ quy định về khối lượng nước sử dụng tối thiểu quy định là 4m³/hộ gia đình/tháng, quy định về lựa chọn đơn vị cấp nước,... Một số nội dung quy định chi tiết Nghị định 117 bao gồm các hướng dẫn về thỏa thuận dịch vụ cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn, cấp nước cho phòng cháy, chữa cháy, khung giá và phương pháp xác định giá nước sạch, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước,...

- Ngày 17/4/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn). Nội dung quy định mức hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng các dự án nước sạch cho vùng nông thôn được hỗ trợ 03 triệu đồng/m³/ngày đêm cho xây mới hoặc 02 triệu đồng/m³/ngày đêm cho nâng cấp cải tạo nhà máy sản xuất nước sạch; tối đa 50% chi phí đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên; cơ chế hỗ trợ sau đầu tư theo quy định của Luật đầu tư công. Khi hạng mục đầu tư của dự án hoàn thành và nghiệm thu được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục đầu tư; sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sản xuất, kinh doanh thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

- Ngoài ra ngày 24/6/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong đó quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý gồm tài sản kết cấu

² Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

hạ tầng cấp nước sạch: nông thôn tập trung và đô thị. Nghị định này không điều chỉnh đối với: (1) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không do Nhà nước đầu tư, quản lý; (2) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (bao gồm cả khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trong khu kinh tế); (3) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nhỏ lẻ, bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước cho một hoặc một vài hộ gia đình sử dụng nước như: công trình thu và chứa nước hộ gia đình, giếng thu nước ngầm tầng (giếng đào, giếng mạch lộ), giếng khoan đường kính nhỏ.

- Về chương trình, định hướng, chiến lược phát triển cấp nước: Được sự quan tâm của Chính phủ, trong những năm vừa qua Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản liên quan cơ chế, định hướng, chiến lược nhằm cấp nước ổn định, chất lượng bảo đảm, dịch vụ tốt đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước theo từng giai đoạn, giảm thiểu nguy cơ rủi ro trong lĩnh vực cấp nước, giảm thất thoát thất thu nước sạch, đẩy mạnh xã hội hóa cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, cơ chế chính sách hỗ trợ đối tượng nghèo, gia đình chính sách, vùng đồng bào dân tộc và vùng đặc biệt khó khăn về nước sạch (Phụ lục số 1).

- Về phía địa phương, qua tổng hợp báo cáo của 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có 30 địa phương phê duyệt quy hoạch cấp nước³, khoảng 14 tỉnh đã phê duyệt đề án, kế hoạch phát triển cấp nước địa phương; 49/63 địa phương thành lập, ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Cấp nước an toàn cấp tỉnh, khoảng; 43/63 địa phương phê duyệt kế hoạch và lộ trình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; 21/63 tỉnh, thành phố ban hành được quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước⁴.

1.2. Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải là văn bản pháp lý cao nhất liên quan quản lý thoát nước và xử lý nước thải. Nghị định số 80 quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, các khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư nông thôn tập trung; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, chưa có luật mũ chuyên ngành cho riêng, đặc thù đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải mà có các quy định liên quan rải rác ở nhiều

³ 5 thành phố trực thuộc Trung ương, các tỉnh: Bến Tre, Long An, Kom Tum, Bình Định, Quảng Nam,...

⁴ Các tỉnh: Bắc Kạn, Hà Nam, Hải Dương, Ninh Bình, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Long An, Ninh Thuận, Nghệ An, Quảng Ngãi, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Trà Vinh, Yên Bái, Đồng Tháp.

Luật 5 (khoảng 14 Luật) xem Phụ lục 1.

- Ngoài ra đối với lĩnh vực thoát nước còn có các văn bản có các Quyết định, Chỉ thị, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các Bộ ngành liên quan là công cụ để tổ chức thực thi, thúc đẩy phát triển hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn cả nước.

- Ở *Trung ương*: Ban hành 04 văn bản và 01 Quyết định của Thủ tướng; 03 Thông tư và một số điều quy định tại các Nghị định, văn bản dưới Luật liên quan.

- Ở *địa phương*: Ban hành khoảng 112 văn bản quy định chi tiết để triển khai thi hành Nghị định như 50 địa phương đã ban hành Quyết định quy định hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định (Tại Điều 7 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP); 23 địa phương ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch thoát nước chuyên ngành.

- Về Chương trình, Định hướng, Chiến lược: Bộ Xây dựng đã trình Chính phủ ban hành Điều chỉnh Định hướng thoát nước phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, đưa ra các quan điểm, mục tiêu thu gom và xử lý nước thải, thoát nước mưa, chống ngập úng đô thị và các giải pháp thực hiện để nâng cao chất lượng dịch vụ thoát nước với mục tiêu đến năm 2025: *50% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 20% đối với các đô thị từ loại V trở lên* được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường, nâng tỷ lệ bao phủ dịch vụ thoát nước 80%, 100% các đô thị không còn tình trạng ngập úng thường xuyên trong mùa mưa và nhiều mục tiêu khác đặt ra trong các giai đoạn. Ngoài ra Chính phủ cũng đã phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 xác định các mục tiêu về thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng đời sống người dân, xác định cần xây dựng “Chương trình đầu tư, cải tạo hệ thống thoát nước và công trình xử lý nước thải sinh hoạt các đô thị từ loại V trở lên”.

2. Xây dựng thông tin, cơ sở dữ liệu

- Hiện nay, chưa có quy định cụ thể hướng dẫn về quản lý, xây dựng, điều tra, lưu trữ, cơ sở dữ liệu của hệ thống Cấp, Thoát nước, chưa có quy định về

⁵ Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Quy hoạch năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Luật Tài nguyên nước năm 2012; Luật Giá năm 2012; Luật Thủy lợi năm 2017; Luật Đầu tư năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; Luật Đất đai năm 2013, các Luật liên quan và các Nghị định hướng dẫn

việc lập bản đồ điều tra thông tin về thoát nước, chống ngập và xử lý nước thải. Các địa phương chủ yếu báo cáo chỉ tiêu, dữ liệu về Cấp, Thoát nước và xử lý nước thải theo Mẫu biểu dữ liệu ngành Xây dựng trên cơ sở Thông tư số 06/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng và Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi Quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng. Một số chỉ tiêu yêu cầu trong báo cáo: Tổng công suất cấp nước, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch, tổng công suất xử lý nước thải đô thị, tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định,...

- Về phía đơn vị cấp nước: Các đơn vị cấp nước đang sử dụng một số phần mềm quản lý vận hành mạng lưới cấp nước thông minh đang được áp dụng tại Việt Nam như: Phần mềm tính toán thủy lực của Mỹ và Hà Lan (WaterGems; MIKE Urban; Epanet...); Phần mềm quản lý tài sản của Việt Nam (WAMS...); Phần mềm bản đồ / GIS của Mỹ (AutoCAD; MapInfo; MicroStation; ArcGIS...); Phần mềm quản lý SCADA do các hãng tự phát triển và đã áp dụng ở một số công ty cấp nước; Phần mềm chuyên dụng khác đang được nghiên cứu và áp dụng thử nghiệm... Và đang được triển khai và hoàn thiện tại một số công ty cấp nước như: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (SAWACO); Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế (HUEWACO); Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa (KHAWASSCO); Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Bình Dương (BIWASE); Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (BWACO);...

- Về thoát nước: Hiện có 09/44 địa phương trong Quyết định có điều khoản riêng quy định về công tác lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước. Trong đó:

+ Có 07/09 quyết định^[6] có nội dung chủ yếu quy định về trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước;

+ Chỉ có 02/09 quyết định^[7] có nội dung quy định cụ thể về hồ sơ, dữ liệu; trách nhiệm xây dựng, cập nhật dữ liệu của hệ thống thoát nước.

- Đối với các địa phương còn lại, nội dung về trách nhiệm lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước hầu hết đã được phân công tại phần giao trách nhiệm quản lý về thoát nước và xử lý nước thải cho các sở, ngành và chủ thể có liên quan; trong đó đa số giao cho Sở Xây dựng chủ trì lập hệ thống cơ sở dữ liệu trên địa bàn.

^[6] Quyết định của UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Bình Dương, Hà Nam, Lạng Sơn, Long An, Phú Yên, Vĩnh Phúc.

^[7] Quyết định của UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Hải Dương.

Một số công ty, đơn vị thoát nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế cũng triển khai thí điểm một số phần mềm quản lý dữ liệu trên GIS, trung tâm điều hành dữ liệu thoát nước và kiểm soát mưa tại Công ty TNHH 1 TV thoát nước.

- Tổng hợp các ý kiến từ báo cáo địa phương (60/63 tỉnh/thành) đa phần đều cho rằng việc xây dựng cơ sở dữ liệu là rất cần thiết cho công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước. Không chỉ vậy, cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước còn phải được xây dựng một cách chi tiết và hệ thống hóa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

3. Tình hình lập quy hoạch, kế hoạch, định hướng, chiến lược phát triển Cấp, Thoát nước

- Theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007, quy hoạch cấp nước được lập thành đề án riêng theo vùng (vùng liên tỉnh, vùng tỉnh), đô thị (tất cả các đô thị thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Quy hoạch thoát nước được đề cập tại Luật Xây dựng 2014 và Nghị định 80 đều có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Từ ngày 01/01/2019, sau khi Luật Quy hoạch 2017 và Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch có hiệu lực thì quy hoạch cấp nước, thoát nước chỉ được lập riêng với các thành phố trực thuộc Trung ương.

- Đối với quy hoạch cấp nước vùng liên tỉnh bao gồm: Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được TTCP phê duyệt tại Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 8/11/2016; Quy hoạch cấp nước 3 vùng KTTĐ Bắc Bộ, Miền Trung và Phía Nam được TTCP phê duyệt tại Quyết định số 1251/QĐ-TTg ngày 12/9/2008. Quy hoạch cấp nước vùng liên tỉnh xác định các công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh như: nhà máy nước sông Đà, sông Đuống, sông Hậu, sông Tiền.

- Giai đoạn trước khi Luật Quy hoạch được ban hành, đã có 30/63 tỉnh/thành phố lập, phê duyệt quy hoạch cấp nước đô thị và vùng nông thôn lân cận⁸ và khoảng 61/63 tỉnh, thành phố phê duyệt quy hoạch cấp nước nông thôn. Trong các đề án quy hoạch cấp nước, các dự án đầu tư cấp nước chịu tác động rất nhiều yếu tố như: yêu cầu đầu tư, mở rộng cấp nước cho người dân, điều kiện địa chất, địa hình, liên quan đến các trình hạ tầng khác; cho nên các đề án quy hoạch cấp nước liên tục phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc UBND các tỉnh

⁸ Thành phố Hà Nội được phê duyệt quy hoạch cấp nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2021; phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 554/QĐ-TTg ngày 06/4/2021;

- Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch cấp nước đến năm 2025 tại Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19/06/2012;

quyết định đầu tư kể cả khi chưa có trong quy hoạch. Việc lồng ghép quy hoạch chuyên ngành cấp nước trong quy hoạch tỉnh và việc tuân thủ quy hoạch sẽ gặp khó khăn khi phải đáp ứng ngay nhu cầu dùng nước của người dân.

- Theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, quy hoạch chuyên ngành thoát nước được lập cho các đô thị từ loại 3 trở lên tùy theo yêu cầu. Đã có 21/63/tỉnh/thành phố phê duyệt đề án quy hoạch chuyên ngành thoát nước theo quy định, cụ thể : Từ trước 2010, có 01 địa phương phê duyệt đề án Quy hoạch thoát nước^[9]: thành phố Hồ Chí Minh; Từ 2010 đến 12/2014: có 03 địa phương đã phê duyệt đề án^[10]; Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2018: có 10 địa phương đã phê duyệt quy hoạch. Trong số các đô thị phê duyệt quy hoạch, tỷ lệ đô thị đặc biệt là 02 đô thị; đô thị loại 1 trực thuộc TW là 03 (100%); đô thị loại 1 gồm 5/19 đề án phê duyệt; đô thị loại II là 06/24 (25%) gồm 7 đề án quy hoạch; đô thị loại III là 02/15 đô thị (13,3%) gồm 2 đề án quy hoạch. Sau ngày luật quy hoạch có hiệu lực, vẫn được 04 địa phương phê duyệt (bao gồm: TP. Yên Bái, TP. Rạch Giá, TP. Cà Mau, TP. Long Xuyên); đây là các đô thị đứng trước thách thức về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Theo rà soát, tổng kết hầu hết đề án quy hoạch thoát nước được phê duyệt chủ yếu nằm ở các địa phương thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, vùng đồng bằng sông Cửu Long (13/21 đề án). Đây là các địa phương chịu ảnh hưởng lớn nhất từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng, do vậy việc lập quy hoạch thoát nước với nội dung tính đến yếu tố biến đổi khí hậu là yêu cầu thực tiễn đặt ra.

4. Đầu tư phát triển Cấp, Thoát nước

Theo báo cáo của tổ chức Unicef, với mục tiêu và nhu cầu đầu tư của Chính phủ đề ra, từ nay đến năm 2030 cần ít nhất **204,3 nghìn tỷ đồng** (tương đương 8,8 tỷ USD) vốn đầu tư để đạt các mục tiêu của Chính phủ. Hơn 68% nhu cầu vốn cho hoạt động thu gom và xử lý nước thải đô thị. Nhu cầu vốn đầu tư lớn thứ 2 là cấp nước đô thị (13%), tiếp đến là cấp nước và nước thải nông thôn (lần lượt là 4% và 3%). Trong đó: Cấp nước đô thị (Nâng cấp từ nước hợp vệ sinh lên nước sạch cho 4,5 triệu người và cung cấp nước sạch cho thêm 4,8 triệu người, tức là cần nâng cấp 544.535 m³/ngđ và tăng thêm công suất 1.778.529 m³/ngđ) chi phí khoảng 25,78 nghìn tỷ đồng; Nước thải đô thị (Tăng công suất

^[9] Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống thoát nước đến năm 2020 tại Quyết định số 752/QĐ-TTg ngày 19/6/2001.

^[10] Giai đoạn từ 01/01/2010 đến 31/12/2014, quy hoạch thoát nước thủ đô Hà Nội được tổ chức lập và phê duyệt tại quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013; các tỉnh: Quảng Ninh, Vĩnh Phúc tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch thoát nước cho các đô thị thuộc tỉnh.

thu gom và xử lý 2.082.318 m³/ng đ để xử lý tối thiểu 40-60% lượng nước thải sinh hoạt tại các đô thị) cần 138,82 nghìn tỷ đồng, Cấp nước nông thôn (Nâng cấp từ nước hợp vệ sinh lên nước sạch cho 23,5 triệu người, tức là cần nâng cấp 1.414.698 m³/ngđ) cần khoảng 8,89 nghìn tỷ đồng.¹¹

4.1. Đối với đầu tư phát triển cấp nước:

a) Đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước:

- Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, các địa phương đã chủ động kêu gọi đầu tư hệ thống cấp nước bằng nhiều nguồn vốn khác nhau như: vốn Hỗ trợ phát triển chính thức ODA, vốn ngân sách Nhà nước, vốn các thành phần kinh tế khác v.v.... Hiện nay, trên toàn quốc có khoảng gần 1000 nhà máy nước và trạm xử lý nước khu vực đô thị và khu công nghiệp (một số nhà máy nước lớn như tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà máy nước Thủ Đức công suất 750.000 m³/ngđ, Nhà máy nước Thủ Đức II với công suất 300.000 m³/ngđ, Nhà máy nước Thủ Đức III với công suất 300.000 m³/ngđ, Nhà máy nước Tân Hiệp I công suất 300.000 m³/ngđ, Nhà máy nước Tân Hiệp II công suất 300.000 m³/ngđ; tại khu vực Hà Nội: Nhà máy nước sông Đà công suất 300.000 m³/ngđ, Nhà máy nước sông Đuống công suất 300.000 m³/ngđ, Nhà máy nước Bắc Thăng Long công suất khoảng 150.000 m³/ngđ,... Tại một số địa phương khác: Nhà máy nước Hồ Đá Đen – tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu công suất 125.000 m³/ngđ, Nhà máy nước Tân Hiệp – tỉnh Bình Dương công suất khoảng 100.000 m³/ngđ,...).

- Đối với khu vực nông thôn, trong nhiều năm qua, Nhà nước, Nhân dân và các tổ chức quốc tế hỗ trợ đã tập trung nhiều nguồn lực đầu tư cho cấp nước sạch nông thôn từ nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (3 giai đoạn, từ năm 1998 đến năm 2015), Chương trình 134, Chương trình 135, Chương trình xóa đói giảm nghèo, Chương trình 30a; viện trợ của tổ chức Unicef, chính phủ Nhật bản, Úc, Đan Mạch, Hà Lan, Vương quốc Anh (viện trợ không hoàn lại), WB, ADB, ODA... đã góp phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển lĩnh vực cấp nước nông thôn, nâng cao sức khỏe người dân, phát triển kinh tế xã hội và thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế. Tổng số công trình cấp nước tập trung khoảng 16.573 công trình, tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt khoảng 88,5%, trong đó 51% đạt QCVN 01:2009/BYT. Quy mô công trình: số liệu tổng hợp theo báo cáo từ các địa phương gồm 13.102/16.573 công trình, cụ thể:

+ Công suất ≤ 50 m³/ngày đêm: 3.977/13.102 (chiếm tỷ lệ 30,4%);

¹¹ Báo cáo tóm tắt Huy động vốn cho ngành nước: Nhu cầu đầu tư và công cụ hỗ trợ tiềm năng (Unicef).

- + Công suất >50- 300 m³/ngày đêm: 6.520/13.102 (chiếm tỷ lệ 49,8%);
- + Công suất > 300-500 m³/ngày đêm: 1.317/13.102 (chiếm tỷ lệ 10,1%);
- + Công suất > 500 m³/ngày đêm: 1.288/13.102 (chiếm tỷ lệ 9,8%).

- Về Công trình cấp nước qui mô hộ gia đình cả nước có khoảng 10 triệu công trình; trong đó cung cấp nước hợp vệ sinh chiếm 56% số dân của cả nước; cao nhất là vùng Tây Nguyên 75,6%, thấp nhất là vùng Đông Nam Bộ 35,3%. Các mô hình công nghệ cấp nước quy mô hộ gia đình chủ yếu gồm:

+ Với nước mặt: thu vào bể chứa và lắng phèn hoặc lọc cát từ nước sông, nước suối, nước mạch lộ hoặc nước từ hồ, kênh thủy lợi...trữ nước vào bể để sử dụng.

+ Với nước ngầm: dùng giếng khoan (tầng nông) hoặc giếng đào, dùng bơm và sử dụng phương pháp lọc cát để xử lý trước khi sử dụng.

+ Trữ nước mưa, nước ngọt: công nghệ lu, bể thường được sử dụng tại các tỉnh miền núi phía Bắc và một số vùng nhiễm mặn thuộc đồng bằng sông Cửu Long, vùng khó khăn về nguồn nước.

b) Phân vùng cấp nước:

Việc phân vùng cấp nước được thể hiện trong quyết định về chủ trương đầu tư, trong quy hoạch cấp nước hoặc trong việc giao quyết định. Theo báo cáo của 61/63 tỉnh, thành phố, đã có khoảng 15 địa phương ban hành quyết định phân chia vùng phục vụ cấp nước¹².

c) Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước:

- Việc ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước tại Điều 31 Nghị định 117; nhiều tỉnh thành phố đã thực hiện làm căn cứ ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của Chính quyền địa phương và doanh nghiệp cấp nước, từng bước mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Hiện nay, một số địa phương thực hiện việc ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước như: Hải Phòng (giao cho Sở Xây dựng ký thỏa thuận với Công ty Cổ

¹² Hà Nội: Văn bản số 3473/UBND-ĐT về phân vùng cấp nước và đẩy nhanh đầu tư phát triển hệ thống mạng cấp nước khu vực nông thôn; Bắc Ninh: Tất cả các đơn vị cấp nước đã ký thỏa thuận cấp nước với UBND cấp huyện, trong văn bản ký kết đã có vùng cấp nước cụ thể; Lào Cai: Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 về thực hiện dịch vụ cấp nước và vùng phục vụ cấp nước; Quảng Nam: Công văn số 6541/UBND-KTN ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phân vùng cấp nước đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2020; Bình Định: 04 địa phương đã thực hiện phân vùng cấp nước và ký kết thỏa thuận cấp nước gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn); Ninh Thuận: Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 về phân vùng cấp nước trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 ban hành kế hoạch thực hiện phương án phân vùng cấp nước tại khu vực phía Nam tỉnh Ninh Thuận, Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 ban hành kế hoạch thực hiện phương án phân vùng cấp nước tại khu vực phía bắc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030,...

phần Cấp nước Hải Phòng), Hà Giang (Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước ngày 31/3/2011, được ký kết giữa UBND thành phố Hà Giang và Công ty TNHH 1TV Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang nay là Công ty cổ phần cấp thoát nước Hà Giang), Phú Thọ (UBND tỉnh Phú Thọ có Văn bản số 4675/UBND-KTN ngày 20/10/2020, trong đó, giao cho UBND các huyện thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn quản lý), Thanh Hóa (UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 5768/UBND-NN ngày 4/5/2021 về việc thực hiện ký kết thỏa thuận dịch vụ cấp nước và hợp đồng dịch vụ cấp nước các công trình cấp nước sạch nông thôn), Ninh Thuận (Thỏa thuận dịch vụ cấp nước giữa Công ty TNHH Đông Mỹ Hải ký kết với Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm tháng 6/2021), Trà Vinh, Đồng Tháp, Cần Thơ,...

4.2. Đối với đầu tư phát triển thoát nước:

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, các địa phương đã chủ động kêu gọi đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Tổng mức đầu tư cho thoát nước và xử lý nước thải đô thị giai đoạn 1995 – 2021 là khoảng hơn **03 tỷ Đô la Mỹ**. Tuy nhiên nguồn lực đầu tư chính cho thoát nước từ ngân sách ODA đã hạn chế trong 5 năm gần đây. Còn nhiều dự án đầu tư triển khai chậm do vướng giải phóng mặt bằng, các quy định mới ban hành trong đầu tư xây dựng còn chông chéo, phát sinh nhiều thủ tục trong quá trình thực hiện.

Một số dự án thoát nước chống ngập được đầu tư đô thị lớn từ nguồn vốn ODA như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng (giai đoạn từ 2010-2015). Một vài đô thị có một phần hệ thống thoát nước riêng là Huế, Vũng Tàu, Đà Lạt, Thái Hòa, Bình Dương và Cần Thơ,...tuy nhiên việc đầu tư phát triển chưa theo kịp với tốc độ phát triển và diễn biến thời tiết, BĐKH..

Đến tháng 6/2023, có 82 nhà máy xử lý nước thải đô thị đang vận hành ở hơn 50 đô thị, với tổng công suất thiết kế là 1,466 triệu m³/ngày, công suất thực tế là 670.000 m³/ngày. Hiện nay, có khoảng 80 dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị cấp tỉnh đang trong quá trình thiết kế/ thi công xây dựng, với tổng công suất thiết kế gần 2,2 triệu m³/ngày. Các nhà máy XLNT như Yên Sở công suất 200.000 m³/ngđ (năm vận hành 2009), nhà máy XLNT Bình Hưng tp Hồ Chí Minh công suất 141.000 m³/ngđ, nhà máy XLNT Vĩnh Niệm-Hải Phòng công suất 36.000 m³/ngđ, nhà máy XLNT Cần Thơ công suất 30.000 m³/ngđ, nhà máy XLNT Hòa Xuân Đà Nẵng công suất 60.000m³/ngđ, NMXLNT Phú Lộc – Đà Nẵng cs 40.000 m³/ngđ v.v

Nhu cầu đầu tư cho phát triển hệ thống thu gom và xử lý nước thải ngày tăng cao do tốc độ đô thị hóa gia tăng. Tuy nhiên, tại một số đô thị, thực tế đã có nhà máy xử lý nước thải tập trung nhưng chưa đạt công suất thiết kế do tỷ lệ đầu

nổi thoát nước từ các hộ gia đình còn thấp hoặc mạng lưới thu gom chưa được đầu tư đồng bộ (trung bình vận hành khoảng trên 50% công suất thiết kế), nhu cầu đầu tư mở rộng phát triển hệ thống tuyến công thu gom cấp 3 và đấu nối.

Đối với khu vực nông thôn tập trung việc đầu tư cho hệ thống thu gom xử lý nước thải còn hạn chế, chủ yếu thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia và nông thôn mới xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước và thu gom nước thải, chủ yếu xử lý bằng hình thức bể tự hoại tại hộ gia đình.

Về mạng lưới thu gom nước thải, nước mưa chống ngập úng

Tỷ lệ thu gom nước thải của phạm vi phục vụ hệ thống thoát nước đô thị toàn quốc đạt khoảng **64%**; có khoảng 70% hộ gia đình đã đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị nhưng hầu hết lượng nước thải được xả thẳng ra hệ thống tiêu thoát nước bề mặt, chỉ có 15% tổng lượng nước thải được thu gom xử lý (tỷ lệ thực hiện còn thấp hơn so với điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước và xử lý nước thải đến năm 2020 tỷ lệ lượng nước thải được thu gom xử lý đề ra đạt từ 15 - 20%).

Có nhiều dự thoát nước lớn được đầu tư tại các thành phố lớn như TP Hà Nội¹³, TP Hồ Chí Minh¹⁴, Đà Nẵng, Hải Phòng,... và các dự án thoát nước được đầu tư cho đô thị như Hạ Long, Nha Trang, Quy Nhơn, Đồng Hới,... các kết quả thực hiện các dự án này đã và đang từng bước phát huy tác dụng và góp phần giảm mức độ ngập úng tại các đô thị.

5. Quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống Cấp, Thoát nước

5.1. Đối với hệ thống cấp nước:

a) Về đấu nối: Việc thực hiện đấu nối và lắp đặt đồng hồ đã được đơn vị cấp nước triển khai cho hầu hết các khách hàng sử dụng nước, góp phần kiểm soát lượng nước sạch tiêu thụ của khách hàng, giảm gian lận, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu (TTTT) nước sạch. Tỷ lệ TTTT năm 2015 khoảng 25% đã giảm còn khoảng 16,5% năm 2022. Đối với khu vực nông thôn, bước đầu nhiều đơn vị cấp nước đã đầu tư đấu nối hoặc chi phí đấu nối được trừ dần vào giá

¹³ Tình trạng ngập úng vẫn xảy ra tại nhiều đô thị như tại TP. Hà Nội, trên các tuyến phố chính khu vực nội thành tồn tại 18 điểm úng ngập cục bộ và tồn tại các điểm ngập cục bộ trên một số tuyến thuộc thị trấn các huyện và trong các ngõ, ngách khu dân cư 12 quận nội thành, các tuyến tỉnh lộ, quốc lộ. Kết quả xử lý các điểm đen về úng ngập đã tồn tại nhiều năm: Năm 2017, xóa bỏ được 02/18 điểm ngập; Năm 2018, 2019: đã cải tạo thoát nước tại 02/16 điểm ngập.

¹⁴ Tại TP. Hồ Chí Minh theo số liệu thống kê, theo dõi, đầu năm 2008 trên địa bàn thành phố có 126 tuyến đường trục chính bị ngập do mưa; đến nay trên địa bàn thành phố còn tồn tại 40 tuyến đường trục chính bị ngập do mưa. Dự kiến đến hết năm 2020 chỉ tiêu đề ra trong nhiệm kỳ sẽ giải quyết 13/17 tuyến đường ngập nước do mưa, 23/23 tuyến đường ngập nước đã xử lý tạm bằng giải pháp cấp bách (tổng cộng 36/40 tuyến đường).

nước, từng bước tạo bình đẳng, quyền lợi được tiếp cận nguồn nước sạch. Các đơn vị cấp nước triển khai đầu nối đến khách hàng sử dụng đều thực hiện ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cấp nước.

d) Hợp đồng dịch vụ cấp nước:

Hợp đồng dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị cấp nước với khách hàng sử dụng nước. Theo đó thì Hợp đồng dịch vụ cấp nước bao gồm các nội dung như: chủ thể hợp đồng; mục đích sử dụng; tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ; quyền và nghĩa vụ của các bên; giá nước, phương thức và thời hạn thanh toán; điều kiện chấm dứt hợp đồng; xử lý và các nội dung khác do hai bên thỏa thuận¹⁵. Hiện nay, tại các địa phương đang sử dụng 02 loại hợp đồng: bán buôn và bán lẻ, tuy nhiên đối với hợp đồng bán buôn đa số chưa được UBND ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước bán lẻ xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

c) Cấp nước an toàn

- Thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng; bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lượng nước, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước đạt quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.

- Đồng thời với việc xây dựng, ban chính sách về bảo đảm cấp nước an toàn, Bộ Xây dựng hướng dẫn các địa phương thành lập Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh, các đơn vị cấp nước xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn, đồng thời phối hợp với Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Tổ chức Y tế thế giới tổ chức tập huấn cho 63 công ty cấp nước về lập, triển khai kế hoạch cấp nước an toàn; Biên soạn tài liệu về Cấp nước an toàn như Sổ tay cấp nước an toàn và bộ công cụ giám sát, đánh giá cấp nước an toàn; Tổ chức các hội thảo đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm về quản lý cấp nước, thực hiện cấp nước an toàn, bảo đảm chất lượng nước, nâng cao năng lực cho cán bộ của Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, trung tâm Y tế dự phòng và đơn vị cấp nước của các tỉnh/thành phố.

- Có 15 tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Trên toàn quốc có khoảng 49/63 địa phương thành lập, ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Cấp nước an toàn cấp tỉnh và khoảng 43/63 địa phương

¹⁵ Quy định tại Điều 44 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

phê duyệt kế hoạch và lộ trình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn giai đoạn 2017-2020. Khoảng 28 tỉnh/thành phố đã phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước; Có khoảng 35% đơn vị cấp nước đô thị đã lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

5.2. Quản lý vận hành duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước:

Việc quản lý vận hành hệ thống thoát nước quy định tại Chương III – Nghị định 80 (từ Điều 17 đến Điều 29) quy định việc lựa chọn đơn vị thoát nước, quyền trách nhiệm và các yêu cầu về quản lý (quản lý mạng lưới thoát nước, quản lý hồ điều hòa, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải v.v.)

Theo rà soát tổng hợp tỷ lệ các địa phương ban hành các quy định quản lý liên quan chủ yếu tập trung quy định về quản lý đầu nổi thoát nước (trên 60% địa phương tỉnh/thành); hợp đồng quản lý vận hành (46%); Tổng hợp số địa phương đã quy định quản lý đối với một số nội dung tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP như bảng tổng hợp dưới đây:

STT	Nội dung	Số địa phương đã quy định	Tỷ lệ so với số quy định đã ban hành (%)	Tỷ lệ so với tổng số 63 tỉnh, thành phố (%)
1	Đầu nổi hộ gia đình	39	88,6	61,9
2	Quản lý bùn thải	25	56,8	39,7
3	Xử lý nước thải phi tập trung	27	61,4	42,9
4	Hợp đồng quản lý vận hành	29	65,9	46,0
5	Tái sử dụng nước mưa	03	6,8	4,8
6	Tái sử dụng nước thải đã qua xử lý	02	4,5	3,2
7	Cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước	09	20,5	14,3

Đánh giá cho thấy nội dung về đầu nổi hộ gia đình và hợp đồng quản lý vận hành là nội dung được các địa phương rất quan tâm và quy định chi tiết; nội dung về xử lý nước thải phi tập trung và quản lý bùn thải đã được các địa phương quan tâm. Tuy nhiên, trong các quy định quản lý do địa phương ban hành, các nội dung này đa số vẫn tuân thủ theo quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, chưa quy định chi tiết cụ thể hơn để phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

a) Về đầu nổi vào hệ thống thoát nước

Đã có 04/18 địa phương ban hành quyết định riêng nhằm quy định chi tiết về đầu nối hệ thống thoát nước trên địa bàn^[16];

- Có đến 14/39 quyết định chi tiết hoá khoản 2 Điều 33 Nghị định 80 nhưng chưa quy định cụ thể về mức hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước. Riêng Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội có bổ sung thêm các mẫu biểu phục vụ thủ tục thỏa thuận đầu nối;

Tuy nhiên thực tế tỷ lệ đầu nối vẫn còn thấp nhiều dự án triển khai đã đầu tư nhà máy xử lý nước thải nhưng thiếu hệ thống tuyến cống bao và đầu nối nước thải nên công suất hoạt động thấp (Dự án thoát nước Lạng Sơn, Đồng Nai, Hà Nội, Sơn La, v.v.).

- Có 06/39 quyết định^[17] chi tiết hoá khoản 2 Điều 33 Nghị định 80 và quy định cụ thể về đối tượng và mức hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước;

+ Tỉnh An Giang: Hỗ trợ 100% chi phí đầu nối đối với hộ thoát nước là hộ gia đình Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, người hoạt động các mạng trước khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Hỗ trợ 50% chi phí đầu nối đối với những hộ thoát nước là hộ gia đình có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo tại thời điểm thực hiện đầu nối được cấp có thẩm quyền xác nhận; Hỗ trợ 25% chi phí đầu nối đối với những hộ thoát nước chấp hành và thực hiện đầu nối ngay khi được yêu cầu đầu nối.

+ Tỉnh Phú Yên hỗ trợ các đối tượng trên với các tỷ lệ lần lượt là 100%, 30% và 10%; Quảng Ngãi với tỷ lệ hỗ trợ là 100%, 50% và 30%.

+ Các tỉnh Sơn La, Tây Ninh, Sóc Trăng: Hỗ trợ 100% chi phí đầu nối đối với hộ thoát nước thuộc đối tượng chính sách, hộ nghèo được cấp có thẩm quyền xác nhận. Đối với các trường hợp còn lại, tùy vào điều kiện thực tế hỗ trợ chi phí đầu nối tối đa không quá 50%.

- UBND tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 quy định đầu nối vào hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Nam Định. Tuy nhiên, nội dung chủ yếu dẫn chiếu, tập trung vào phân công tổ chức thực hiện công tác đầu nối và chưa quy định cụ thể mức hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước.

- Đối với đô thị hệ thống thoát nước chung việc đầu nối tỷ lệ cao, đối với

^[16] Quyết định số 91/2018/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định đầu nối và hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định đầu nối vào hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hòa Bình.

^[17] Quyết định của UBND các tỉnh: An Giang, Phú Yên, Quảng Ngãi, Sơn La, Sóc Trăng, Tây Ninh.

các đô thị đầu tư hệ thống trạm xử lý nước thải và hệ thống thu gom nước thải riêng việc đầu nối vào hệ thống thoát nước thường gặp khó khăn do hầu hết các gia đình bề tự hoại của các hộ gia đình thường nằm ở phía sau nhà, trong khi hộp đầu nối nằm ở trước nhà; một số trường hợp cốt nền nhà thấp hơn so với đường, vỉa hè được nâng cấp, cải tạo.

b) Đơn vị vận hành bảo dưỡng (VH&BD)

- Mô hình tổ chức quản lý vận hành hệ thống thoát nước không thống nhất tại các địa phương. Hiện nay có khoảng 10 doanh nghiệp chuyên làm nhiệm vụ thoát nước, tập trung tại một số đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, ... Khoảng 20 doanh nghiệp có chức năng hoạt động trong cả lĩnh vực thoát nước và cấp nước, còn lại các doanh nghiệp khác hoạt động mang tính chất đa ngành nghề, bao gồm cả môi trường, dịch vụ công ích và xã hội. Nhìn chung, mô hình tổ chức quản lý tài sản và quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải về cơ bản là doanh nghiệp công ích, được ủy quyền quản lý tài sản, được giao trực tiếp hoặc đấu thầu quản lý vận hành các công trình thoát nước và xử lý nước thải. Trong một số trường hợp được giao chủ đầu tư các dự án thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị. Ngoài ra, có một số hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải được doanh nghiệp tư nhân đầu tư và quản lý vận hành theo hình thức BT hoặc BO.

- Hầu hết các công ty này đều hoạt động theo cơ chế “chính quyền địa phương đặt hàng” và được ngân sách của địa phương thanh toán trực tiếp.

- Hiện nay việc tổ chức và giao lựa chọn đơn vị vận hành bảo dưỡng tuân thủ theo quy định Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và dự toán được lập, giao theo niên độ ngân sách hàng năm nên việc quy định hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 05 năm như tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 80 là khó triển khai và nhiều địa phương thực hiện theo các hình thức khác nhau.

- Tính đến năm 2019, trong số 71 DNNN thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, 55% đã được chuyển đổi thành công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ 50% vốn¹⁸.

- Hiện nay, các đơn vị vận hành thoát nước tại các địa phương là các công ty TNHH 1 thành viên nhà nước tại các đô thị lớn (Hà Nội, Tp Hồ Chí

¹⁸ Về Cổ phần hóa các DNNN quản lý thoát nước: Về tổ chức các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), quá trình cải cách DNNN trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải bắt đầu từ năm 2007 khi Quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 16/3/2007 được ban hành, theo đó loại bỏ quy định bắt buộc Nhà nước nắm giữ 100% vốn trong các DNNN hoạt động trong lĩnh vực thoát nước đô thị. Kể từ năm 2007-2021, Nhà nước chỉ sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ đối với các DNNN thuộc lĩnh vực thoát nước. Gần đây nhất, vào năm 2021, tỷ lệ sở hữu vốn Nhà nước tại các DNNN được quy định trong khoảng từ 50% đến dưới 65%.

Minh.v.v.) hoặc, công ty môi trường đô thị, hoặc công ty dịch vụ công ích) phụ trách VH&BD các công trình thoát nước. Tuy nhiên, trừ một số ban trực thuộc Công ty, còn hầu hết thường không tham gia vào giai đoạn thiết kế và thi công, hoặc không phải là chủ sở hữu các tài sản thoát nước. Trong hầu hết các trường hợp, các Chủ đầu tư (thông thường là UBND cấp tỉnh với các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn do mình quản lý) và các chủ sở hữu (UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện, xã được ủy quyền) triển khai công tác thiết kế và thi công các công trình thoát nước trước khi ký hợp đồng VH&BD và bàn giao công trình cho các đơn vị vận hành thoát nước. Do đó việc nắm bắt kỹ thuật về công trình thoát nước thường gặp khó khăn do các quá trình chuyển giao.

c) Về quản lý bùn thải

Trong 50 Quyết định của địa phương ban hành quy định liên quan đến quản lý hoạt động thoát nước, chỉ có 25/50 quyết định có nội dung về quản lý bùn thải. Trong đó có đến 14/25 quyết định có nội dung dẫn chiếu toàn bộ theo Điều 25 Nghị định 80 và Điều 2, Điều 3 Thông tư 04; Có 07/25 quyết định^[19] bổ sung, làm rõ hơn điểm c khoản 4 Điều 25 Nghị định 80^[20]; cụ thể quy định như sau: “Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải phải xây dựng công trình xử lý bùn thải”; Có 02/25 quyết định^[21] bổ sung dẫn chiếu nội dung khoản 3 Điều 40 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu^[22]; Tuy nhiên hiện nay Nghị định 38 đã hết hiệu lực, các quy định mới bổ sung, sửa đổi trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Có 02/25 quyết định^[23] vừa bổ sung, làm rõ hơn điểm c khoản 4 Điều 25 Nghị định 80 và vừa dẫn chiếu nội dung khoản 3 Điều 40 Nghị định 38. Riêng đối với Quyết định số 26/2016/UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng, nội dung còn quy định trái với điểm b khoản 3 Điều 40 Nghị định 38; cụ thể quy định như sau: “Trong trường hợp bùn thải không có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại cho phép thì phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Chương III Nghị định 38”.

^[19] Quyết định của UBND các tỉnh: Bắc Ninh, Bình Định, Nghệ An, Quảng Bình, Bắc Kạn, Bình Phước, Tuyên Quang.

^[20] Điểm c Khoản 4 Điều 25 Nghị định 80 quy định: “*Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải phải có các giải pháp thu gom và xử lý bùn thải phù hợp*”.

^[21] Quyết định của UBND các tỉnh: Đồng Nai, Ninh Thuận.

^[22] Khoản 3 Điều 40 Nghị định 38 quy định: “*Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý như sau: a) Bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Chương II Nghị định 38; b) Bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Chương IV Nghị định 38*”.

^[23] Quyết định của UBND các tỉnh: Lâm Đồng, Tây Ninh.

- Việc quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước chủ yếu do đơn vị thoát nước đảm nhiệm và các đơn vị thoát nước tự xử lý hoặc giao cho đơn vị xử lý chất thải rắn trên địa bàn đảm nhiệm; Nguồn kinh phí chi trả cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý: Chủ yếu là nguồn ngân sách nhà nước. Một số địa phương trích một phần từ khoản thu giá dịch vụ thoát nước và phí bảo vệ môi trường.

- Việc quản lý bùn thải từ bể tự hoại do rất nhiều đơn vị thực hiện trên mỗi địa bàn với sự tham gia rất lớn của các công ty tư nhân; Nguồn kinh phí cho hoạt động thông hút, vận chuyển, xử lý do chủ sở hữu các bể tự hoại chi trả.

Hiện nghị định 80 và các quy định chi tiết hướng dẫn về xác định địa điểm xử lý bùn thải, tuy nhiên chưa có hướng dẫn lập quản lý chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ HTTN. Thiếu nhân lực trang thiết bị cũng như hệ thống quản lý giám sát chưa được quan tâm đầu tư.

d) Hợp đồng quản lý vận hành

Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP).

- Đến năm 2021, có khoảng 30 địa phương đã và đang thực hiện Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước. Qua số liệu khảo sát 30/63 tỉnh thành), tổng hợp các hình thức hợp đồng quản lý vận hành gồm:

+ *Hợp đồng đặt hàng* (chiếm 48% trong tổng số lựa chọn): Đây là hình thức hợp đồng phổ biến nhất được các địa phương lựa chọn áp dụng, bởi đa số đơn vị thoát nước hoạt động ở các địa phương vẫn còn cổ phần của Nhà nước. Khi thực hiện hình thức hợp đồng này, một số địa phương có cách thức áp dụng đáng lưu ý như trường hợp của Bắc Ninh, hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được ký kết có thời hạn 10 năm đóng vai trò như một hợp đồng nguyên tắc; trong quá trình thực hiện mỗi năm sẽ ký 01 hợp đồng đặt hàng riêng cho từng năm.

+ *Hợp đồng đấu thầu*²⁴ (chiếm 37% trong tổng số lựa chọn): Đây là hình thức hợp đồng đang được các địa phương có xu hướng lựa chọn, bởi thể hiện được tính cạnh tranh, công khai, minh bạch trong lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành.²⁵

²⁴ Theo Điều 62 Luật Đấu thầu năm 2013, có 04 loại hợp đồng với nhà thầu bao gồm: (1) Hợp đồng trọn gói; (2) Hợp đồng theo đơn giá cố định; (3) Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; (4) Hợp đồng theo thời gian.

²⁵ TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đang áp dụng hợp đồng đấu thầu và cho rằng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh sẽ phù hợp áp dụng cho công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhưng cần hoàn thiện quy trình định mức đơn giá cho từng loại hình dịch vụ sản phẩm.

+ *Hợp đồng giao nhiệm vụ* (chiếm 15% trong tổng số lựa chọn): Đây là loại hợp đồng có xu hướng ít được lựa chọn; chủ yếu áp dụng cho những địa phương có đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

Đánh giá cho thấy nội dung về đấu nối hộ gia đình và hợp đồng quản lý vận hành là nội dung được các địa phương rất quan tâm và quy định chi tiết; nội dung về xử lý nước thải tập trung và quản lý bùn thải đã được các địa phương quan tâm. Tuy nhiên, trong các quy định quản lý do địa phương ban hành, các nội dung này đa số vẫn tuân thủ theo quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, chưa quy định chi tiết cụ thể hơn để phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

d) Quản lý tái sử dụng nước mưa

Đã có quy định tại Khoản 2, Điều 20 và Điều 21 về tái sử dụng nước mưa và quản lý hồ điều hòa, lưu chứa nước mưa tuy nhiên mới chỉ khuyến khích và có hỗ trợ ưu đãi nhưng thực tế để tiếp cận nguồn vốn ưu đãi là khó khăn. Hiện chưa có quy định bắt buộc và tài liệu kỹ thuật hướng dẫn thống nhất phổ biến áp dụng, nên nhiều địa phương chỉ thực hiện ở quy mô nhỏ, hộ gia đình chưa thúc đẩy tái sử dụng nước mưa quy mô lớn, góp phần giảm ngập lụt, tiết kiệm tài nguyên.

6. Giá nước sạch và giá dịch vụ thoát nước

6.1. Giá nước sạch

- Ngày 15/5/2012, liên Bộ: Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT giữa Bộ về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn. Ngày 28/5/2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 88/2012/TT-BTC ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt, theo đó giá nước sạch được quy định nằm trong khung giá từ 3.500 đến 18.000 đồng đối với đô thị đặc biệt, loại 1; từ 3.000 đến 15.000 đồng đối với đô thị loại 2, loại 3, loại 4, loại 5 và từ 2.000 đến 11.000 đồng đối với khu vực nông thôn. Thực hiện quy định Thông tư trên, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành quy định về mức giá nước sạch cụ thể cho các nhóm đối tượng.

- Đến ngày 18/6/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 44/2021/TT-BTC hướng dẫn khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt (thay thế Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT, Thông tư số 88/2012/TT-BTC). Theo đó, khung giá theo các nhóm đối tượng vẫn giữ nguyên theo Thông tư số 88/2012/TT-BTC. Đến nay, hầu hết Ủy ban

nhân dân các tỉnh/thành phố trung ương đã điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch. Giá nước bình quân tại các địa phương khoảng từ 7.000 đ/m³ đến 9.000 đ/m³. Giá tiêu thụ nước sạch được ban hành đã và đang tiếp cận nguyên tắc tính đúng, tính đủ, được điều chỉnh theo hướng phù hợp với biến động của chi phí sản xuất - kinh doanh.

6.2. Giá dịch vụ thoát nước

- Giá dịch vụ thoát nước đã được quy định tại Điều 41 Nghị định 80 và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt giá dịch vụ thoát nước, quyết định mức thu và lộ trình thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước trên địa bàn mình quản lý.

- Giá dịch vụ được các địa phương chậm xây dựng và ban hành, hiện mới có khoảng 20/63 tỉnh thành phố ban hành giá dịch vụ thoát nước. Theo số liệu thu thập có khoảng 20/63 địa phương đã ban hành giá dịch vụ thoát nước hoặc lộ trình giá dịch vụ thoát nước với các mức giá dao động khoảng từ 4.300-5.558 đ/m³ (Bình Dương: có 6 mức giá); Sóc Trăng từ 2.600 đến 5.600 đ/m³. Chủ yếu nhiều địa phương vẫn áp dụng duy nhất phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 (đã được thay thế bởi Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020).

7. Quản lý nhà nước về Cấp, Thoát nước

7.1. Quản lý nhà nước về cấp nước

- Theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên lãnh thổ Việt Nam; ban hành và chỉ đạo thực hiện các chiến lược, chương trình, định hướng phát triển cấp nước ở cấp quốc gia và giao Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước tại các đô thị và khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước tại các khu vực nông thôn (Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách; Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước; Ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động cấp nước).

- Ngoài ra, liên quan đến lĩnh vực cấp nước sạch, Bộ Y tế chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng, ban hành quy chuẩn nước sạch, tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện; Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư và làm đầu mối vận động

nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo thứ tự ưu tiên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bộ Tài chính thống nhất quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức(ODA); phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch, ban hành khung giá nước sạch và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

- Tại các địa phương, việc quản lý cấp nước đô thị và khu công nghiệp được giao cho Sở Xây dựng, quản lý cấp nước nông thôn được giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tuy nhiên trong thời gian vừa qua tại một số tỉnh, công tác quản lý cấp nước đã được giao thống nhất về một đầu mối như Sở Xây dựng Hà Nội (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương tại Thông báo số 508/TB-VPCP ngày 31/10/2017), một số tỉnh đã giao cho công ty cấp nước đô thị cấp nước cho khu vực nông thôn như: Thành phố Hồ Chí Minh (Tổng công ty TNHH MTV Cấp nước Sài Gòn đã quản lý cấp nước nông thôn, cụ thể: trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đã sáp nhập trực thuộc Tổng Công ty và Xí nghiệp cấp nước sinh hoạt nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh), tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty Cổ phần cấp nước Huế đã vươn tới cấp nước cho khu vực nông thôn với mục tiêu tỷ lệ dân số toàn tỉnh sử dụng nước sạch đạt trên 90% vào năm 2020.

- Về tình hình thanh tra, kiểm tra tình hình cấp nước tại Trung ương: Tại trung ương, các đơn vị chức năng đã tổ chức việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cấp nước; phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về cấp nước; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về cấp nước. Một số hoạt động kiểm tra cụ thể như:

+ Ngày 15/10/2019, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 9403a/VPCP-CN giao *“Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, cùng các địa phương kiểm tra tình hình hoạt động của các nhà máy nước sạch trong cả nước để đảm bảo nguồn nước sạch, an toàn phục vụ nhân dân”*. Sau đó Bộ Xây dựng đã tổ chức đoàn kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra tình hình hoạt động của các nhà máy nước sạch trong cả nước để đảm bảo nguồn nước sạch, an toàn phục vụ nhân dân tại Văn bản số 38/BC-BXD ngày 17/4/2020²⁶.

²⁶ Bộ Xây dựng đã Ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của các nhà máy nước sạch tại Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 23/10/2019 và thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành các nhà máy nước sạch trong cả nước tại Quyết định số 888/QĐ-BXD ngày 29/10/2019, và có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra tình hình hoạt động của các nhà máy nước sạch trong cả nước để đảm bảo nguồn nước sạch, an toàn phục vụ nhân dân tại Văn bản số 38/BC-BXD ngày 17/4/2020 và đề xuất ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày

+ Về vấn đề cấp nước cho phòng cháy chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an, lãnh đạo Bộ Xây dựng về việc đánh giá thực trạng việc tổ chức thực hiện công tác cấp nước phòng cháy, chữa cháy (PCCC) tại các địa phương nhằm tổng kết 12 năm thực hiện Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT/BXD-BCA ngày 10/4/2009 của Bộ Công an và Bộ Xây dựng, Đoàn kiểm tra liên ngành giữa Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Bộ Công an và Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng đối với 05 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Định, Đồng Nai và Bình Dương theo Kế hoạch số 69/KH-C07-P5 ngày 13/5/2022 của C07 và có báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo số 111/BC-BXD ngày 29/5/2023.

+ Ngoài ra, Bộ Xây dựng tổ chức các đoàn kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị,... trong đó có nội dung kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về cấp nước.

7.2. Quản lý nhà nước về thoát nước

a) Ở cấp Trung ương:

Nghị định số 80/2014/NĐ-CP quy định Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường trên phạm vi cả nước; phối hợp với các Bộ, ngành quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung.

b. Ở cấp địa phương

Điều 46 Nghị định 80 có quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý

cho Ủy ban nhân dân các cấp về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý. Qua tham vấn, hiện có hai mô hình tổ chức quản lý thoát nước tại cấp địa phương:

- Mô hình quản lý tập trung: Sở Xây dựng quản lý vận hành thoát nước chung trên toàn tỉnh. Trung tâm quản lý hạ tầng đô thị của Sở Xây dựng sẽ đại diện cho Sở ký hợp đồng quản lý vận hành với các đơn vị quản lý vận hành thông qua đấu thầu rộng rãi.

- Mô hình quản lý phân cấp: Sở xây dựng thực hiện vai trò là quản lý nhà nước và giao cho các địa phương trong tỉnh tự đầu tư, tự thuê nhà thầu và đấu thầu. Đối với dự án đầu tư, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện sẽ giao cho ban quản lý dự án chuyên ngành để triển khai dự án, tùy theo nguồn vốn đầu tư. Việc quyết định chủ trương đầu tư có thể là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện. Đối với quản lý vận hành, tỉnh giao cho UBND cấp huyện nơi có hệ thống thu gom xử lý quản lý.

- Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thoát nước, một số địa phương gặp khó khăn do chưa được bố trí tổ chức đầy đủ nguồn lực để quản lý, chưa có quy định về cơ quan/ đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở phụ trách quản lý phát triển thoát nước riêng trong khi khối lượng hệ thống thoát nước rộng khắp trên nhiều địa bàn, hiện nay các địa phương có phòng quản lý chung về các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật.

Qua tham vấn, nhiều địa phương, đơn vị mong muốn để đảm bảo cho công tác quản lý thoát nước trên địa bàn tỉnh, Sở Xây dựng muốn đề xuất với tỉnh thành lập một công ty nhà nước để quản lý hết toàn bộ lĩnh vực thoát nước và nước thải trên địa bàn tỉnh như trước đây. Tuy nhiên, việc này bị vướng cơ chế vì một số quy định giảm biên chế. Ngoài ra, cũng có trường hợp địa phương muốn thành lập trung tâm quản lý hạ tầng đô thị để tăng cường năng lực quản lý nhưng chưa thực hiện được do chưa rõ căn cứ để thành lập.

Do vậy vấn đề xác định việc quản lý, phân công, phân cấp và tổ chức bộ máy, mô hình quản lý đối với lĩnh vực thoát nước là yêu cầu cần đặt trong các quy định hướng dẫn thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo quy mô, cấp đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển.

8. Đánh giá chung về kết quả đạt được

- Nhận thức được tầm quan trọng của nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải với việc phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, trong những năm vừa qua Quốc hội, Chính phủ đã ban hành, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, cùng với việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, trình độ năng lực của các cơ quan

quản lý nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý phát triển cấp nước, thoát nước được đề cập trong nhiều Luật, ví dụ: công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng công trình cấp nước đang tuân thủ theo Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020, Luật Quy hoạch năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2014; Công tác sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch tuân thủ theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải, mô hình hoạt động công ty cấp nước tuân theo Luật Doanh nghiệp năm 2020;..

- Đến nay, đối với khu vực đô thị trên cả nước có khoảng hơn 250 doanh nghiệp cấp nước, đang vận hành khoảng 750 nhà máy nước và mạng đường ống cấp nước bao phủ khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn lân cận; tổng công suất các nhà máy nước khoảng 12,6 triệu m³/ngđ, tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch 94,2%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch 16,5%. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt khoảng 88,5%, trong đó 51% đạt QCVN 01:2009/BYT (áp dụng cho các trạm cấp nước có công suất > 1000 m³/ngđ), với khoảng 44% người dân nông thôn (28,5% triệu người) được cấp nước từ công trình cấp nước tập trung; tỷ lệ mẫu nước của các trạm cấp nước có công suất < 1000 m³/ngđ đạt QCVN 02:2009/BYT năm 2018 là 61,6%.

- Các địa phương thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp cấp nước từ năm 2005, đến nay khoảng hơn 90% các doanh nghiệp cấp nước đô thị đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (hiện nay chỉ còn khoảng 10 doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV). Bên cạnh việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần hóa²⁷, việc huy động tư nhân tham gia đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước đô thị và nông thôn đã được triển khai mạnh tại 63 tỉnh thành phố trên cả nước²⁸.

²⁷ Thực hiện chủ trương thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Tính đến tháng 5/2020, trong số 58 doanh nghiệp nêu trên, có 02 doanh nghiệp hoàn thành chuyển giao về SCIC, 17 doanh nghiệp hoàn thành thoái vốn theo tỷ lệ, 09 doanh nghiệp thoái một phần vốn theo kế hoạch. Tỷ lệ hoàn thành thoái vốn theo kế hoạch là 29%. Đến nay, trên địa bàn toàn quốc có 47 tỉnh thành phố với 54 doanh nghiệp cấp nước có vốn Nhà nước đang duy trì góp vốn; trong đó, Nhà nước nắm giữ trên 51% tại 40 doanh nghiệp, trên 36% tại 14 doanh nghiệp.

²⁸ Từ năm 2010, các tỉnh thành phố đã huy động được khoảng 140 doanh nghiệp tư nhân đầu tư công trình cấp nước, đến nay đạt khoảng 250 doanh nghiệp cấp nước đô thị đang khai thác vận hành 750

- Công tác lập quy hoạch cấp nước đã được quan tâm và đẩy mạnh tại các vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Miền Trung, Phía Nam và vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, các vùng đô thị, nông thôn và các thành phố trực thuộc Trung ương.

- Lĩnh vực cấp nước được Chính phủ thống nhất quản lý trên lãnh thổ Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý.

- Về mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:

Hệ thống thoát nước các khu dân cư thuộc các đô thị lớn, các lưu vực sông chủ yếu được đầu tư qua nhiều giai đoạn, chủ yếu là hệ thống thoát nước chung. Tỷ lệ bao phủ dịch vụ hệ thống thoát nước đô thị toàn quốc đạt khoảng **64%**; có khoảng 70% hộ gia đình đã đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị, nước thải chủ yếu xử lý sơ bộ qua bể tự hoại đưa vào hệ thống thoát nước chung, chỉ có 15% tổng lượng nước thải được thu gom xử lý (tỷ lệ thực hiện còn thấp hơn so với điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước và xử lý nước thải đến năm 2020 tỷ lệ lượng nước thải được thu gom xử lý đề ra đạt từ 15 - 20%). Một vài đô thị có một phần hệ thống thoát nước riêng là Huế, Vũng Tàu, Đà Lạt, Thái Hòa, Bình Dương và Cần Thơ,...

Tỷ lệ đường cống thoát nước trên đầu người còn thấp so với các đô thị trên thế giới (trung bình khoảng dưới 0,5 m/người, so với thế giới là 2 m/người). Mật độ kênh mương tại các đô thị dao động khá lớn, từ 0,29-18 km cống/km² diện tích đô thị, trung bình các đô thị là 3,3 km cống/km².

- Về nhà máy xử lý nước thải:

Đến tháng 6/2023, có 82 nhà máy xử lý nước thải đô thị đang vận hành ở hơn 50 đô thị, với tổng công suất thiết kế là 1,466 triệu m³/ngày, công suất thực tế là 670.000 m³/ngày. Hiện nay, có khoảng 80 dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị cấp tỉnh đang trong quá trình thiết kế/ thi công xây dựng, với tổng công suất thiết kế gần 2,2 triệu m³/ngày. Tổng mức đầu tư cho thoát nước và xử lý nước thải đô thị giai đoạn 1995 – 2021 là khoảng hơn 03 tỷ Đô la Mỹ.

Tại một số đô thị, thực tế đã có nhà máy xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên, một số nhà máy hoạt động chưa đạt công suất thiết kế do tỷ lệ đầu nối thoát nước từ các hộ gia đình còn thấp hoặc mạng lưới thu gom chưa được đầu tư đồng bộ (trung bình vận hành khoảng trên 50% công suất thiết kế).

nhà máy nước quy mô từ 3.000 m³/ngđ – 300.000 m³/ngđ, cung cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn liền kề; ngoài ra hàng trăm doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư vào công trình cấp nước nông thôn với quy mô công suất từ 500 m³/ngđ – 30.000 m³/ngđ.

Tính đến cuối tháng 9/2021, có 262/291 khu công nghiệp đang hoạt động, tỷ lệ có công trình xử lý nước thải tập trung đi vào hoạt động đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 90% với tổng công suất tối đa khoảng 1,2 triệu m³/ngày.

Về ngập úng đô thị:

Công tác quản lý thoát nước và chống ngập úng tại các đô thị Việt Nam đã có những nỗ lực rất lớn từ khi hệ thống thoát nước đô thị hình thành cho đến nay. Bên cạnh nhiều dự án thoát nước lớn được đầu tư tại các thành phố lớn như TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh Đà Nẵng, Hải Phòng,... thì ngày càng có nhiều dự án thoát nước được đầu tư các đô thị như Hạ Long, Nha Trang, Quy Nhơn, Đồng Hới,... các kết quả thực hiện các dự án này đã và đang từng bước phát huy tác dụng và góp phần giảm mức độ ngập úng tại các đô thị.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại và hạn chế (thực tiễn và pháp luật)

1.1. Pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực Cấp, Thoát nước chưa tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của dịch vụ cung cấp nước sạch và thoát nước, xử lý nước thải:

- Ngày 28/7/2010, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đã thông qua Nghị quyết công nhận việc tiếp cận nước sạch và điều kiện vệ sinh là một quyền cơ bản của con người. Nhiều nước trên thế giới cũng đã quy định việc tiếp cận hay được sử dụng nước sạch là quyền của con người. Ở Việt Nam, cùng với điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, chất lượng cuộc sống của con người ngày càng được quan tâm nhiều hơn, quy định người dân có quyền được tiếp cận với nguồn nước sạch nhằm thể hiện vai trò trách nhiệm của Nhà nước đối với nhu cầu sử dụng nước của người dân, đặc biệt khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Theo Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, tại Điều 34 quy định Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội và Điều 44 quy định Công dân có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Việc nghiên cứu, xây dựng Luật Cấp thoát nước tạo công cụ pháp lý bảo đảm việc cung cấp nước sạch, điều kiện vệ sinh môi trường (nước thải phát sinh được thu gom, xử lý đảm bảo xả ra môi trường/nguồn nước đạt quy chuẩn tiêu chuẩn, đảm bảo tiêu thoát nước tránh ngập úng đô thị v.v) đáp ứng nhu cầu sử dụng, đảm bảo đời sống của người dân, góp phần phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Dịch vụ Cấp, Thoát nước để đảm bảo yêu cầu sinh hoạt và vệ sinh môi trường hàng ngày của con người là những nhu cầu thiết yếu trong chu trình tuần hoàn nước và “cấp –thoát” cần gắn liền với nhau.

- Nước sạch là một loại thực phẩm đặc biệt, phục vụ nhu cầu thiết yếu của cuộc sống con người và phát triển kinh tế - xã hội, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, đảm bảo cấp nước an toàn không chỉ là trách nhiệm của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, đơn vị cấp nước mà còn là trách nhiệm của toàn thể cộng đồng. Việc thu gom, xử lý nước thải góp phần bảo vệ nguồn nước. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đang dừng ở mức Nghị định và bị chi phối bởi nhiều Luật chuyên ngành khác, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc quá trình thực hiện đầu tư, cải tạo mở rộng duy tu, bảo dưỡng hệ thống Cấp thoát nước, đặc biệt khi có yêu cầu khẩn cấp như sự cố, vỡ ống, thiên tai, bão lũ gây phá hủy hệ thống v.v.

a) Đối với lĩnh vực cấp nước:

- Việc thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn trong lĩnh vực cấp nước như: về quy hoạch cấp nước không được lập riêng (trừ thành phố trực thuộc trung ương) từ đó tính khả thi khi lập dự án, cơ sở triển khai dự án không cao; không có quy định về đảm bảo an ninh, an toàn cho công trình cấp nước dẫn đến nhiều sự cố như: ô nhiễm nhà máy nước Sông Đà, vỡ đường ống trong quá trình thi công tại các địa phương,... Việc đầu tư xây dựng chịu nhiều tác động của chuyên ngành hạ tầng khác (đường bộ, điện lực, viễn thông,...).

- Trong quá trình đầu tư mạng đường ống cấp nước, đơn vị cấp nước phải cam đoan tự chịu trách nhiệm di dời hay sửa chữa đường ống nước khi đầu tư, cải tạo hay mở rộng các tuyến giao thông kể cả trường hợp không có trong quy hoạch giao thông. Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, các công trình hạ tầng dọc theo các tuyến giao thông phải tự di dời toàn bộ tuyến ống, không đòi hỏi bồi hoàn khi ngành đường bộ có nhu cầu di dời. Đây cũng là vấn đề bất cập, khó khăn cho cho các đơn vị cấp nước trong bảo đảm hiệu quả đầu tư và quá trình vận hành hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước.

- Quy định về thỏa thuận dịch vụ cấp nước theo Nghị định 117/2007/NĐ-CP hầu như chưa được thực hiện, chưa gắn được trách nhiệm của UBND các cấp để bảo vệ quyền lợi của người dân trong lĩnh vực cấp nước, cũng như quyền được huy động, sử dụng công trình cấp nước khi xảy ra những sự cố nghiêm trọng.

- Doanh nghiệp cấp nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nên xuất hiện những bất cập trong quá trình xã hội hóa lĩnh vực cấp nước, mâu thuẫn giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của cộng đồng, doanh nghiệp quan tâm nhiều về lợi nhuận, thiếu quan tâm chất lượng dịch vụ cấp nước cũng như quyền

được sử dụng dịch vụ cấp nước của người dân. Ngoài ra, lợi nhuận và hiệu quả đầu tư đã và đang hạn chế trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân và bảo đảm cấp nước an toàn. Cấp nước sạch cho người dân là vấn đề an sinh xã hội, các hoạt động này cần có sự kiểm soát của nhà nước, tuy nhiên thực trạng hiện nay là các doanh nghiệp (công ty cổ phần) tự do kinh doanh, chuyển nhượng, mua bán cổ phần đang diễn ra phổ biến thiếu sự kiểm soát của nhà nước.

- Chồng chéo trong việc ban hành Quy chuẩn về chất lượng nước sạch cung cấp cho sinh hoạt (Thông tư số 01/2016/TT-BXD do Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07-1:2016/BXD trong đó quy định 21 chỉ tiêu trong đó Thông tư 41/2018/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành có 99 chỉ tiêu về chất lượng nước).

b) Đối với lĩnh vực thoát nước:

- Hệ thống pháp lý về thoát nước còn chưa hoàn thiện, chưa đảm bảo hiệu quả, hiệu lực thực thi.

- Hệ thống pháp luật chưa được xây dựng ở cấp độ cao nhất, hiện đã có quy định nhưng việc tổ chức triển khai ở nhiều địa phương còn lúng túng. Các văn bản quy phạm pháp luật ra sau chưa thống nhất và chồng chéo với Nghị định 80 (như Nghị định 32, Nghị định 53- Xem chi tiết phần Phụ lục 2), chưa có yêu cầu quy chế thiết lập mô hình tổ chức quản lý thoát nước đồng bộ, thống nhất với đội ngũ chuyên trách có năng lực kinh nghiệm. Công tác tổ chức thanh tra, giám sát, các chế tài xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm, không tuân thủ quy định. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, phân cấp ở các cấp còn chồng chéo, chưa cụ thể. Chưa rõ ràng các nội dung về thoát nước mưa và XLNT, cũng như các vấn đề về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước (trách nhiệm cấp chính quyền, tổ chức, người dân, nguồn lực đầu tư, chi phí chi trả cho dịch vụ nước mưa, nước thải và phòng chống ngập úng đô thị, biến đổi khí hậu...). Ngoài ra, các văn bản dưới luật đến nay không còn phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam nói chung và ngành nước nói riêng.

- Tình trạng lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thoát nước (hệ thống công, kênh, mương, ao hồ v.v.) gây tắc nghẽn hệ thống hoặc xả nước thải không qua xử lý chưa có đầy đủ đội ngũ, trang thiết bị để kiểm tra, giám sát và chế tài xử phạt nghiêm. Mặc dù đã được quy định trong Nghị định 80, nhưng vẫn còn nhiều địa phương chưa ban hành quy định, quy chế quản lý thoát nước địa phương.

- Trong phát triển và quản lý thoát nước vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập do hiệu lực thực thi pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ trong quản lý, cơ chế,

chính sách, sự cam kết ở cấp Nhà nước, chính quyền địa phương và các bên liên quan khác.

- Điều 46 Nghị định 80 có quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các cấp về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý. Thực tế hiện có hai mô hình tổ chức quản lý thoát nước tại cấp địa phương

- Mô hình quản lý tập trung: Sở Xây dựng quản lý vận hành thoát nước chung trên toàn tỉnh. Trung tâm quản lý hạ tầng đô thị của Sở Xây dựng sẽ đại diện cho Sở ký hợp đồng quản lý vận hành với các đơn vị quản lý vận hành thông qua đấu thầu rộng rãi.

- Mô hình quản lý phân cấp: Sở xây dựng thực hiện vai trò là quản lý nhà nước và giao cho các địa phương trong tỉnh tự đầu tư, tự thuê nhà thầu và đấu thầu. Đối với dự án đầu tư, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện sẽ giao cho ban quản lý dự án chuyên ngành để triển khai dự án, tùy theo nguồn vốn đầu tư. Việc quyết định chủ trương đầu tư có thể là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện. Đối với quản lý vận hành, tỉnh giao cho UBND cấp huyện nơi có hệ thống thu gom xử lý quản lý.

- Về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thoát nước ở một số địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí tổ chức đầy đủ nguồn lực để quản lý, do hiện chưa có quy định về cơ quan/ đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở phụ trách quản lý phát triển thoát nước.

- Bắt đầu từ năm 2007 khi Quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 16/3/2007 được ban hành, theo đó loại bỏ quy định bắt buộc Nhà nước nắm giữ 100% vốn trong các DNNN hoạt động trong lĩnh vực thoát nước đô thị. Kể từ năm 2007-2021, Nhà nước chỉ sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ đối với các DNNN thuộc lĩnh vực thoát nước. Gần đây nhất, vào năm 2021, tỷ lệ sở hữu vốn Nhà nước tại các DNNN được quy định trong khoảng từ 50% đến dưới 65%²⁹. Khi các doanh nghiệp cổ phần thực hiện theo Luật doanh nghiệp và không được quản lý vốn nhà nước khi cần đầu tư, mở rộng hệ thống, không chủ động được phương án kế hoạch cải tạo, bảo dưỡng và nâng cấp đáp ứng yêu cầu vận hành trước tình trạng ảnh hưởng BĐKH hay NBD v.v. cũng là vấn đề khsó khăn để duy trì chất lượng dịch vụ thoát nước.

- Nhiều địa phương cũng đề xuất để đảm bảo cho công tác quản lý thoát nước trên địa bàn tỉnh, SXD muốn đề xuất với tỉnh thành lập một công ty nhà

²⁹ Quyết định 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/07/2021 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, cơ cấu lại và thoái vốn giai đoạn 2021 – 2025

nước để quản lý hết toàn bộ lĩnh vực thoát nước và nước thải trên địa bàn tỉnh như trước đây. Tuy nhiên, việc này bị vướng cơ chế vì một số quy định giảm biên chế. Ngoài ra, cũng có trường hợp địa phương muốn thành lập trung tâm quản lý hạ tầng đô thị để tăng cường năng lực quản lý nhưng chưa thực hiện được do chưa rõ căn cứ để thành lập.

- Ngoài ra, các qui chuẩn, tiêu chuẩn, và hướng dẫn liên quan đến phát triển và quản lý các công trình và dịch vụ thoát nước chưa được hoàn chỉnh.

1.2. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ

a) Hệ thống cơ sở dữ liệu cấp nước

- Hiện nay, các chỉ tiêu về cấp nước như: Tổng công suất thiết kế của nhà máy nước (tổng công suất cấp nước thiết kế của các nhà máy nước đã hoàn thành đưa vào sử dụng trên địa bàn), Tổng công suất khai thác của nhà máy nước (tổng công suất cấp nước thực tế cung cấp vào mạng lưới đường ống qua đồng hồ tổng của các nhà máy nước), tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch (tỷ lệ phần trăm lượng nước thất thoát, thất thu trong tổng lượng nước thực tế cấp cho địa bàn đo qua đồng hồ tổng); Báo cáo về tình hình sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn được quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng³⁰ với tần suất báo cáo hàng năm.

- Về trách nhiệm báo cáo: Đơn vị cấp nước có trách nhiệm gửi báo cáo Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn; Sở Xây dựng tổng hợp gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu này chưa thực sự đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu về đảm bảo sự thống nhất giữa nhiều CSDL của bộ, ngành, địa phương đối với các dữ liệu môi trường; đảm bảo kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành ở Trung ương và địa phương phục vụ triển khai Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử và đô thị thông minh; đồng thời đáp ứng giải quyết dịch vụ công, các thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm tra theo nguyên tắc hoàn thiện đến đâu, kết nối và chia sẻ ngay đến đó.

- Một số đơn vị cấp nước đã chủ động nghiên cứu, áp dụng triển khai phần mềm quản lý dữ liệu, tuy nhiên việc bắt buộc triển khai và tích hợp dữ liệu để theo dõi và quản lý theo vùng, miền, trên toàn quốc chưa quy định tại văn bản pháp luật.

³⁰ Thông tư số 06/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng và Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Công tác điều tra cơ bản về cấp nước nông thôn chưa được thực hiện bài bản, vì vậy không cung cấp được thông tin, số liệu đầy đủ để thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước nông thôn.

b) Hệ thống cơ sở dữ liệu thoát nước

- Tại các đô thị, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư qua nhiều thời kỳ chưa được đầu tư xây dựng hoặc đầu tư xây dựng đồng bộ, thiếu các dữ liệu về hiện trạng hệ thống thoát nước (tình trạng hoạt động của hệ thống thoát như chiều dài, đường kính cống thoát nước, số lượng và kích thước hố ga, quy mô nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm v.v...).

- Chính quyền tại nhiều đô thị hầu như không có hồ sơ tài sản hệ thống thoát nước, không biết hệ thống thoát nước có những gì, giá trị đầu tư là bao nhiêu, chất lượng còn bao nhiêu %... điều này gây trở ngại cho công tác quản lý tài sản, xác định khối lượng công việc, chi phí vận hành làm căn cứ xác định giá dịch vụ thoát nước.

- Chỉ những hồ sơ dự án đầu tư trong thời gian gần đây mới được lưu trữ số hóa. Hồ sơ chủ yếu là hồ sơ giấy, việc cập nhật theo dõi số liệu bằng thủ công. Chỉ có 1 vài đơn vị thoát nước lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh có nguồn nhân lực, kinh nghiệm thực hiện việc số hóa. hoặc một số đơn vị thoát nước tại địa phương tùy điều kiện năng lực, đã thực hiện số hóa hồ sơ thoát nước nhưng chưa có quy định bắt buộc và thống nhất về quy trình xây dựng, phân mềm quản lý dữ liệu, biểu mẫu, hồ sơ tài sản hệ thống, dữ liệu nhật ký vận hành, bảo trì v.v chưa thống nhất đồng bộ. Không có sơ đồ tổng hợp mô phỏng vận hành hệ thống để đưa ra kế hoạch, hoạch định chính sách quản lý, tổ chức quản lý, cũng như bố trí ngân sách đầu tư duy tu công trình, thiết bị trong hệ thống thoát nước phù hợp v.v..

- Thiếu quy định đảm bảo tính thống nhất kết nối. Hệ thống cơ sở dữ liệu thoát nước cho phép cả chủ sở hữu hệ thống thoát nước và đơn vị thoát nước có thông tin chung về các công trình thoát nước, chẳng hạn như vị trí công trình, số năm kể từ khi lắp đặt, chi phí xây dựng, cao độ, chiều dài, cấu trúc, vật liệu và lịch sử bảo trì như tình trạng, biên bản khảo sát, v.v. các HTTN nhỏ tại địa phương do UBND cấp huyện quản lý thường thường các hồ sơ kỹ thuật về hệ thống thoát nước chưa được quản lý, lưu trữ chặt chẽ; nhiều hồ sơ bị thất lạc hoặc chưa đầy đủ.

1.3. Quy hoạch cấp thoát nước chưa đủ cơ sở định hướng, đầu tư phát triển hệ thống Cấp, Thoát nước

a) Đối với cấp nước

- Hiện nay, các quy hoạch cấp nước các địa phương không phải là thành phố trực thuộc trung ương gần như hết hiệu lực hoặc phải tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng. Việc đầu tư các công trình cấp nước theo quy hoạch gặp khó khăn do chất lượng đề án quy hoạch chưa cao, cơ sở dữ liệu còn hạn chế và đặc biệt là khó khăn về nguồn vốn, tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra phức tạp; tại một số địa phương, do phát sinh từ những nhu cầu đầu tư thực tế, nhiều công trình cấp nước được đầu tư xây dựng không theo quy hoạch.

- Việc tách riêng quy hoạch cấp nước giữa đô thị và nông thôn làm hai khu vực này thiếu tính gắn kết, do đó khi phát triển mở rộng đô thị hoặc mở rộng dịch vụ cấp nước cấp nước đô thị ra vùng nông thôn lân cận, các công trình cấp nước nông thôn chất lượng kém hầu như không sử dụng lại được gây lãng phí đầu tư.

b) Đối với thoát nước

- Quy hoạch thoát nước chuyên ngành đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra kế hoạch phù hợp cho việc phát triển đồng bộ hệ thống thoát nước. Đây cũng là cơ sở để thực hiện các dự án đầu tư thoát nước một cách đồng bộ và phù hợp. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành (từ khi Luật quy hoạch 2017) trừ 5 thành phố trực thuộc trung ương, các quy hoạch thoát nước chuyên ngành không được tiếp tục triển khai mà tích hợp vào quy hoạch chung.

- Theo các quy định về lập quy hoạch thoát nước trong các văn bản pháp luật như Luật Quy hoạch 2017, Luật Quy hoạch đô thị 2009 thì nội dung quy hoạch thoát nước chưa được yêu cầu cần nghiên cứu sâu và kỹ lưỡng. Các đề án quy hoạch tỉnh tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 không thể trình bày chi tiết các công trình và giải pháp thoát nước như các tuyến cống chính, các nhà máy XLNT và các công trình thoát nước đầu mối khác. Tương tự như vậy, quy hoạch chung đô thị chỉ yêu cầu các nội dung giới hạn như tổng lượng nước thải; tuyến và quy mô tuyến ống cấp 1, 2; vị trí, quy mô nhà máy XLNT; và các bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000. Việc Quy hoạch chung đô thị chỉ yêu cầu các nội dung hạn chế dẫn đến quy hoạch thoát nước hay quy hoạch VSMT chưa được lồng ghép vào quy hoạch phát triển đô thị bằng cách tiếp cận tổng thể và phù hợp để giải quyết các vấn đề về môi trường và phát triển đô thị, cũng như không đủ làm cơ sở để lập các dự án đầu tư.

- Việc quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất chưa chú trọng phân bổ chỉ tiêu cho công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải (Ninh Bình, Nam Định, v.v.). Trong khi đó, quy hoạch cao độ nền thoát nước mặt và quy hoạch thoát nước thải có tính chất phức tạp, đặc thù gồm cả công trình đầu mối và công trình theo tuyến dần trải, đi ngầm

trong đô thị nên có yêu cầu phức tạp cần nghiên cứu, khảo sát kỹ. Nhiều đô thị trực thuộc tỉnh hiện có nhu cầu lập quy hoạch để làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhưng thiếu căn cứ pháp lý, thiếu cơ sở để triển khai các dự án đầu tư.

- Theo Luật Quy hoạch và Luật Xây dựng quy định quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải là nội dung của quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng. Nội dung của quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải trong các quy hoạch này không đủ điều kiện để xác định, lập dự án đầu tư xây dựng; ngoài ra việc điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có quy trình thủ tục hành chính và thời gian thực hiện kéo dài, khó khăn điều chỉnh quy hoạch, nhất là khi dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước có phạm vi thực hiện lớn

1.4. Hoạt động đầu tư phát triển Cấp, Thoát nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường, đặc biệt là thu gom, xử lý nước thải và cấp nước vùng sâu, vùng xa.

a) Hoạt động đầu tư phát triển cấp nước

- Việc đầu tư công trình cấp nước không đồng bộ giữa nhà máy nước và mạng lưới đường ống cấp nước. Ngoài ra, mạng lưới đường ống của hệ thống truyền dẫn và phân phối vẫn chưa được quan tâm đúng mức, khoảng với 30% các tuyến ống đã được lắp đặt trên 30 năm. Nhiều nhà máy cấp nước đầu tư mới hoạt động chưa hết công suất thiết kế, do thiếu đường ống để vận chuyển và phân phối tới người sử dụng. Ví dụ, nhà máy nước Kênh Đông có công suất 200.000 m³/ngđ, nhưng cho đến nay mới chỉ vận hành được 150.000 m³/ngđ vì chưa có đường ống cấp cho huyện Củ Chi với dự kiến tiêu thụ 50.000 m³/ngđ; Nhà máy nước Sông Đà có công suất 300.000 m³/ngđ, nhưng cho đến nay mới chỉ vận hành trung bình được 230.000 m³/ngđ.

- Do tác động của biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, nguồn nước cạn kiệt cùng với ô nhiễm nguồn nước do con người, nhu cầu đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh được quan tâm và ưu tiên đầu tư với nguồn nước bảo đảm yêu cầu bền vững. Vì vậy, nhu cầu đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh sử dụng nguồn nước từ xa đang được quan tâm trong giai đoạn hiện nay (ví dụ như NMN sông Đuống, NMN sông Đà, đặc biệt đang chuẩn bị đầu tư các dự án NMN vùng đồng bằng sông Cửu Long v.v.). Tuy nhiên các quy định hiện nay về cơ chế chính sách quản lý, đầu tư, vận hành công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh chưa có nên gặp nhiều khó khăn khi thực hiện.

- Theo chính sách hiện hành, các công ty cấp nước đô thị có vốn nhà nước dừng cổ phần hóa, giữ nguyên tỷ lệ vốn nhà nước đến năm 2025 (Mục 2 Phụ lục III Quyết định số 1479/QĐ-TTg), ngoài ra lĩnh vực "khai thác, sản xuất, cung

cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn" không thuộc ngành, lĩnh vực được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, điều này đã làm cho nguồn vốn đầu tư, mở rộng, phát triển cấp nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

- Các dự án đầu tư cấp nước nông thôn trong những năm qua được Chính phủ quan tâm bằng Chiến lược quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, được hỗ trợ đầu tư từ nhiều loại hình nguồn vốn khác nhau góp phần nâng tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận với nước hợp vệ sinh. Do đặc điểm dân cư nông thôn phân tán, suất đầu tư bình quân đầu người rất cao, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; việc đầu tư công trình cấp nước quy mô nhỏ lẻ, nguồn nước không bền vững (cạn kiệt hay ô nhiễm), giá nước thấp không đủ chi phí tái đầu tư và vận hành bảo dưỡng. Vì vậy rất nhiều công trình xuống cấp, hư hỏng gây lãng phí đầu tư. Phân cấp đầu tư, quản lý xây dựng chưa phù hợp với năng lực, chuyên môn ở cấp dưới dẫn đến ảnh hưởng về chất lượng và hiệu quả công trình cấp nước.

- Công tác xã hội hóa (XHH) cấp nước sinh hoạt nông thôn gặp nhiều khó khăn, khó thu hút nguồn lực đầu tư từ doanh nghiệp và nhà đầu tư tư nhân do lợi nhuận thấp, rủi ro nhiều, công trình quy mô nhỏ, giá nước thấp, nguồn thu không đủ bù chi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn về nguồn nước và điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Đối với khu vực nông thôn, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; năng lực, trình độ còn hạn chế, trong khi suất đầu tư công trình cấp nước theo đầu người lớn hơn nhiều so với khu vực đô thị, đặc biệt những khu vực gặp khó khăn nguồn nước; vì vậy giá thành nước sạch cao hơn khu vực đô thị. Các khó khăn này đã hạn chế tham gia của tư nhân trong đầu tư, vận hành công trình cấp nước nông thôn.

b) Hoạt động đầu tư phát triển thoát nước.

- Nguồn nguồn lực đầu tư cho thoát nước chủ yếu từ ngân sách ODA hạn chế trong 5 năm gần đây. Tổng mức đầu tư cho thoát nước và xử lý nước thải đô thị giai đoạn 1995 – 2021 là khoảng hơn 03 tỷ Đô la Mỹ. Tuy nhiên nhiều dự án còn triển khai chậm do vướng giải phóng mặt bằng, các quy định mới ban hành trong đầu tư xây dựng còn chòng chéo, phát sinh nhiều thủ tục trong quá trình triển khai. Những năm qua, cùng với tăng trưởng kinh tế và đô thị hóa, tốc độ đô thị hóa tại các đô thị lớn mở rộng và gia tăng nhanh chóng như thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng gây quá tải hệ thống hạ tầng đặc biệt là thoát nước ngập úng và xử lý nước thải tại các đô thị. Do thiếu nguồn lực nên đầu tư không

đồng bộ giữa mạng lưới đường thoát nước và nhà máy xử lý nước thải nên không khai thác hết công suất thiết kế nhà máy xử lý nước thải, giảm hiệu quả đầu tư công trình³¹. Nhiều hệ thống thoát nước mưa (nước mặt) tại các đô thị bị vượt tải, khả năng thoát nước không theo kịp thực tiễn của tác động biến đổi khí hậu và hiện tượng thời tiết cực đoan

- Một số dự án thoát nước chống ngập được đầu tư nhưng triển khai còn chậm và hiệu quả chưa cao, chưa xử lý cơ bản tình trạng ngập úng tại một số địa phương và theo kịp với dự báo tình hình trước diễn biến thời tiết, BĐKH.. Cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước chưa đồng bộ với dữ liệu với các công trình khác như: giao thông, điện, nước sạch, cấp viễn thông,...

- Thu thập tổng hợp từ báo cáo địa phương, thực tế, lĩnh vực thoát nước và XLNT chưa được quan tâm. Ngân sách nhà nước từ TW cũng như địa phương cho thoát nước rất ít, không đủ chi cho nhu cầu đầu tư phát triển, ước tính mới đáp ứng được 60% nhu cầu đầu tư. Ngân sách nhà nước dành cho đầu tư phát triển hệ thống thoát nước ở mức độ rất thấp trong khi dân số Việt Nam đang tăng lên cùng với quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ³², tỷ lệ chiều dài cống thoát nước trên đầu người thấp (*dưới 0,5m/người*) so với *mặt bằng chung của thế giới (2m/người)*. Ngân sách nhà nước phân bổ cho lĩnh vực thoát nước và bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ nhỏ so với phân bổ ngân sách cho năng lượng, giao thông, viễn thông và cấp nước sạch. Trong khi thiếu cơ chế, chính sách, hướng dẫn kỹ thuật cụ thể để khuyến khích đầu tư từ các nguồn lực khác ngoài khu vực công hoặc theo hình thức PPP. Thực tế, theo số liệu của Bộ KHĐT, đã có 336 dự án PPP đã ký kết hợp đồng (chủ yếu là BOT và BT) nhưng đa số là các dự án về giao thông vận tải, cơ sở hạ tầng kỹ thuật (tái định cư, ký túc xá), xây dựng văn phòng làm việc, trung tâm hành chính và năng lượng. Gần đây, không có dự án PPP về thoát nước nào được triển khai.

- Lĩnh vực thoát nước bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi thời tiết nhưng chưa có cơ chế đặc biệt trong phân bổ vốn và đấu thầu để xử lý các tình huống bất khả kháng.

1.5. Chất lượng dịch vụ, công tác quản lý vận hành công trình Cấp, Thoát nước chưa bền vững, hiệu quả.

a) Đối với lĩnh vực cấp nước

³¹ Trung bình thực tế mới đạt khoảng 50% công suất thiết kế do mạng lưới thu gom, đầu nối thoát nước thải chưa được thực hiện, nguồn ngân sách hạn hẹp, trong khi việc thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách khó khăn, dẫn đến việc triển khai đầu nối còn nhiều hạn chế.

³² Tốc độ đô thị hoá: đạt trung bình 3,1%/năm và tỷ lệ đô thị hóa sau mỗi 10 năm tăng từ 5-6% trong suốt 30 năm qua (từ 1990 đến 2020). Năm 2020 tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc là 36,8% (Nguồn: Báo cáo quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, BXD, 2023).

* Về nguồn nước:

- Nguồn nước đang bị suy thoái và cạn kiệt do ô nhiễm từ nguồn nước thải, chất thải sinh hoạt, từ các hoạt động sản xuất và tác động của biến đổi khí hậu gây ra. Đầu năm 2016, hàng triệu người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Tây Nguyên đã bị thiếu nước sinh hoạt do xâm nhập mặn và khô hạn. Chất lượng nguồn nước thô (sông, suối, hồ và nước ngầm) bị nhiễm amoni, asen...tại Hà Nội.

- Tình trạng ô nhiễm nguồn nước xảy ra hầu hết trên các lưu vực, nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước khá đa dạng trong đó chủ yếu là do tại nhiều khu, cụm công nghiệp, làng nghề chưa được đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định, hầu hết lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường; việc người dân sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp khiến cho nước sông, hồ, kênh, mương bị ô nhiễm, việc nuôi trồng thủy sản ồ ạt, thiếu quy hoạch, không tuân theo quy trình kỹ thuật đã gây nhiều tác động tiêu cực tới môi trường nước. Bên cạnh đó, nước thải sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư tập trung có hàm lượng hợp chất hữu cơ cao nhưng chưa được xử lý triệt để trước khi xả vào nguồn nước. Đồng thời, nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường chưa tốt, ở nhiều nơi, người dân vẫn có thói quen dùng bồn chứa nước không an toàn và kém vệ sinh như: bể bê tông, chum, vại...

- Hơn nữa, những rủi ro đối với hoạt động cấp nước ngày càng nhiều do tình hình biến đổi khí hậu và nước biển dâng diễn ra phức tạp, biến đổi khí hậu làm tăng diện tích ngập lụt, gây khó khăn cho thoát nước, tăng xói lở bờ biển và nhiễm mặn nguồn nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt. Mực nước biển dâng và nhiễm mặn nguồn nước làm ảnh hưởng trực tiếp đến công trình thu nước thô và quy trình sản xuất của nhà máy nước; bên cạnh đó làm tăng chi phí xử lý nước, nhiều doanh nghiệp cấp nước đã phải ngừng hoạt động sản xuất nước sạch vì độ mặn trong nước thô quá cao. Tác động của biến đổi khí hậu sẽ làm cho các thiên tai trở nên khốc liệt hơn và có thể trở thành thảm họa, gây rủi ro lớn cho phát triển kinh tế - xã hội hoặc xóa đi những thành quả nhiều năm của sự phát triển, đặc biệt là các khu vực ven biển Trung Bộ, vùng núi Bắc và Bắc Trung Bộ, vùng đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

- Chất lượng nước tại một số hệ thống cấp nước cho thấy một số chỉ tiêu chất lượng Clo, pecmanganat, độ đục, pH, sắt, amoni và coliform chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống. Chất lượng nước nhiều khu vực đô thị chưa đảm bảo quy định (đặc biệt ở một số khu đô thị mới, khu chung cư do Ban Quản lý tòa nhà quản lý cấp nước), nhiều đơn vị cấp nước

chưa kiểm soát được chất lượng nước, gây tâm lý bất an cho người dân; nhiều hộ gia đình lắp đặt thiết bị lọc nước riêng vừa tốn kém chi phí đầu tư nhưng hiệu quả xử lý nước không cao.

- Các trung tâm y tế dự phòng, viện nghiên cứu, đơn vị cấp nước thiếu hệ thống thiết bị hóa nghiệm cho công tác kiểm tra, giám định chất lượng nước theo Quy chuẩn QCVN 01:2018/BYT.

- Tính liên tục trong cấp nước không đảm bảo do sự cố đường ống, áp lực nước yếu. Các sự cố về rò rỉ đường ống, vỡ đường ống xảy ra ở nhiều đô thị như thành phố Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh... hay do việc xây dựng các khu chung cư cao tầng xen vào giữa các khu đô thị cũ làm thay đổi chế độ dòng nước, chế độ cung cấp nước hiện có, dẫn đến tình trạng thiếu nước, áp lực giảm.

- Đến nay vẫn còn 36,3 triệu người dân nông thôn chiếm 56% dân số nông thôn đang sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình như giếng đào, giếng khoan, lu, bể chứa nước mưa,... với chất lượng nước không ổn định; nhưng hiện tại vẫn chưa có quy định về xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình khu vực nông thôn cũng như cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư xây mới, sửa chữa nâng cấp công trình cấp nước quy mô hộ gia đình, hỗ trợ một phần kinh phí để hộ dân kiểm tra chất lượng nước, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình xây dựng, vận hành công trình cấp nước nhằm khuyến khích người dân sử dụng loại hình cấp nước này để nâng cao tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Các trạm cấp nước nông thôn quy mô nhỏ phân tán, rải rác trên địa bàn rộng gây khó khăn cho việc ngoại kiểm vệ sinh chất lượng nước. Trung tâm y tế huyện, thị xã mới chỉ tập trung vào kiểm tra vệ sinh môi trường, việc xét nghiệm mẫu nước ở các trạm cấp nước nông thôn còn hạn chế do thiếu kinh phí và labo xét nghiệm.

*** Đảm bảo an sinh xã hội và lợi ích doanh nghiệp**

- Đặc thù của ngành cấp nước là mỗi vùng phục vụ chỉ do một doanh nghiệp thực hiện dịch vụ cấp nước. Mặt khác, việc huy động tư nhân tham gia đầu tư phát triển cấp nước, một số nơi đã điều chỉnh, phân chia lại vùng phục vụ hoặc giao chồng chéo với các dự án cấp nước trước đó, tình trạng này đã dẫn đến đầu tư chồng chéo và tranh chấp vùng phục vụ cấp nước.

- Trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp cấp nước đã nảy sinh nhiều bất cập như sau:

- Tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh:

+ Xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, đặc biệt là những thiết bị, cơ sở vật chất đã cũ, lâu năm, của các công trình ngầm rất khó. Các tài sản này

nhiều khi không mang tính thương mại. Vấn đề này không chỉ xảy ra ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh mà còn xảy ra ở một số tỉnh thành khác.

+ Khi cổ phần hóa lần đầu, đối với các xí nghiệp phân phối nước ở các địa bàn xa, có mật độ dân cư thấp (Như xí nghiệp Gia Lâm) thường thiếu yếu tố hấp dẫn nhà đầu tư do đặc thù là ngành sản xuất và phân phối nước, giá bán thành phẩm chịu sự chi phối của Nhà nước, lợi nhuận chưa được thấy rõ.

+ Cơ chế hoạt động của các xí nghiệp sau cổ phần hóa, sự phụ thuộc vào công ty mẹ, cơ chế kiểm soát của nhà nước sau cổ phần hóa đều chưa rõ.

- Một số tỉnh khác: Ở các tỉnh (cấp thoát nước Bà Rịa-Vũng Tàu, cấp thoát nước Cần Thơ, cấp thoát nước Bắc Ninh, cổ phần đô thị Ninh Hòa), việc cổ phần hóa được thực hiện dễ dàng hơn, với sự quan tâm lớn của các Nhà đầu tư. Theo quy định hiện hành, công ty thoát nước chỉ được cổ phần hóa dưới 50% nhưng các công ty Bà Rịa Vũng Tàu, công ty cấp thoát nước Bắc Ninh, công ty cổ phần đô thị Ninh Hòa đã cổ phần nhiều hơn quy định. Thiếu quy định quản lý của cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương đối với doanh nghiệp thực hiện dịch vụ cấp nước, việc ký thoả thuận dịch vụ cấp nước giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp cấp nước thực hiện chậm, không đạt được hiệu quả. Tại một số địa phương, chính quyền tỏ ra bất lực khi người dân thiếu nước sạch, nước bị nhiễm bẩn, kể cả trong trường hợp mất nước kéo dài ảnh hưởng nghiêm trọng tới cuộc sống của hàng triệu người dân (Nhà máy nước sông Đà, khi xảy ra sự cố vỡ đường ống truyền tải nước sạch nhà nước chỉ truy cứu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân gây ra sự cố, người dân vẫn phải chịu cảnh mất nước kéo dài, việc cấp nước cho khu vực phục vụ của đường ống vẫn phải trông chờ vào Tổng công ty Vinaconex). Đối với khu vực dân nghèo, khu vực khó khăn hoặc khu dân cư ở xa, doanh nghiệp tư nhân không có trách nhiệm tham gia đầu tư phát triển cấp nước, không đáp ứng yêu cầu cấp nước của cộng đồng.

* Bàn giao công trình cấp nước nông thôn: Việc chuyển giao quản lý, khai thác công trình cấp nước khó thực hiện do xác định phần góp vốn đầu tư của Nhà nước chưa rõ, nhất là những công trình đã được đầu tư xây dựng từ lâu. Phần lớn vốn góp của Nhà nước là các công trình cấp nước nông thôn đã được xây dựng từ trước, do Nhà nước làm chủ đầu tư nhưng có một số công trình không thể định giá (nguyên giá và giá trị sử dụng). Nhiều công trình mặc dù vẫn hoạt động nhưng doanh nghiệp, tư nhân không muốn nhận vì khi nhận quản lý, khai thác thì công trình không đáp ứng được yêu cầu nên phải loại bỏ, thậm chí nhà đầu tư phải bỏ kinh phí để dỡ bỏ.

b) Đối với lĩnh vực thoát nước

- Việc thực hiện ký kết hợp đồng quản lý vận hành còn nhiều vướng mắc,

chưa có sự thống nhất về mô hình quản lý, hình thức hợp đồng: đặt hàng, đấu thầu, giao kế hoạch theo các quy định còn chông chéo thực hiện tùy theo địa phương, chưa đồng bộ, thống nhất trong triển khai thực hiện (TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh: đấu thầu, Bình Dương, Bình Định: theo đặt hàng v.v.). Dịch vụ thoát nước hiện đang được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và dự toán được lập, giao theo niên độ ngân sách hàng năm nên việc quy định hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 05 năm như tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 80/2014/NĐ-CP là khó để thực hiện.

- Nhiều địa phương chưa có tổ chức đơn vị chuyên nghiệp, có kinh nghiệm năng lực quản lý vận hành. Mô hình quản lý vận hành thoát nước đô thị hiện nay, các đơn vị, doanh nghiệp thoát nước đô thị chủ yếu thực hiện theo cơ chế đặt hàng, phụ thuộc vào nguồn ngân sách phân bổ hàng năm của tỉnh/thành phố, dẫn đến quyền chủ động trong hoạt động quản lý vận hành và phát triển hệ thống còn nhiều hạn chế. Mô hình tổ chức quản lý vận hành hệ thống thoát nước không thống nhất tại các địa phương³³. Nhìn chung, mô hình tổ chức quản lý tài sản và quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải về cơ bản là doanh nghiệp công ích, được ủy quyền quản lý tài sản, được giao trực tiếp hoặc đấu thầu quản lý vận hành các công trình thoát nước và xử lý nước thải. Trong một số trường hợp được giao chủ đầu tư các dự án thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị. Ngoài ra, có một số hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải được doanh nghiệp tư nhân đầu tư và quản lý vận hành theo hình thức BT hoặc BO.

- Hầu hết các công ty này đều hoạt động theo cơ chế “chính quyền địa phương đặt hàng” và được ngân sách của địa phương thanh toán trực tiếp. Cơ chế sử dụng ngân sách đã được lập và phê duyệt trước để trang trải các hoạt động trong năm khiến các công ty này không thể đầu tư nghiên cứu - phát triển hay tối ưu hoá hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Các công ty này thường gặp khó khăn khi xin ngân sách cho sửa chữa lớn, các phát sinh khi diễn biến mưa, lũ bất thường, vì các khoản chi tiêu ngoài kế hoạch này thường phải được một cơ quan hành chính khác của địa phương phê duyệt. Thông thường phải mất khá nhiều thời gian mới được phê duyệt, tình trạng này có thể khiến công ty không cung cấp được dịch vụ. Đa phần các địa phương đều nêu khó khăn là ngân sách hàng năm cho duy tu bảo dưỡng còn thấp chỉ đủ đáp ứng ở mức tối thiểu (Nam Định, Hòa Bình, Điện Biên..), do vậy không huy động được nhân

³³ Hiện nay có khoảng 10 doanh nghiệp chuyên làm nhiệm vụ thoát nước, tập trung tại một số đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, ... Khoảng 20 doanh nghiệp có chức năng hoạt động trong cả lĩnh vực thoát nước và cấp nước, còn lại các doanh nghiệp khác hoạt động mang tính chất đa ngành nghề, bao gồm cả môi trường và xã hội.

lực, trang thiết bị đảm bảo quản lý vận hành hiệu quả.

- Việc lựa chọn các đơn vị thoát nước thực hiện quản lý vận hành hệ thống thoát nước còn gặp khó khăn như: quá trình triển khai các thủ tục lựa chọn đơn vị thoát nước; không có nhiều đơn vị tham gia đấu thầu lựa chọn đơn vị thoát nước, làm giảm tính lựa chọn và cạnh tranh.

- Các đơn vị vận hành thoát nước (các công ty thoát nước, công ty môi trường đô thị, hoặc công ty dịch vụ công ích) phụ trách VH&BD các công trình thoát nước thường không tham gia vào giai đoạn thiết kế và thi công, hoặc không phải là chủ sở hữu các tài sản thoát nước. Trong hầu hết các trường hợp, các Chủ đầu tư (thông thường là UBND cấp tỉnh với các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn do mình quản lý) và các chủ sở hữu (UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện, xã được ủy quyền) triển khai công tác thiết kế và thi công các công trình thoát nước trước khi ký hợp đồng VH&BD và bàn giao công trình cho các đơn vị vận hành thoát nước. Do đó việc nắm bắt kỹ thuật về công trình thoát nước thường gặp khó khăn do các quá trình chuyển giao.

- Đơn vị vận hành thoát nước gặp khó khăn trong việc đầu tư vào nghiên cứu & phát triển cải thiện và tối ưu hóa các hệ thống thoát nước cũng như yêu cầu thanh toán chi phí sửa chữa lớn hoặc các chi phí ngoài kế hoạch vì hợp đồng VH&BD ký hàng năm. Quy trình thực hiện công tác VH&BD chưa được chuẩn hóa, ảnh hưởng đến chất lượng.

- Cơ sở dữ liệu về thoát nước chưa được xây dựng bài bản, thiếu đồng bộ: Tại nhiều địa phương, hệ thống thoát nước đã được xây dựng qua nhiều thời kỳ với nhiều Chủ đầu tư khác nhau dẫn đến không có đầy đủ hồ sơ quản lý tài sản theo quy định. Ngoài ra, việc quản lý hồ sơ chưa được số hóa gây khó khăn cho việc theo dõi và quản lý. Một số địa phương đã và đang số hóa cơ sở dữ liệu nhưng chưa có quy định thống nhất từ trên nên có thể xảy ra tình trạng không nhất quán giữa các địa phương.

- Công tác bảo vệ công trình thoát nước còn nhiều bất cập, tình trạng lấn chiếm, phá hoại công trình thoát nước vẫn tồn tại mà chưa có chế tài phân giao đơn vị quản lý vận hành thanh tra kiểm tra, xử lý kịp thời vi phạm

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017 quy định: “Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP hiện đang quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước: Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà

nước; nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư”. Do vậy quy định chung về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng công trình thoát nước, về việc bảo trì và đảm bảo vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải gặp khó khăn trong công tác bàn giao và sử dụng, thiếu quy định về kinh phí cho công tác quản lý vận hành.

1.6. Việc ban hành giá nước sạch gặp nhiều khó khăn; giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải còn thấp, hạn chế huy động nguồn lực đầu tư.

a) Giá nước sạch đối với lĩnh vực cấp nước

- Khi huy động tư nhân tham gia đầu tư, vận hành công trình cấp nước, sẽ thành lập các doanh nghiệp cấp nước theo vùng phục vụ. Theo tổng hợp sơ bộ, trên địa bàn khu vực đô thị có khoảng 5 đến trên 10 doanh nghiệp; khu vực nông thôn có đến vài chục doanh nghiệp. Mỗi tỉnh sẽ có nhiều giá nước sạch theo các vùng phục vụ cấp nước của các doanh nghiệp cấp nước; việc kiểm soát và ban hành các giá bán nước sẽ là khó khăn của các tỉnh.

- Tại nhiều địa phương, việc tính toán giá nước tại khu vực nông thôn (dân cư không tập trung, xa nguồn cấp nước) với nguyên tắc tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý, hợp lệ trong quá trình khai thác, sản xuất, phân phối, tiêu thụ và có lợi nhuận theo Thông tư số 44/2021/TT-BTC dẫn tới giá nước rất cao, giá nước vượt khung giá do Bộ Tài chính ban hành (Bộ Tài Chính quy định giá nước khu vực nông thôn từ 2.000 đến 11.000 đồng), người dân sẽ không có đủ điều kiện kinh tế để chi trả tiền sử dụng nước sạch. Khi giá nước sạch quá thấp không đảm bảo đủ chi phí tái đầu tư, thậm trí cả chi phí vận hành, bảo trì công trình. Dẫn đến, rất nhiều công trình cấp nước nông thôn do thiếu kinh phí sửa chữa, bảo trì đã hư hỏng, xuống cấp dẫn đến bỏ không gây lãng phí đầu tư.

- Giá bán nước sạch được quy định đối với nước đủ điều kiện là nước sạch theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Trên thực tế, đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn nhiều tỉnh, hầu hết đều chưa đảm bảo quy trình, quy định về nước sạch, chỉ có thể coi là nước hợp vệ sinh; tuy nhiên, lại chưa có quy định về giá bán hay chính sách về giá đối với loại nước này (nước hợp vệ sinh). Điều này dẫn đến những khó khăn cho cơ quan chuyên môn trong việc tham mưu ban hành giá nước sạch nông thôn.

- Việc cấp điện ổn định ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định cấp nước, nhiều công trình cấp nước phải ngừng hoạt động theo thời gian cắt điện. Ngoài ra, giá điện cho sản xuất kinh doanh chưa hỗ trợ cho giá nước sinh hoạt, thậm trí tăng cao tại giờ cao điểm cũng là lúc nhu cầu sử dụng nước của người dân tăng cao.

b) Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

Hiện nay thực tế chỉ có khoảng 21/63 tỉnh/thành đã ban hành giá dịch vụ thoát nước. Nhiều địa phương đã xây dựng giá và lộ trình tăng giá nhưng thường chậm được cấp thẩm quyền phê duyệt và áp dụng lộ trình tăng giá chưa thực tế (còn thấp) vẫn chưa đảm bảo tính đủ, tính đúng chi phí vận hành, một số định mức, đơn giá chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ xử lý nước thải. Mức giá nước thải hộ gia đình dao động từ 700 đ/m³ (Kiên Giang) đến 2.600 đ/m³ (Bình Định) đối với hộ gia đình. Đa số các địa phương phân loại giá dịch vụ thoát nước theo 04 mức khác nhau cho: Hộ gia đình; Cơ quan hành chính; Cơ sở sản xuất; Cơ sở kinh doanh, dịch vụ.

Nên xây dựng khung giá và quy định hướng dẫn giá dịch vụ thoát nước tại những nơi đã được đầu tư hệ thống thoát nước nhưng chưa có nhà máy xử lý nước thải và tại những nơi đã được đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thoát nước (gồm nhà máy xử lý nước thải). Giá dịch vụ thoát nước đã được một số tỉnh thành xây dựng và ban hành nhưng chưa tổ chức thực hiện và áp dụng.

Chủ yếu nhiều địa phương vẫn áp dụng duy nhất phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 về phí bảo vệ môi trường nên chỉ đảm bảo duy trì quản lý vận hành ở mức tối thiểu (ý kiến của 20/63 địa phương).

Giá dịch vụ thoát nước được ban hành đang ở mức thấp và tăng theo lộ trình, tối đa lộ trình tăng 30% của giá cấp nước chưa được tính đúng, tính đủ và chưa đủ đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển, cải tạo xây dựng và vận hành hệ thống thoát nước.

1.7. Công tác quản lý nhà nước về Cấp, Thoát nước còn hạn chế, chưa bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước và bảo vệ môi trường.

a) Công tác quản lý về cấp nước

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước và giao Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lần lượt chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn trên phạm vi toàn quốc. Việc phân giao trách nhiệm như vậy đã hình thành song song 02 quy hoạch cấp nước, chương trình, tiêu chuẩn,... giữa 2 khu vực đô thị và nông thôn, dẫn đến chất lượng dịch vụ cấp nước giữa hai khu vực rất khác nhau và đối với khu vực nông thôn như chất lượng nước không đảm bảo quy định về chất lượng nước như khu vực đô thị, chất lượng công trình hư hỏng, không bền vững do thiếu nguồn lực cho vận hành, bảo trì, cải tạo. Khi phát triển mở rộng đô thị hoặc mở rộng dịch vụ cấp nước cấp nước đô thị ra vùng nông thôn lân cận, các công trình cấp nước nông thôn chất lượng kém hầu như không sử dụng lại được gây lãng phí đầu tư.

- Tại các địa phương, việc quản lý cấp nước đô thị và khu công nghiệp được giao cho Sở Xây dựng, quản lý cấp nước nông thôn được giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tuy nhiên trong thời gian vừa qua tại một số tỉnh, công tác quản lý cấp nước đã được giao thống nhất về một đầu mối như Sở Xây dựng Hà Nội, một số tỉnh đã giao cho công ty cấp nước đô thị cấp nước cho khu vực nông thôn như: Thành phố Hồ Chí Minh (Tổng công ty TNHH MTV Cấp nước Sài Gòn), tỉnh Thừa Thiên Huế (Công ty Cổ phần cấp nước Huế), tỉnh An Giang (Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang quản lý cấp nước đô thị và nhiều trạm cấp nước nông thôn).

b) Công tác quản lý lĩnh vực thoát nước

Chính phủ giao Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc; Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý.

Hiện nay, các lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải là một dịch vụ công ích thiết yếu trong đô thị, ảnh hưởng an sinh, sức khỏe môi trường của người dân nhưng chưa có Luật quản lý như các lĩnh vực hạ tầng khác như Giao thông đường bộ, Điện lực, Thủy lợi,... đang được điều chỉnh bằng luật nên hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được đồng bộ, thống nhất. Hiện nay, Nghị định 80/2014/NĐ-CP là văn bản quy phạm pháp luật cao nhất điều chỉnh hoạt động thoát nước và xử lý nước thải nên các vấn đề quản lý, đầu tư, quản lý theo quy hoạch, kiểm tra, giám sát hoạt động thoát nước, thiếu cơ sở cũng như công cụ chế tài để quản lý chặt chẽ công tác xử lý vi phạm chưa nghiêm, chế tài xử lý chưa đủ tính răn đe.

Công tác quản lý nhà nước ở các địa phương còn thiếu và yếu do hạn chế số lượng nhân sự, cán bộ các địa phương (cấp Sở) chủ yếu giao Phòng Quản lý Hạ tầng kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật khác nên công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại địa phương và phân cấp quản lý thực hiện trong khi các công cụ quản lý (dữ liệu số, ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm hiện đại) chưa được chuẩn hóa và phổ biến áp dụng hỗ trợ quản lý nhà nước. Do vậy, việc quản lý và phát triển hệ thống thoát nước và XLNT ở hầu hết các địa phương chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; việc

theo dõi, quản lý, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động thoát nước và XLNT còn chưa bài bản như tình trạng lấn chiếm, xả rác trong hành lang các công trình kênh, mương sông ao, hồ của hệ thống thoát nước mà chưa có chế tài đủ mạnh để xử phạt.

Công tác quản lý đảm bảo thoát nước an toàn đã có trong quy định nhưng nhân lực, nguồn lực để giám sát tổ chức hiện còn hạn chế.

2. Nguyên nhân

2.1. Chưa có Luật chuyên ngành, hoạt động cấp thoát nước bị chi phối bởi nhiều Luật và văn bản hướng dẫn Luật

- Quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng và quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn (được quy định tại Luật Xây dựng năm 2014, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 trước đây được lập ở các đô thị là cơ sở triển khai các dự án đầu tư xây dựng, tuy nhiên từ khi triển khai thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017 nội dung quy định còn đơn giản, khái quát nên khó triển khai khi đi vào thực tế; Quy hoạch cấp nước đô thị chỉ áp dụng đối với thành phố trực thuộc trung ương (Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Nghị định số 98/2019/NĐ-CP, Nghị định 37/2010/NĐ-CP) gặp nhiều vấn đề hạn chế do thiếu hệ thống cơ sở dữ liệu, trình độ năng lực cán bộ quy hoạch, quản lý quy hoạch chưa cao, tình hình dự báo quy hoạch chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

- Việc thực hiện định hướng của Chính phủ gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, đặc tính vùng miền, các địa phương hầu hết chưa lập kế hoạch phát triển cấp nước, việc đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đô thị không theo quy hoạch, kế hoạch diễn ra ngày càng nhiều; các công trình cấp nước nông thôn đầu tư tự phát, chất lượng không cao, xuống cấp trong thời gian ngắn gây lãng phí trong đầu tư.

- Việc đầu tư đồng bộ theo quy hoạch gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, về đồng bộ với việc quy hoạch, đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khác.

- Hiện nay, các doanh nghiệp cấp nước hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và đến 01/01/2021 thì tuân theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, do đó hoạt động cấp nước cũng như lĩnh vực khác có chung các quy định pháp luật điều tiết các hoạt động như: chuyển nhượng, mua bán quyền sở hữu, quyền sử dụng hay thuê quản lý vận hành. Luật có quy định các cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của pháp luật, đặc biệt tại Điều 127 (“Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật này và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần”), Cổ đông có

quyền sử dụng cổ phần của mình để trả nợ, đem tặng,... Tuy nhiên do cấp nước liên quan đến cuộc sống của người dân, công trình cấp nước không thể ngừng hoạt động cho dù doanh nghiệp bị phá sản, công trình bị chuyển nhượng. Vì vậy, để bảo đảm việc cấp nước liên tục, quyền lực nhà nước phải được quy định cụ thể trong việc chuyển nhượng, mua bán quyền sở hữu, quyền sử dụng hay thuê quản lý vận hành công trình cấp nước.

- Theo quy định Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014 ngày 26/11/2014, các doanh nghiệp cấp nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn không thuộc phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ, trừ trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có hiệu quả nhưng vốn điều lệ không bảo đảm thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các công ty cổ phần nhà nước trong lĩnh vực cấp nước không được nhà nước đầu tư bổ sung vốn (Điều 16 Luật này và khoản 5 Điều 1 NĐ 32/2018/NĐ-CP). Ngoài ra, Luật quy định việc đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp, theo đó việc mua lại một phần hay toàn bộ doanh nghiệp cấp nước chỉ được thực hiện trong trường hợp nhà nước thực hiện tái cơ cấu kinh tế (Điều 19). Quy định này làm hạn chế nguồn lực đầu tư của nhà nước trong việc đầu tư, mở rộng vùng phục vụ cấp nước nhằm đảm bảo an sinh, an toàn cấp nước cho người dân.

- Kinh doanh nước sạch (nước sinh hoạt) là loại hình kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2020, ngoài ra dịch vụ cấp nước đô thị không phải là dịch vụ, sản phẩm công ích theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (chỉ có dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo hình thức đặt hàng). Tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản pháp luật quy định về hình thức, điều kiện kinh doanh đối với nước sạch.

** Đối với thoát nước:*

- Việc thực hiện đầu tư phải tuân thủ theo quy hoạch, tuy nhiên, theo Luật Quy hoạch và Luật Xây dựng quy định quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải là nội dung của quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng. Nội dung của quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải trong các quy hoạch này không đủ điều kiện để xác định, lập dự án đầu tư xây dựng; ngoài ra việc điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có quy trình thủ tục hành chính và thời gian thực hiện kéo dài, khó khăn điều chỉnh quy hoạch, nhất là khi dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước có phạm vi thực hiện lớn.

- Nguyên nhân là đa số các địa phương cho rằng hiện nay quy định lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước chỉ cho các thành phố trực thuộc Trung ương là một hạn chế, bởi nhiều đô thị trực thuộc tỉnh hiện có nhu cầu lập để làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhưng thiếu căn cứ pháp lý. Các đô thị khác muốn lập quy hoạch thoát nước làm cơ sở triển khai thực hiện dự án đầu tư thì chưa thể thực hiện do chưa có quy định hướng dẫn. Theo đó, cần thiết có quy định lập riêng quy hoạch thoát nước cho các đô thị từ các đô thị loại 3 trở lên. Vì vậy, gây ra những khó khăn cho việc thực hiện các hoạt động thoát nước đồng bộ tại các địa phương và gây bất cập cho việc xây dựng cơ sở để kêu gọi đầu tư cũng như thiết lập các dự án đầu tư.

2.2. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Cấp, Thoát nước chưa được chú trọng, quan tâm

- Cơ sở dữ liệu về môi trường quốc gia được quan tâm và chú trọng nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin cơ bản về môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo sự thống nhất giữa nhiều CSDL của bộ, ngành, địa phương đối với các dữ liệu môi trường; đảm bảo kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành ở Trung ương và địa phương phục vụ triển khai Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử và đô thị thông minh; đồng thời đáp ứng giải quyết dịch vụ công, các thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm tra theo nguyên tắc hoàn thiện đến đâu, kết nối và chia sẻ ngay đến đó. Tuy nhiên, đối với dữ liệu về nguồn nước, nước sạch cung cấp cho sản xuất, sinh hoạt chưa được quan tâm, chưa được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật, chưa có sự kết nối dữ liệu chia sẻ nguồn nước phục vụ cấp nước với nguồn nước khác, hoặc chưa có cơ sở dữ liệu về sự cố công trình cấp nước, các chỉ tiêu về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch,...

Các quy định hướng dẫn hiện hành chưa đầy đủ và cụ thể để thực hiện các hoạt động xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu thoát nước đồng bộ. Các quy định chưa làm rõ trách nhiệm của các tổ chức/đơn vị quản lý thoát nước có thẩm quyền và cách thức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu thoát nước, chế độ lưu trữ, báo cáo. Công tác điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu còn hạn chế. Chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về phương pháp quản lý tài sản, xây dựng, cập nhật, lưu trữ cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước cùng các biểu mẫu thống kê. Các địa phương có nhu cầu áp dụng công nghệ thông tin hiện đại trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn việc thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu đồng bộ, thống nhất.

2.3. Nguồn lực đầu tư cho Cấp, Thoát nước còn hạn chế, cơ chế giá dịch vụ chưa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ.

a) Đối với cấp nước

- Luật Giá năm 2012 quy định: Dịch vụ công ích do Nhà nước định giá. Giá nước sạch sinh hoạt: Nhà nước định khung giá và mức giá cụ thể. Như vậy, theo quy định của Luật Giá năm 2012 (điểm c khoản 3 Điều 19), Nhà nước chỉ định giá đối với giá nước sinh hoạt theo hình thức định khung giá và mức giá cụ thể, không quản lý giá đối với các giá dịch vụ khác của hoạt động cấp nước như giá bán buôn nước và giá nước sạch cho các đối tượng ngoài sinh hoạt và công cộng. Giá nước sạch được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định (hoặc phê duyệt) sau khi được Sở Tài chính thẩm định; điều này dẫn đến giá nước chịu áp lực nhiều từ hội đồng nhân dân và ảnh hưởng bởi mục đích “an sinh xã hội”, vì thế, nhiều khoản mục, chi phí sẽ bị cắt giảm, làm doanh nghiệp khó khăn trong việc đảm bảo lợi nhuận cũng như tái đầu tư phát triển cấp nước.

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp thì lĩnh vực "khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn" không thuộc ngành, lĩnh vực được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần; ngoài ra, chính sách hiện hành về cổ phần hóa doanh nghiệp, tại Mục 2 Phụ lục III Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022, các công ty cấp nước đô thị có vốn nhà nước dừng cổ phần hóa, giữ nguyên tỷ lệ vốn nhà nước trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025. Các quy định này làm giảm nguồn vốn (nhà nước, tư nhân) vào việc đầu tư, mở rộng, phát triển cấp nước cho đời sống sinh hoạt, phát triển kinh tế của người dân.

- Về giá nước: Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định thẩm quyền quy định khung và giá nước sinh hoạt (Điều 54), trong đó Bộ Tài chính ban hành khung giá đối với nước sạch sinh hoạt trên phạm vi toàn quốc. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định giá nước sinh hoạt cụ thể; giá sản phẩm, dịch vụ công ích được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch. Với quy định này, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quy định giá nước sinh hoạt cụ thể là phù hợp với quy định của Luật Giá năm 2012. Quy định trên của Nghị định số 117/2013/NĐ-CP phù hợp với quy định của Luật Giá năm 2012. Tuy nhiên, trên thực tế, có những địa phương hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá bán buôn nước sạch, hoặc có những tỉnh, nhà đầu tư báo cáo UBND về phương án giá bán buôn

nước sạch để UBND cấp tỉnh tham khảo khi quyết định giá nước sinh hoạt. Quy định này chưa phù hợp với quy định của Luật Giá năm 2012.

- Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt; việc tuân thủ đúng quy định Thông tư số 44/2021/TT-BTC đã góp phần ban hành giá nước sạch hiện nay tiệm cận với yêu cầu tính đúng, tính đủ các chi phí đầu vào. Tuy nhiên, Thông tư ban hành chưa nhắc đến lộ trình điều chỉnh giá, chưa thực hiện được sự công bằng giữa 03 chủ thể: Nhà nước – Doanh nghiệp – Người dân, nhà nước đang chi phối dẫn đến việc thẩm định, ban hành giá nước chịu nhiều ảnh hưởng từ vấn đề an sinh xã hội, gây khó khăn cho doanh nghiệp đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước.

- Đối với khu vực nông thôn, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; năng lực, trình độ còn hạn chế, trong khi suất đầu tư công trình cấp nước theo đầu người lớn hơn nhiều so với khu vực đô thị, đặc biệt những khu vực gặp khó khăn nguồn nước; vì vậy giá thành nước sạch cao hơn khu vực đô thị, tuy nhiên khung giá nước sạch tối đa, tối thiểu quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC khá thấp (từ 2.000 đến 11.000 đồng), giá nước sạch nông thôn không được bù giá (trừ cấp nước cho vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo), khó tiếp cận với chính sách ưu đãi theo quy định của nhà nước (theo Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP) và chưa được các địa phương triển khai thực hiện trong thực tế.

b) Đối với thoát nước

Nguyên nhân các chính sách khó khả thi thực hiện

- Theo quy định của Luật Đầu tư công 2019 và các chính sách của Quốc hội và CP như: (i) Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; (ii) Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng CP quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, *lĩnh vực thoát nước không được xếp vào lĩnh vực ưu tiên đầu tư phát triển* so với các lĩnh vực khác như năng lượng, giao thông, viễn thông, cấp nước. Chưa quyết tâm xây dựng cơ chế đột phá để thu hút đầu tư.

- Lĩnh vực thoát nước bao gồm thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải chưa được thống nhất và “thuộc cùng đối tượng” đầu tư đồng bộ:

✓ Điểm a, Khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 xác định *xử lý nước thải* là một hạng mục thuộc công tác “Bảo vệ môi trường”.

✓ Điểm e, Khoản 10, Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 xác định thoát nước là một hạng mục thuộc các lĩnh vực “*Các hoạt động kinh*

tế”.

- Thiếu các chính sách của nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển các công trình thoát nước hợp lý, thiếu cơ sở dữ liệu chính xác và tích hợp trên toàn quốc về các công trình dịch vụ thoát nước tại các địa phương để theo dõi đánh giá và xây dựng chính sách phát triển.

- Lĩnh vực thoát nước và XLNT có yêu cầu về chi phí đầu tư rất lớn so với cấp nước trong khi được phân bổ ngân sách thấp hơn rất nhiều, chưa đảm bảo cơ chế thu hút được nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và giá dịch vụ thoát nước tại nhiều địa phương chưa được tính đúng tính đủ mà chỉ xác định trên % của giá cấp nước³⁴ là nguyên nhân bất cập để có nguồn lực đầu tư thoát nước

Nguồn vốn huy động thông qua hình thức vay nợ bị hạn chế.

- Từ năm 2010, Việt Nam đã trở thành nước thu nhập trung bình nên mức độ ưu đãi của các khoản cho vay của các đối tác phát triển dành cho Việt Nam đang giảm rõ rệt. Cùng với đó, đến tháng 7/2017, Ngân hàng Thế giới (WB) cũng sẽ chấm dứt ODA ưu đãi với Việt Nam và Việt Nam phải chuyển sang sử dụng nguồn vay kém ưu đãi, tiến tới vay theo điều kiện thị trường. Như vậy, khả năng huy động vốn thông qua các khoản vay ưu đãi giảm làm giảm nguồn lực đầu tư cho các công trình thoát nước³⁵.

- Hình thức Ngân hàng cho vay trực tiếp vào cơ sở hạ tầng (CSHT) bị hạn chế do sự không phù hợp giữa các khoản nợ ngắn hạn của ngân hàng (chủ yếu là tiền gửi) và cho vay dài hạn cần thiết cho các dự án CSHT và tài chính dự án. Các NHTM Việt Nam có thể chịu rủi ro thanh khoản khi các ngân hàng đang sử dụng tăng một phần vốn ngắn hạn của họ để cho vay các dự án dài hạn.³⁶

Hạn chế về phân bổ vốn ngân sách tại địa phương cho phát triển thoát nước

- Ngành thoát nước cũng chưa được xác định cụ thể là ngành được ưu tiên đầu tư/ bù chi, do đó cũng chưa có căn cứ cụ thể để chính quyền địa phương (CQĐP) ưu tiên bố trí ngân sách cho hoạt động thoát nước vào mục bổ sung cân đối hay bổ sung có mục tiêu theo như quy định của Luật NSNN 2015 về sử dụng bổ sung ngân sách từ NSTW.

- Luật ngân sách nhà nước 2015 cũng quy định về lập kế hoạch tài chính

³⁴ Có trên 35/63 địa phương áp dụng phí bảo vệ môi trường hoặc quy định giá dịch vụ mà chỉ tính theo % giá nước sạch mà không xây dựng định mức, xác định cơ sở tính toán đảm bảo tính đúng tính đủ

³⁵ Nguồn: https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM083901

³⁶ Thông tư 06/2016-TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành đang đặt ra giới hạn thấp hơn là các NHTM được phép cung cấp các khoản vay trung và dài hạn lên tới 40% trong huy động vốn ngắn hạn từ năm 2018 so với giới hạn 60% trong giai đoạn 2015-2016, làm giảm khả năng cho vay dài hạn của các NHTM để tài trợ cho các dự án CSHT.

Do quy định hiện hành, hình thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thường theo các định hướng, chủ trương nhất định, khó áp dụng riêng cho ngành thoát nước.

hàng năm, 3 năm và 5 năm. Luật Đầu tư công 2019 cũng quy định về việc lập KHĐTC hàng năm và KHĐTC trung hạn (5 năm). Quy định của các luật này cố định và giới hạn mức ngân sách chi cho đầu tư phát triển thoát nước cũng như danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách, điều này có thể sẽ không thể kịp thời giải quyết nhu cầu đầu tư nếu áp dụng hình thức đầu tư công

- Luật Quản lý nợ công 2017 đưa ra quy định về nguồn vốn vay phát triển đô thị đi kèm với quy định khả năng vay nợ của CQĐP. Do đó mức vay cho đầu tư phát triển đô thị bao gồm lĩnh vực thoát nước cũng bị giới hạn theo từng trường hợp.

Thiếu quy định, cơ chế đặc biệt để xử lý các tình huống bất khả kháng như thiên tai, sự cố.

Do hiệu quả Sử dụng vốn

Các dự án ODA thường chậm tiến độ do thủ tục phê duyệt, gia hạn của nhà tài trợ kéo dài, do khâu giải phóng mặt bằng chậm tiến độ.

Hầu hết các hệ thống thoát nước mới đều được xây dựng theo các dự án ODA và nguồn vốn ODA chủ yếu được sử dụng để xây dựng các cống bao, trạm bơm và nhà máy XLNT. Mặt khác, chính quyền địa phương chịu trách nhiệm trong xây dựng hoặc nâng cấp mạng lưới cống bao gồm cống cấp 2, cấp 3 và các hộp đấu nối. Tuy nhiên, mạng lưới cống thoát nước vẫn chưa được lắp đặt/ nâng cấp do thiếu vốn đầu tư. Do đó, các tuyến cống, kênh hở/bán hở và sông hiện có vẫn được sử dụng làm tuyến thu gom nước thải sau khi dự án hoàn thành, làm giảm năng lực và chất lượng của hệ thống và dịch vụ thoát nước. Ngoài ra, với việc hiệu quả quản lý hạn chế, tiến độ dự án bị kéo dài gây đội vốn tổng mức đầu tư gây giảm hiệu quả sử dụng vốn.

Do hạn chế trong việc Thu hút Đầu tư theo Hình thức PPP

Khung pháp lý liên quan đến đầu tư theo hình thức PPP còn nhiều điểm gây khó khăn cho việc thu hút đầu tư. Cụ thể như sau:

1. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP 2020

Cơ chế về nguồn thu cho dự án chưa khả thi do giá dịch vụ thoát nước chưa được ban hành hoặc ban hành ở mức rất thấp chưa đảm bảo tính đúng, tính đủ cho các nhà đầu tư.

Điều 69 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP quy định tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia vào dự án PPP không được vượt quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Sự tham gia vốn của Nhà nước có mục đích hỗ trợ và đảm bảo sự

thành công của dự án. Tuy nhiên, quy định này lại hạn chế sự hỗ trợ cần thiết từ Nhà nước đối với nhà đầu tư tư nhân trong các lĩnh vực kinh doanh có lợi nhuận thấp với điều kiện triển khai dự án chưa hấp dẫn như đầu tư phát triển và quản lý hệ thống thoát nước cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

Hơn nữa, các Điều 79, 80, 81 và 82 của Luật Đầu tư PPP quy định về ưu đãi và bảo đảm đầu tư cho nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư dự án PPP nhưng lại không bao gồm nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán của Nhà nước, điều này có thể khiến nhà đầu tư không muốn đầu tư vào lĩnh vực thoát nước do e ngại rủi ro.

Nghị định 80 và Thông tư 13/2018/TT-BXD

Ngoài ra, việc áp dụng các nguyên tắc định giá dịch vụ thoát nước theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP và Thông tư 13/2018/TT-BXD cho các dự án PPP sẽ đối mặt với những vấn đề như: quy định mức trần tỷ lệ lợi nhuận định mức là 5% giá thành dịch vụ trong công thức định giá dịch vụ thoát nước là khá thấp và không phù hợp để áp dụng cho mô hình đầu tư PPP; Công thức định giá dịch vụ thoát nước chưa bao gồm yếu tố chi phí huy động vốn – yếu tố rất quan trọng trong bài toán kinh doanh của các dự án PPP; Chưa có hướng dẫn về bù đắp giá thoát nước cho khối tư nhân trong dự án PPP.

Thời hạn thực hiện hợp đồng quản lý vận hành không đủ dài (thông thường là 5 năm), gây khó khăn cho việc thu hồi vốn đầu tư và sinh lời trong trường hợp thực hiện hình thức quản lý vận hành có cả đầu tư, do đó không khuyến khích được các đơn vị tư nhân tham gia đầu tư một cách bài bản và lâu dài trong khi đó Luật PPP 2020 quy định thời hạn hợp đồng do các bên thỏa thuận căn cứ vào quyết định phê duyệt dự án và kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Việc thiết lập giá dịch vụ thoát nước chưa được hướng dẫn chi tiết và đồng bộ tại các văn bản pháp luật từ cấp trung ương. Ngoài ra, việc thực thi ở địa phương cũng chưa được cấp chính quyền quan tâm nên có rất nhiều địa phương chưa ban hành hoặc quy trình thẩm định, ban hành chậm.

2.4. Mô hình tổ chức quản lý vận hành, khai thác, sử dụng công trình Cấp, Thoát nước không thống nhất tại các địa phương, năng lực quản lý vận hành của đơn vị Cấp, Thoát nước chưa đáp ứng yêu cầu.

2.4.1. Đối với mô hình tổ chức quản lý vận hành hệ thống cấp nước

- Về tổng thể mô hình tổ chức cấp nước không thống nhất, có sự khác nhau giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn; đối với khu vực đô thị mô hình doanh nghiệp cổ phần (còn 10 doanh nghiệp mô hình TNHH MTV), khu vực nông thôn đa dạng gồm mô hình doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp TNHH

NN MTV, mô hình trung tâm nước sạch và mô hình cộng đồng, hợp tác xã. Đối với mô hình quản lý cộng đồng, hợp tác xã tại khu vực nông thôn và mô hình ban quản lý chung cư kết hợp quản lý vận hành công trình cấp nước tại các khu đô thị mới, khu chung cư: năng lực quản lý vận hành công trình cấp nước của các khu vực dân cư này còn hạn chế, thiếu kiểm soát, nhiều nơi không đáp ứng yêu cầu ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cấp nước và chất lượng nước.

- Mô hình quản lý, khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn đang tồn tại song song nhiều loại mô hình như: doanh nghiệp, tư nhân quản lý chiếm tỷ lệ 9,5%; đơn vị sự nghiệp công lập quản lý chiếm tỷ lệ 9,5%; hợp tác xã quản lý chiếm tỷ lệ 1,8%; Ủy ban nhân dân xã quản lý chiếm 28,9% và cộng đồng quản lý chiếm 50,3%. Mô hình cộng đồng, Ủy ban nhân dân xã quản lý chiếm tới 81% và có nhiều hạn chế do cán bộ quản lý vận hành công trình chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, tập huấn về kỹ thuật quản lý, vận hành nên thiếu chuyên nghiệp, dẫn tới công trình hoạt động kém hiệu quả.

- Đối với các vùng khó khăn về nguồn nước, chịu ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn như vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Tây Nguyên đòi hỏi cần có nhà máy quy mô cấp vùng để giải quyết vấn đề về cung cấp nước sạch cho người dân, tuy nhiên về cơ chế, mô hình của nhà máy cấp vùng này chưa được quy định.

- Khi tư nhân thực hiện dịch vụ cấp nước, sẽ xuất hiện tranh chấp, xung đột quyền lợi, trách nhiệm giữa các doanh nghiệp cấp nước, giữa doanh nghiệp cấp nước với chính quyền địa phương và giữa doanh nghiệp với khách hàng sử dụng nước. Vì vậy, cần có một cơ quan quản lý nhà nước có đủ thẩm quyền, năng lực trong quản lý ngành cấp nước, có sự phân công, giao trách nhiệm và những quy định, chế tài hướng dẫn giúp đỡ tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho các bên liên quan hoặc giúp toà án nếu các bên kiện tụng; cơ quan quản lý này cũng có thể hướng dẫn, hỗ trợ để làm giảm số lượng tranh chấp, xung đột mà các bên kiện ra tòa án.

2.4.2. Đối với mô hình tổ chức quản lý thoát nước

Mô hình tổ chức quản lý khai thác, vận hành thoát nước tại các địa phương rất khác nhau tùy theo nhu cầu thực tế, theo cơ chế đặt hàng, phụ thuộc vào nguồn ngân sách phân bổ hàng năm của tỉnh/thành phố. Có tỉnh thành lập đơn vị thoát nước riêng, có tỉnh lồng ghép với doanh nghiệp về môi trường, dịch vụ công ích v.v... Đơn vị thoát nước hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, TNHH MTV, HTX dẫn đến quyền chủ động trong hoạt động quản lý vận hành và phát triển hệ thống thoát nước còn nhiều hạn chế.

- Luật đầu tư 2020 chỉ xác định cấp nước là ngành nghề đầu tư kinh doanh

có điều kiện, ngành thoát nước chưa được xác định. Các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ có yêu cầu về năng lực của các đơn vị liên quan tham gia vào hoạt động kinh doanh. Nghị định 80 cũng không yêu cầu, quy định cụ thể về năng lực của các đơn vị liên quan tham gia vào hoạt động thoát nước. Theo đó, hiện cũng chưa có quy định về yêu cầu năng lực cho cá nhân/ đơn vị tham gia vào hoạt động thoát nước như kỹ sư/ công nhân VH&BD, năng lực của các đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan. Mặt khác, do chưa có yêu cầu về năng lực nên việc tăng cường năng lực cũng không được thực hiện bài bản và đồng bộ.

2.5. Quy định pháp luật trong quản lý vận hành, quản lý chất lượng dịch vụ giữa chính quyền địa phương, đơn vị cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ chưa chặt chẽ, tính pháp lý chưa cao.

- Tại Điều 34, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội” và Điều 44: “Công dân có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”; đồng thời tham chiếu với Nghị quyết của Liên Hiệp quốc về quyền được tiếp cận với nước sạch của con người cho thấy rằng việc bảo đảm cấp nước liên tục cho người dân là trách nhiệm của toàn thể cộng đồng và phải được nâng tầm an ninh quốc gia. Chưa có quy định về việc tiếp cận nước sạch là quyền của người dân, nâng tầm những công trình cấp nước lớn lên tầm an ninh quốc gia. Việc bảo đảm sự an toàn cho hệ thống cấp nước mang tính an ninh. Hiện nay, Pháp luật chưa có quy định cụ thể việc bảo vệ an toàn cho hệ thống cấp nước trong những trường hợp trên.

- Tại Chương VII của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP quy định về bảo đảm an toàn cấp nước, trong đó đưa ra yêu cầu chung về trách nhiệm bảo vệ hệ thống cấp nước và bảo đảm ổn định dịch vụ cấp nước. Để làm rõ hơn những quy định này, ngày 21/11/2012, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 08/2012/TT-BXD về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn, sau khi Thông tư được ban hành các địa phương đã có những triển khai từ cấp chính quyền đến các đơn vị cấp nước như thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh, thành lập tổ nhóm cấp nước an toàn, xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn của công ty,... Các hoạt động này đa phần chỉ dừng ở mức thành lập, công bố còn việc quản lý, triển khai chưa thực sự được quan tâm, vẫn mang nhiều tính thời vụ, đối phó. Pháp luật chưa quy định bằng luật nên chưa đủ mạnh trong việc thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước.

- Một số quy định của Nghị định 117/2007/NĐ-CP gây khó khăn, khiếu kiện và thắc mắc trong Nhân dân khi triển khai đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn. Tại khoản 3 Điều 42 quy định đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối với các khách hàng sử dụng nước bao gồm cả

đồng hồ đo nước. Tuy nhiên, phần lớn các công trình cấp nước nông thôn được đầu tư từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đều yêu cầu sự tham gia đóng góp của người dân từ 10-40% tổng mức đầu tư xây dựng công trình nhưng thực tế, người dân chưa tham gia đóng góp do thiếu chế tài ràng buộc sự cam kết của người dân, dẫn đến việc huy động vốn dân đóng góp gặp nhiều khó khăn, công trình chậm quyết toán hoàn thành.

- Đến năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình quốc gia về bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025, mục tiêu đến năm 2020: tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 90% - 95%; tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 45% và khu vực nông thôn được lập, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 35%, giảm thiểu lượng nước thải sinh hoạt đô thị chưa qua xử lý trước khi xả ra môi trường xuống còn 80 - 85%, giảm thiểu 20% bệnh tiêu chảy liên quan tới nước ăn uống, 100% các tỉnh, thành phố thành lập Ban chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh.

- Hiện nay, nhiều địa phương chưa ban hành được quy chuẩn áp dụng cho địa phương theo quy định mới tại Quy chuẩn số QCVN 01:2018/BYT về chất lượng nước ăn uống; việc này sẽ hạn chế công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước của cơ quan quản lý địa phương.

- Một số nguyên nhân chủ quan khác đến từ chính quyền và đơn vị cấp nước như: (i) chưa có các chế tài quản lý, bắt buộc thực hiện một cách đồng bộ; (ii) việc đầu tư cho cấp nước an toàn thường không mang lại lợi nhuận về kinh tế trong giai đoạn trước mắt và điều này đi ngược lại lợi ích của các doanh nghiệp cấp nước; (iii) chưa nhận được sự quan tâm đúng mực của chính quyền địa phương, việc thực hiện cấp nước an toàn ở nhiều nơi được coi là chỉ thuộc về trách nhiệm của công ty cấp nước.

2.5.2. Đối quản lý vận hành, chất lượng dịch vụ thoát nước

Các quy định pháp luật chưa thống nhất và cụ thể, chưa có tiêu chí phân loại đánh giá, các điều kiện năng lực của đơn vị quản lý vận hành (Quy định tại Điều 17 của nghị định 80) nên hiệu quả triển khai hoạt động thoát nước, chất lượng dịch vụ còn thấp.

Hiện nay Nghị quyết số 22/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về phân loại đô thị. Trong đó có các tiêu chí đánh giá liên quan đến thoát nước và vệ sinh môi trường như sau:

- i. Các tiêu chí về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng

- ii. Mật độ đường cống thoát nước chính.
- iii. Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng.
- iv. Các tiêu chí về thu gom, xử lý nước thải, chất thải.
- v. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy.
- vi. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật.

Hiện cũng chưa có đánh giá cụ thể nào về tình hình phát triển thoát nước tại từng địa phương, do đó mức độ phát triển/ hạn chế tại từng địa phương chưa được đánh giá cụ thể để làm căn cứ cho mục đích cải thiện, nâng cao hiệu quả và chất lượng.

- Hiện chưa có quy định cụ thể về yêu cầu về năng lực của cán bộ quản lý thoát nước. Tương tự, có những hạn chế trong việc thực hiện các chương trình nâng cao năng lực ở Việt Nam do các quy định hiện hành và hạn chế ngân sách. Các chương trình này chủ yếu chỉ được thực hiện ở các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các đơn vị cung cấp dịch vụ có năng lực tốt thường chỉ tập trung ở các thành phố lớn do có nguồn ngân sách hỗ trợ. Ngoài ra, cũng không có nhiều đơn vị tham gia vào lĩnh vực này nên việc cạnh tranh nâng cao năng lực và chất lượng còn hạn chế.

- Doanh nghiệp thoát nước là doanh nghiệp cổ phần hoạt động thông qua đại hội cổ đông của Luật Doanh nghiệp chỉ quan tâm đến lợi nhuận, hiệu quả đầu tư, có thể bác bỏ yêu cầu đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến công nghệ quản lý, hay duy tu nạo vét thường xuyên để nâng cao hiệu quả thoát nước chống ngập và yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Chưa có cơ chế trao đổi thúc đẩy hợp tác, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm địa phương: hiện tại, do thiếu căn cứ/ hướng dẫn/ thiết lập kênh chia sẻ thông tin chung giữa các địa phương nên việc trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm quản lý còn rất hạn chế.

2.6. Quy định pháp luật trong hoạt động Cấp, Thoát nước chưa thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

2.6.1. Đối với lĩnh vực cấp nước

- Đối với lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, theo quy định tại Điều 60 Nghị định 117/2007/NĐ-CP, Chính phủ giao 02 Bộ ngành quản lý nhà nước về ngành cấp nước, trong đó giao Bộ Xây dựng quản lý cấp nước khu vực đô thị, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý cấp nước nông thôn, Bộ Y tế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng, ban hành quy chuẩn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, tổ chức kiểm tra và giám

sát việc thực hiện quy chuẩn nước sạch trên phạm vi toàn quốc,... Việc quản lý và cung cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn dẫn đến sự chồng lấn trong quản lý cấp nước đặc biệt với địa bàn giáp ranh giữa đô thị và nông thôn, địa bàn trước kia là nông thôn, trong quá trình đô thị hóa lại chuyển thành khu vực đô thị,..., giảm tính đồng bộ, chưa đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ ngành và đơn vị cấp nước đô thị, đơn vị cấp nước nông thôn; chưa thống nhất quản lý cấp nước đô thị và cấp nước nông thôn.

- Luật hiện hành liên quan đến quản lý, đầu tư phát triển cấp nước như: Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật An toàn thực phẩm, Luật Bảo vệ người tiêu dùng, Luật Doanh nghiệp nhưng chưa có luật Cấp, Thoát nước, chưa quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch bao gồm: mô hình tổ chức quản lý cấp nước; trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp nước; quản lý dịch vụ cấp nước; điều tiết các mối quan hệ trong hoạt động cấp nước; nhu cầu cấp nước cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát tài sản công trình cấp nước; bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước v.v.; tính pháp lý không cao.

- Nguồn nhân lực và thực thi chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lĩnh vực cấp nước nông thôn ở cấp tỉnh, huyện yếu và kém hiệu quả, trách nhiệm chưa cao; nhân lực quản lý ở cấp xã không được đào tạo và thường xuyên thay đổi. Các đơn vị tham mưu, phục vụ quản lý Nhà nước phần lớn chỉ chú trọng đến các hoạt động được giao về đầu tư và quản lý các công trình cấp nước có lợi thế. Các hoạt động giám sát, hỗ trợ kỹ thuật ít được chú trọng thực hiện.

2.6.2. Đối với lĩnh vực thoát nước

Hiện nay, các lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải là một dịch vụ công ích thiết yếu trong đô thị, ảnh hưởng an sinh, sức khỏe môi trường của người dân nhưng chưa có Luật quản lý như các lĩnh vực hạ tầng khác như Giao thông đường bộ, Điện lực, Thủy lợi,... đang được điều chỉnh bằng luật nên hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được đồng bộ, thống nhất.

Hiện nay, Nghị định 80/2014/NĐ-CP là văn bản quy phạm pháp luật cao nhất điều chỉnh hoạt động thoát nước và xử lý nước thải nên các vấn đề quản lý, đầu tư, quản lý theo quy hoạch, kiểm tra, giám sát hoạt động thoát nước, thiếu cơ sở cũng như công cụ chế tài để quản lý chặt chẽ công tác xử lý vi phạm chưa nghiêm, chế tài xử lý chưa đủ tính răn đe³⁷.

Về tổ chức quản lý thoát nước, Chính phủ giao Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải

tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc; Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước.

Đối với lĩnh vực thoát nước: Hiện nay căn cứ theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Trong đó, Phụ lục 2 quy định “Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung” thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng; tuy nhiên nếu xác định dịch vụ xử lý nước thải là dịch vụ môi trường thì theo biểu 01 Phụ lục 1 quy định có thể thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ là nguyên nhân gây bất cập trong triển khai thực hiện, đồng thời dự toán được lập, giao theo niên độ ngân sách hàng năm nên việc đầu tư, cải tạo HTTN duy trì phát sinh do sự cố thiên tai không được xử lý thực hiện kịp thời ảnh hưởng đến tính bền vững của hoạt động thoát nước.

PHẦN THỨ HAI: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. BỐI CẢNH THỰC TIỄN, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG LUẬT CHUYÊN NGÀNH CẤP THOÁT NƯỚC

1. Bối cảnh thực tiễn

Trước những tồn tại và bất cập và các nguyên nhân phân tích ở Phần I, sự chông chéo và thiếu các quy định pháp luật đòi hỏi cần phải nghiên cứu, xây dựng bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực cấp thoát nước là yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay. Ngoài ra xu thế hiện nay trong công cuộc CM 4.0, chuyển đổi số, quản lý nước “thông minh”, kinh tế tuần hoàn nhằm giải quyết vấn đề khan hiếm nguồn nước, ô nhiễm gia tăng, việc áp dụng các mô hình quản lý “thông minh” nhằm tối ưu hóa vận hành hệ thống cấp thoát nước hướng tới mục tiêu phát thải ròng (=) cũng cần nghiên cứu xây dựng trong Luật phù hợp với xu thế hội nhập theo kinh nghiệm quốc tế mà các nước đang triển khai

Qua thực tế tổng kết báo cáo của các địa phương cũng như các ý kiến của các chuyên gia, Bộ, ngành địa phương thông qua các cuộc hội thảo tại 3 miền (với 4 cuộc hội thảo) và thu nhận các phiếu tham vấn ý kiến cho thấy:

(1) Đa phần tán đồng thống nhất xây dựng Luật Cấp thoát nước

(2) Cần có các quy định hướng dẫn cụ thể từ hoạt động quy hoạch, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài sản hệ thống cấp thoát nước, quản lý đầu tư phát triển, vận hành, cơ chế tài chính, mô hình tổ chức v.v.

Các quy định hiện hành hiện nay là các Nghị định và ràng buộc chéo chéo giữa các Luật mà chưa đáp ứng tính đặc thù của ngành nên khó tổ chức triển khai thực hiện, không thể thực hiện theo kịp đúng mục tiêu yêu cầu của Các Nghị quyết Trung ương phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng.

Để đảm bảo thống nhất đồng bộ trong một Luật chung liên quan đến cấp thoát nước, tính đặc thù của ngành nước, là đối tượng quan trọng cấu thành trong khung hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, đồng bộ. Nâng cao chất lượng dịch vụ: cấp nước an toàn, thoát nước bền vững, giảm thiểu ngập lụt, nâng cao tỷ lệ đầu tư phát triển hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn v.v là yêu cầu thực tiễn đặt ra hiện nay trước bối cảnh đô thị hóa, biến đổi khí hậu.

Ngành nước chịu tác động bởi nhiều đối tượng/ngành: nguồn nước (với hệ thống cấp nước; điểm xả thải, kênh mương (nước thải, tiêu thoát nước mưa); tác động bởi các yếu tố thời tiết mưa lũ đất đai, thủy lợi, tiêu thụ điện năng, hóa chất, v.v. chi phối đến giá dịch vụ, nhu cầu sử dụng nước, xả thải v.v.

Đối với dự án đầu tư ngành cấp thoát nước, khi triển khai cần có *đánh giá diễn biến chuỗi số liệu nhiều năm liên quan chất lượng nước, mưa lũ, thời tiết, BDKH, tốc độ phát triển dân số, kinh tế - xã hội..* để điều chỉnh các hoạt động ngành nước phù hợp theo kịp tốc độ phát triển và hạ tầng cần đầu tư đồng bộ và luôn đi trước theo kịp tốc độ phát triển, dự báo phát triển.

Các công trình cấp thoát nước vừa là công trình đầu mối hạ tầng (nhà máy) trong đô thị vừa nhiều hạng mục theo tuyến (ống truyền tải, thu gom, phân phối) nên việc quản lý phức tạp: Các yêu cầu về quy hoạch, đất đai, giải phóng MB, đầu tư và quản lý, duy tu cần có quy định cụ thể, có công cụ quản lý, cơ chế tổ chức thực hiện, giám sát thường xuyên, liên tục v.v..

Về nguồn nước: Theo tính toán, dự báo của Ngân hàng thế giới (Báo cáo Việt Nam: Hướng tới một hệ thống nước có tích thích ứng, sạch và an toàn (WB, 2019), tổng nhu cầu nước mùa khô vào năm 2030 sẽ tăng 32% so với hiện tại (theo kịch bản thông thường), gây áp lực, căng thẳng nguồn nước cho 11/16 lưu vực sông tại Việt Nam. Nhu cầu nước của các ngành gia tăng, trong điều kiện nguồn nước chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi do tác động khai thác, sử dụng nước của các quốc gia thượng nguồn và biến đổi khí hậu, cùng với sự phát triển kinh tế vượt bậc, quá trình đô thị hóa nhanh, các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp gia tăng kéo theo các hoạt động xả nước thải nhất là nước thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn xả vào nguồn nước, đã và đang

tác động và gây sức ép ngày càng lớn, nghiêm trọng đến cả số lượng và chất lượng nguồn nước các sông, suối và các tầng chứa nước. Nhu cầu đầu tư cấp nước theo Unicef, đến năm 2030, để đáp ứng được các mục tiêu do Chính phủ đề ra và Nâng cấp từ nước hợp vệ sinh lên nước sạch cho 4,5 triệu người và cung cấp nước sạch cho thêm 4,8 triệu người, tức là cần nâng cấp 544.535 m³/ngđ và tăng thêm công suất 1.778.529 m³/ngđ cần chi phí khoảng 25,78 nghìn tỷ đồng³⁸. (Đây là dự kiến nhu cầu đầu tư tối thiểu vì tính đến nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, nhu cầu vốn này chưa tính đến chi phí truyền thông và huy động sự tham gia của người dùng để tăng cường quảng bá, mặc dù những chi phí này rất quan trọng để gia tăng mức độ sử dụng dịch vụ. Các chi phí này cũng không bao gồm chi phí quản lý liên quan đến hoạt động đầu thầu và giám sát. Tổng các chi phí này có thể lên đến hơn 20% tổng nhu cầu đầu tư).

Trong thời gian vừa qua, xảy ra nhiều sự cố về nguồn nước, đường ống cấp nước cho sinh hoạt như: sự cố nguồn nước của Nhà máy nước sông Đà, vỡ đường ống truyền tải tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,... Hay tranh chấp về vùng phục vụ cấp nước giữa các đơn vị cấp nước ở Thanh Hóa, Ninh Thuận, Hưng Yên,... hay lũ lụt ngập lụt xảy ra tại nhiều đô thị lớn gây thiệt hại tài sản, tính mạng đến cuộc sống của người dân, hiện tượng xả thải lấn chiếm hành lang công trình thoát nước vẫn xảy ra v.v.

Tỷ lệ xử lý nước thải còn thấp, từ 2010 các nguồn lực đầu tư từ vốn hỗ trợ ODA giảm nên nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực thoát nước ngày càng hạn chế

Do vậy đòi hỏi phải xây dựng, bổ sung hoàn thiện các quy định, chính sách bắt buộc được nâng tầm trong “Luật” mang tính đặc thù của ngành cũng như tránh chồng chéo, phụ thuộc các Luật liên quan khác để quản lý, giám sát chặt chẽ việc khai thác, cung cấp nước sạch cũng như thu gom nước thải, kiểm soát thu gom nước mưa, tái sử dụng hiệu quả nước mưa góp phần bảo vệ môi trường, đồng thời tiết kiệm tài nguyên nước vừa góp phần giảm ngập úng. Các chính sách cũng sẽ thúc đẩy, nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo đồng bộ, thống nhất về quản lý cũng như huy động các nguồn lực đầu tư, các ưu đãi đầu tư quan tâm đầu tư và cơ chế giá hợp lý được quy định trong Luật, bổ sung các “khoảng trống” của Luật để quản lý nâng cao hiệu lực hiệu quả đầu tư, quản lý vận hành đảm bảo mục tiêu cấp nước an toàn, đảm bảo an ninh nguồn nước, đảm bảo thoát nước đồng bộ bền vững thích ứng với BĐKH cũng như tình hình khan hiếm nước ngày một gia tăng.

Những điều này đặt ra cần phải có quy định, chế tài mạnh hơn để quản lý lĩnh vực cấp thoát nước.

³⁸ Báo cáo tóm tắt Huy động vốn cho ngành nước: Nhu cầu đầu tư và công cụ hỗ trợ tiềm năng (Unicef).

2. Quan điểm, chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực Cấp, Thoát nước

Theo Hiến pháp Việt Nam năm 2013, tại Điều 34 quy định “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội” và Điều 43 quy định “Công dân có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”. Môi trường trong lành có thể được hiểu là môi trường vật chất mà chất lượng của nó cho phép cuộc sống được đảm bảo an toàn, hài hòa với tự nhiên. Quyền con người được sống trong một môi trường trong lành, dưới góc độ pháp lý, là chất lượng môi trường xung quanh đạt tiêu chuẩn cho phép. Trong đó, tiếp cận nước và vệ sinh được Liên Hợp Quốc công nhận là quyền cơ bản của con người tại Nghị quyết 64/292 năm 2010 của Đại Hội đồng Liên Hợp quốc. Việc thiếu hệ thống cấp nước an toàn, thu gom xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển của hàng tỷ người trên thế giới nói chung và hàng triệu người Việt Nam nói riêng, đồng thời có tác động lớn đến việc thực hiện các quyền khác của con người.

Theo Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã chỉ rõ ”Hệ thống pháp luật của nước ta cơ bản đầy đủ, ổn định, thống nhất. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới; một số quy định còn bất cập, gây kìm hãm, cản trở sự phát triển. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tăng cường xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế phải được các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị chú trọng, không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Mục tiêu của công tác xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV là hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, 12 định hướng phát triển đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược đã được Đại hội XIII của Đảng đề ra. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo”.

Kết luận số 36/KL-TW của Bộ Chính trị ngày 26/3/2022 về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030 xác định mục tiêu “Bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp

ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý. Chủ động tích trữ, điều hoà nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.”

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 (Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới, đặt ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp tập trung nguồn lực xây dựng, nâng cấp các hệ thống cấp thoát nước, bảo đảm người dân được tiếp cận sử dụng nước sạch.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, với mục tiêu tổng quát: Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân...

- Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được phê duyệt tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017, trong đó tại Mục tiêu 6.1 “Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ, công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người”, mục a, b: Giao Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật, công nghệ xử lý... về cấp nước, đảm bảo người dân được tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và nước sạch an toàn.

3. Sự cần thiết xây dựng Luật chuyên ngành Cấp, Thoát nước

3.1. Kết quả rà soát, đánh giá thi hành pháp luật về Cấp, Thoát nước

Các quy định hiện hành hiện nay là các Nghị định, chưa mang tính bắt buộc, chưa thúc đẩy để phát triển theo đúng mục tiêu yêu cầu của Các Nghị quyết Trung ương phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng. Một số quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, còn nhiều khoảng trống hoặc không phù hợp tính đặc thù của ngành, lĩnh vực

- Rà soát các văn bản luật có liên quan đến ngành cấp cho thấy, hiện nay chưa có một văn bản Luật thống nhất điều chỉnh hoạt động cấp nước từ sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, mà các nội dung được quy định rải rác tại văn bản quy phạm pháp luật khác như:

+ Do hoạt động cấp nước không phụ thuộc vào địa giới hành chính, giữa đô thị và nông thôn, đặc biệt dưới tác động biến đổi khí hậu, nhu cầu đầu tư phát triển công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh, vùng tỉnh đang được triển khai thực hiện nhưng hệ thống quy hoạch chuyên ngành cấp nước vùng liên tỉnh, vùng tỉnh không được lập riêng mà phải tích hợp vào các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017.

+ Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước chủ yếu tập trung vào các vấn đề liên quan đến nguồn nước trong đó có nguồn nước cho sinh hoạt mà chưa đề việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch ngoài ra, nước sạch là một loại thực phẩm đặc biệt, tuy nhiên trong Luật An toàn thực phẩm không quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm an toàn cấp nước, điều kiện bảo đảm an toàn đối với nước sạch và quá trình sản xuất kinh doanh nước sạch.

+ Luật Bảo vệ người tiêu dùng chưa thể hiện quyền sử dụng nước sạch là quyền của con người, quyền của người tiêu dùng.

+ Luật Doanh nghiệp quy định các doanh nghiệp cổ phần hóa, hoạt động của công ty sẽ được đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc này sẽ dẫn tới mâu thuẫn giữa lợi ích của công ty với các hoạt động phát triển cấp nước mang tính an sinh xã hội.

+ Luật Giá quy định nước sạch sinh hoạt là mặt hàng do nhà nước định giá và ban hành khung giá,... trong khi đó, Mặt khác, theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 hướng dẫn Luật Đầu tư nước sạch không còn quy định là sản phẩm dịch vụ công ích (trừ cấp nước cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo...), nên đề nghị hướng tới đề xuất Nhà nước chỉ kiểm soát, hướng dẫn phương pháp định giá và không định giá nước sạch.

+ Vấn đề an sinh xã hội và lợi ích của doanh nghiệp: Đáp ứng nhu cầu cấp nước của người dân góp phần đảm bảo an sinh xã hội và đảm bảo an sinh xã hội là trách nhiệm của nhà nước, tuy nhiên hiệu lực quản lý nhà nước với các doanh nghiệp cấp nước còn hạn chế do các công ty cấp nước hầu hết hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Luật Doanh nghiệp (nhà nước không nắm giữ cổ phần hoặc nắm giữ cổ phần không chi phối), ngoài ra, các vấn đề về đầu tư, cải tạo mở rộng mạng lưới và kinh doanh chịu sự chi phối về lợi ích của doanh nghiệp.

- Quy định tiêu chí đầu tiên lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực cấp nước là có năng lực tài chính, tiêu chí này chưa phù hợp, dẫn đến nhiều nhà đầu tư không có chuyên môn trong lĩnh vực cấp nước chỉ quan tâm đến lợi nhuận mà

không quan tâm đến đầu tư phát triển hệ thống cấp thoát nước đến những vùng, khu vực mang lại lợi nhuận thấp. Theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2020, kinh doanh nước sạch (nước sinh hoạt) là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện; tuy nhiên chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn các điều kiện này và Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP không quy định về năng lực của nhà đầu tư cấp nước cũng như các quy định quản lý hoạt động chuyển nhượng, mua bán quyền sở hữu trong công ty cấp nước.

- Các quy định về đảm bảo cấp nước an toàn có tính pháp lý chưa cao, việc thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh, thành lập tổ nhóm cấp nước an toàn, xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn của công ty,... chỉ dừng ở mức thành lập, công bố còn việc quản lý, triển khai chưa thực sự được quan tâm, vẫn mang nhiều tính thời vụ, đối phó.

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP giao cho UBND tỉnh ban hành giá nước sạch trên địa bàn tỉnh, trong khi đó tại Luật Giá năm 2013 chỉ quy định UBND tỉnh ban hành giá nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; hơn nữa, sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch đang được coi là hoạt động sản xuất kinh doanh, phải có quy định mới về việc ban hành, quản lý giá nước để đảm bảo sự phát triển hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với vấn đề an sinh xã hội.

- Việc giao cho Bộ Xây dựng quản lý cấp nước đô thị và khu công nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý cấp nước nông thôn, việc này đã bộc lộ nhiều bất cập, không đồng bộ trong quy hoạch, đầu tư xây dựng, tiêu chuẩn thiết kế,...

- Hạn chế đối với lĩnh vực cấp nước nông thôn: hệ thống các cơ chế chính sách đã ban hành chưa hoàn chỉnh; việc tham mưu xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn còn chậm, đặc biệt là chính sách về quản lý, khai thác sau đầu tư; các văn bản đã ban hành nhưng khó triển khai thực hiện trong thực tế, trong đó cơ bản là các chính sách về giá và bù giá nước, cơ chế chính sách về xã hội hóa chưa rõ ràng để chuyển giao tư nhân quản lý, khai thác, chưa làm rõ chủ sở hữu đích thực đối với công trình cấp nước nhỏ lẻ do cộng đồng và hợp tác xã quản lý, chính sách hỗ trợ cho các loại mô hình cấp nước khác nhau dẫn tới khó khăn trong việc thu hút nguồn lực xã hội hóa.

Rà soát các văn bản luật có liên quan đến lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải cho thấy, hiện nay chưa có một văn bản Luật thống nhất điều chỉnh hoạt động cấp nước từ sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, mà các nội dung được quy định rải rác tại văn bản quy phạm pháp luật khác như:

- Luật Quy hoạch không quy định về thu gom xử lý nước thải, nội dung của thoát nước chưa quy định cụ thể trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh,...

không đủ điều kiện để lập các dự án đầu tư công trình cấp nước, thoát nước hoặc chỉ đáp ứng cho công trình đầu mối.

- Đối với nội dung quy hoạch cấp nước, thoát nước trong các đồ án quy hoạch: các dự án đầu tư Cấp, Thoát nước chịu tác động rất nhiều yếu tố như: yêu cầu đầu tư, mở rộng Cấp, Thoát nước cho người dân; nguồn nước; điều kiện địa chất, địa hình, đặc biệt liên quan đến hạ tầng giai thông hiện hữu; cho nên các đồ án quy hoạch cấp nước liên tục phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc UBND các tỉnh gặp khó khăn khi nội dung đầu tư chưa có trong quy hoạch.

- Luật Bảo vệ môi trường quy định về nước thải xả môi trường, nước thải sau xử lý nhưng chưa định quá trình thu gom, xử lý nước thải.

- Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tính bằng 10% tổng tiền chi trả cho cấp nước sạch. Nhiều địa phương lúng túng khi quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải thay cho giá thu gom xử lý nước thải theo Nghị định 80 .

- Quy định đấu thầu, mô hình quản lý, yêu cầu kinh nghiệm đơn vị, tổ chức quản lý, vận hành v.v) chưa cụ thể, chông chéo, khó triển khai trong thực tiễn, chưa thống nhất quản lý giữa các bộ: Nghị định 80/2014/NĐ-CP và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (Xem danh mục Phụ lục 2).

Sau khi rà soát các văn bản luật có liên quan đến lĩnh vực Cấp thoát nước (CTN) cho thấy, hiện nay chưa có một văn bản Luật mũ chuyên ngành thống nhất quy định điều chỉnh hoạt động CTN. Lĩnh vực CTN có nhiều tính chất đặc thù, bị tác động mạnh nhiều yếu tố, BĐKH, mưa lũ (ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, ngập lụt đô thị.. Từ quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, giá, mô hình quản lý vận hành..) liên quan tập trung chủ yếu đến khoảng Luật và Danh mục các Nghị định, Thông tư, Quyết định (phụ lục 1). Việc phân tích chông chéo khoảng trống còn thiếu cho thấy sự cần thiết bổ sung trong quy định và luật hóa để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi. (Phụ lục 2)

3.2. Yêu cầu quản lý phát triển Cấp, Thoát nước

(1) Quy định người dân có quyền được tiếp cận nước sạch, yêu cầu dịch vụ thoát nước vệ sinh môi trường, chống ngập úng Nhằm thể hiện vai trò trách nhiệm của Nhà nước đối với nhu cầu sử dụng nước, an sinh xã hội của người dân, đặc biệt khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; đồng thời sẽ nâng tầm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo đảm an sinh xã hội.

(2) Quy định bảo đảm an ninh cấp nước, an toàn, bền vững của hệ thống thoát nước trước bối cảnh thiên tai, biến đổi khí hậu gia tăng: Quản lý rủi ro trong hoạt động cấp nước, thoát nước là yêu cầu quan trọng và cần được Nhà

nước, doanh nghiệp và người dân quan tâm thực hiện. Ngoài ra nâng tầm quản lý rủi ro lên tầm bảo đảm an ninh cấp nước; an toàn, an ninh hệ thống thoát nước, chống ngập, bảo vệ tài sản tính mạng người dân v.v như vậy, Nhà nước mới đủ quyền lực đối với tài sản công trình cấp nước (do tư nhân sử hữu), quản lý hệ thống công trình thoát nước, tránh tình trạng xâm phạm, vi phạm hành lang an toàn hệ thống công trình cấp thoát nước nhằm duy trì hoạt động ổn định của công trình Cấp, Thoát nước trong mọi trường hợp rủi ro có thể xảy ra.

(3) Nước sạch là một loại thực phẩm, hàng hóa đặc biệt, có tác động trực tiếp đến sức khỏe và mọi hoạt động thiết yếu khác của cuộc sống con người. Vì vậy, theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, kinh doanh nước sạch (nước sinh hoạt) là hoạt động sản xuất kinh doanh có điều kiện, tuy nhiên cần có quy định cụ thể hơn nữa để quản lý, kiểm soát hoạt động cấp nước.

(5) Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, đặc biệt vấn đề chống ngập, thúc đẩy phát triển không gian xanh, mặt nước, mô hình, công trình lưu trữ, tuần hoàn, tái sử dụng nước mưa thúc đẩy góp phần giảm ngập úng đô thị, Khi đó quy định rõ phân giao trách nhiệm, nghĩa vụ nhà nước, doanh nghiệp, các khu vực tư nhân, bàn giao tài sản. Nếu tham gia đầu tư đảm bảo cam kết cung cấp nước an toàn đảm bảo, thoát nước bền vững chống ngập đảm bảo phục vụ người dân, nâng cao chất lượng đời sống, sức khỏe. Vì vậy, Dự thảo Luật Cấp thoát nước cần nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lực của cơ quan quản lý Nhà nước, xây dựng những công cụ pháp lý giám sát, chế tài đủ mạnh và ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với hoạt động cấp nước, thoát nước (cấp giấy phép, ký hợp đồng cấp nước, hợp đồng dịch vụ thoát nước quy định chất lượng dịch vụ v.v..), xây dựng quy định, thiết lập các công cụ quản lý giám sát thực thi phù hợp với xu thế phát triển như chuyển đổi số, áp dụng các công nghệ tiên tiến, quản lý nước thông minh, hướng tới kinh tế tuần hoàn, phát thải ròng +) cũng là mục tiêu và yêu cầu trong quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước

(5) Hiện nay cung cấp nước đô thị là hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn là dịch vụ công ích, riêng đối với cấp nước nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, giá nước sạch chưa đảm bảo bù đắp chi phí thì vẫn quy định là dịch vụ công ích. Vì vậy, kiến nghị các chính sách liên quan đến dịch vụ cung cấp nước phải hoàn thiện và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.

(6) Về giá nước sạch: Theo quy định của Luật Giá thì giá nước sạch do UBND cấp tỉnh quyết định, mỗi tỉnh sẽ có nhiều giá nước sạch theo các vùng phục vụ cấp nước của các doanh nghiệp cấp nước; việc kiểm soát và ban hành nhiều giá bán nước sẽ là khó khăn của các tỉnh; về giá nước thải cần có quy định

xây dựng lộ trình giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo đủ nguồn thu duy trì vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cũng như thúc đẩy đầu tư cải tạo, mở rộng chính trang nâng cấp hệ thống thoát nước trước thiên tai, BDKH gia tăng.

Quy định cấp nước là hoạt động sản xuất kinh doanh, đề nghị giao cho doanh nghiệp quyết định giá nước sạch. Tuy nhiên để bảo đảm quyền kiểm soát của Nhà nước và bảo đảm an sinh xã hội, UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định phương án giá nước và doanh nghiệp quyết định giá nước sau khi có văn bản thỏa thuận của UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền.

(7) Hiện nay, một số địa phương đã giao cho Sở Xây dựng quản lý cấp nước cả khu vực đô thị và nông thôn hoặc giao công ty cấp nước đô thị thực hiện cấp nước cho khu vực nông thôn. Nhằm quản lý đầu tư hiệu quả công trình cấp nước đô thị và nông thôn, kiến nghị nên giao cho 1 đơn vị đầu mối quản lý thống nhất nhà nước về cấp nước đô thị và nông thôn

(8) Quy định thành lập một cơ quan quản lý ngành Cấp, Thoát nước, giúp Bộ, Chính phủ về hướng dẫn xây dựng, thực hiện chính sách; hướng dẫn các tranh chấp, xung đột của doanh nghiệp, chính quyền địa phương; giúp tòa án xử lý kiện tụng về ngành nước.

(9) Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ phát triển đô thị cùng với quá trình tập trung dân cư diễn ra với tốc độ nhanh; tác động biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng; vì vậy, bảo đảm nguồn nước sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, nước thải được thu gom xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi xử ra môi trường là nhu cầu thiết yếu của con người và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bên cạnh đó, cần phải xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do nước thải và kiểm soát ngập lũ.

3.3. Kinh nghiệm quốc tế về Luật chuyên ngành Cấp, Thoát nước

Qua kinh nghiệm quốc tế về quản lý cấp, thoát nước của 20 nước (bao gồm các nhóm: (i) các nước châu Á (Malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Indônêsi-a, Philippines, Trung Quốc, Cambodia, Nhật Bản...); (ii) các nước Châu Âu (Phần Lan, Anh, Estonia, Romania, Hungary, Thụy Điển...); (iii) châu Úc: Nam Úc – Úc, Victoria - Úc...); (iii) các nước Châu Mỹ (Mỹ, Canada,...)); thoát nước khoảng 10 nước (khu vực Châu Á: Nhật Bản, Malaysia, Singapore, Đài Loan, Ấn Độ; Châu Âu và Mỹ: Mỹ, Châu Âu, Canada (Thành phố Toronto); châu Úc: Úc).

Hiện nay, hầu hết các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới đều có Luật Cấp nước, Luật Thoát nước hoặc Luật Cấp, Thoát nước hoặc kết hợp với một số lĩnh vực khác như tài nguyên nước, sức khỏe cộng đồng, xây dựng... Nội dung Luật cấp thoát nước của các quốc gia chủ yếu quy định về quản lý đầu

tư, vận hành và bảo dưỡng công trình cấp, thoát nước, quản lý đầu nối, chất lượng dịch vụ, vai trò, công cụ kiểm soát của Chính phủ. Tùy theo điều kiện kinh tế- chính trị - xã hội của mỗi nước, đa số Chính phủ các quốc gia quản lý cấp, thoát nước bao gồm cả quản lý tài sản hoặc chiếm cổ phần chi phối như Nhật, Hàn Quốc, Úc, Malaysia,...; một số ít các quốc gia giao cho khối tư nhân thực hiện như Anh, Estonia,... và quy định các chính sách để quản lý hoạt động cấp, thoát nước của doanh nghiệp tư nhân bằng quy định pháp luật. Nhìn chung, Chính phủ các nước quan tâm đến việc cung cấp nước sinh hoạt, thu gom xử lý nước thải và phát triển kinh - tế xã hội; bảo đảm quyền được sử dụng nước sạch hay quyền được tiếp cận nước sạch, đồng thời bảo đảm môi trường sống của người dân.

3.3.1. Những vấn đề chung:

a) Về tên gọi, phạm vi, đối tượng và kết cấu của Luật:

+ Về tên gọi: Đa số Luật riêng cho cấp nước và thoát nước; có 03 Luật chung cấp, thoát nước; bên cạnh đó

+ Về phạm vi, đối tượng: Đối với cấp nước, có 05 Luật hướng đến quy định về dịch vụ cấp nước (Estonia, Phần Lan, Ai-len, Romania, Thụy Điển); còn lại một số quốc gia tập trung vào đối tượng nước phục vụ công cộng (Estonia) hoặc quản lý tài nguyên nước (Hoa Kỳ). Phần lớn các Luật đều có tên gọi chung là Luật về dịch vụ cung cấp nước, đối tượng của Luật cũng tập trung vào kiểm soát công trình cấp nước, chất lượng dịch vụ, chế tài xử lý vi phạm của hệ thống cấp nước tập trung. Đối với thoát nước (Hàn Quốc, Nhật Bản, Estonia), quản lý lưu vực thoát nước theo lưu vực sông, kiểm soát chất lượng nước xả thải, quản lý công trình xử lý và chất lượng dịch vụ thoát nước, các chế tài xử lý.

+ Về kết cấu, các Luật có kết cấu chủ yếu chia thành các Chương/phần (ngoại trừ Luật của Estonia viết thành 17 Điều và không chia thành các phần); phần mở đầu sẽ là những quy định, nguyên tắc chung, giải thích các thuật ngữ về chuyên ngành sử dụng trong Luật; phần nội dung thường bao gồm các quy định về quản lý vận hành cấp nước, thẩm quyền của quản lý Nhà nước, giá dịch vụ cấp nước, tiêu chuẩn chất lượng nước, kinh doanh và giấy phép,... và phần cuối là các vấn đề về xử phạt, thi hành, chuyển tiếp. Đối với thoát nước (Nhật Bản, Malaysia): Quy định thành các chương, điều bao gồm hệ thống thoát nước công, thoát nước theo lưu vực, phí, kiểm soát dịch vụ, cấp phép, xử phạt.

b) Về vai trò của Luật:

+ *Bảo đảm quyền con người*: Tại Luật của các quốc gia nghiên cứu, nhà nước, Chính phủ phải tạo ra những điều kiện, quy tắc, điều kiện đầu tư thích hợp để cải thiện tình trạng cung cấp nước sạch cho người dân. Việc tạo ra hệ thống khung pháp lý để người dân có thể tiếp cận được nguồn nước sạch là một trong những ưu tiên hàng đầu của mỗi quốc gia.

+ *Đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội*: Tính liên tục trong cấp nước

được các quốc gia được đặc biệt coi trọng, đây là một trong những yếu tố cơ bản để đánh giá việc chất lượng nước có bảo đảm an toàn cho người sử dụng, ví dụ như tại Phần Lan, việc ngừng cung cấp nước không được báo trước sẽ được tính như sự cố, tổng thời gian ngừng cấp nước trong năm là cơ sở để người sử dụng có yêu cầu giảm giá nước.

+ Bảo vệ môi trường: Luật thoát nước các quốc gia quy định chặt chẽ trong việc quản lý, thu gom, xử lý toàn bộ nước thải kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường.

c) Về quan điểm xây dựng Luật:

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc xây dựng Luật sẽ dựa trên nền tảng các quy định, định hướng đã có về lĩnh vực chuyên ngành, nghiên cứu tác động của các chính sách và đặc biệt phải dung hòa được mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và hài hòa lợi ích của doanh nghiệp tư nhân đảm bảo an sinh xã hội và phát triển cấp nước bền vững. Việc quản lý phát triển hạ tầng cấp nước phải dựa trên quy hoạch, kế hoạch tổng thể có tầm nhìn dài hạn (từ 10-20 năm) được xây dựng bởi cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền và sự tham gia của các đơn vị vận hành công trình cấp nước. Nhìn chung, các bộ Luật được ban hành trong những bối cảnh khác nhau về điều kiện về địa lý, chính trị, nền kinh tế xã hội nhưng tựu chung mục đích là bảo đảm cho việc được tiếp cận với nước sạch của người dân quốc gia đó một cách bền vững, và đây cũng là một quyền cơ bản của con người như đã nêu trên.

3.3.2. Đối với cấp nước:

a) Về quản lý cấp nước:

Trên cơ sở các nghiên cứu có thể thấy rằng có nhiều mô hình quản lý cấp nước tại các quốc gia trên thế giới, song tập trung chủ yếu có các hình thức chủ yếu như sau:

- Mô hình sở hữu công: việc cấp nước thuộc trách nhiệm hoàn toàn của chính quyền (xây dựng thể chế, xây dựng hệ thống, mạng lưới, cung cấp nước sạch,..)

- Mô hình sở hữu tư nhân: Năm 1989, Anh và xứ Wale khởi xướng một trong những mô hình tư nhân hóa hiện đại đầu tiên trong ngành nước. Chính phủ bán lại mười công ty nước thuộc sở hữu công – bao gồm các tài sản công trình cấp thoát nước và giấy phép hoạt động – đồng thời thiết lập một đơn vị quản lý độc lập mới. Những cải tổ này đã tạo ra một số lượng lớn các hạng mục đầu tư mới, hoàn toàn phù hợp với các tiêu chuẩn nước uống khát khe hiện nay của thế giới, chất lượng nước tốt hơn và hệ thống định giá nước sạch minh bạch hơn. Tuy nhiên, kinh nghiệm trong giai đoạn quản lý đầu tiên này cũng cho thấy một số bài học về các yêu cầu thông tin liên quan đến việc quản lý hiệu quả và các rủi ro đối với sự độc lập về chính trị của đơn vị quản lý.

- Mô hình kết hợp giữa sở hữu công và sự tham gia của khối tư nhân: chính quyền địa phương là chủ sở hữu các công trình hạ tầng và cho tư nhân thuê quản lý vận hành hoặc khu vực tư nhân cũng có thể đầu tư vào các công trình hạ tầng sau đó cho chính quyền địa phương thuê lại, song không sở hữu toàn bộ tài sản hay được phép độc quyền quyết định việc cung cấp nước.

b) Quy định về quản lý rủi ro bảo đảm cấp nước an toàn:

Quản lý rủi ro cấp nước hiện đã và đang được quan tâm tại các quốc gia phát triển, tuy nhiên, việc quản lý rủi ro đã được các nước tiên tiến đi đầu trong lĩnh vực cấp nước như bang Victoria của Úc đã phát triển thành Luật từ năm 2003 với tên gọi đạo Luật về nước uống an toàn (Safe Drinking Water act 2003), đến năm 2005, để nâng cao chất lượng về nước uống nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và an sinh xã hội, Quy định về nước uống an toàn được ban hành (Safe Drinking Water regulations 2005) và Quy định này được sửa đổi năm 2015 và giữ nguyên tên gọi. Trong đó, quy định cụ thể các yêu cầu bắt buộc về việc lập kế hoạch quản lý rủi ro đối với mỗi công ty cấp nước và kế hoạch này sẽ được cấp chứng nhận bởi kiểm toán viên của Bộ Y tế.

c) Quy định về giá nước sạch:

Nguyên tắc bảo đảm tính đủ chi phí cần thiết đối với các dịch vụ cấp nước được áp dụng ở nhiều quốc gia. Nhà nước sẽ có vai trò xây dựng khung các chi phí cấu thành giá nước, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của từng khu vực, từng địa phương sẽ xây dựng các phương án giá riêng trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ và phải đảm bảo trong khả năng chi trả của người dân. Mặt khác, lợi nhuận của các công ty cấp nước cũng sẽ được bảo đảm ở một định mức vừa phải do nhà nước quy định để đầu tư phát triển cấp nước và bảo đảm cấp nước bền vững, an toàn. Các khoản chi phí này được các công ty công khai, minh bạch.

d) Quy định về cấp phép hoạt động của công ty cấp nước

Tại nhiều quốc gia như Estonia, Malaysia, Hàn Quốc..., cấp phép hoặc quyết định ủy quyền đối với dịch vụ cấp nước là cơ sở để ràng buộc về điều kiện được phép kinh doanh nước sạch của chính quyền đối với đơn vị tư nhân. Các hình thức cấp phép có thể thể hiện bằng việc ủy quyền hoặc giấy phép hoạt động (Estonia: hợp đồng, Malaysia: giấy phép, Hàn Quốc: Ủy quyền). Nội dung của việc cấp phép cơ bản bao gồm quyền quản lý công trình cấp nước, quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước, khu vực cung cấp dịch vụ cấp nước, các điều khoản về chuyển nhượng, gia hạn, thu hồi, cấp lại... Trong bối cảnh xã hội hóa ngành cấp nước, việc cấp phép cho hoạt động kinh doanh nước sạch là cần thiết đối với quản lý nhà nước trong việc ràng buộc trách nhiệm của khối tư nhân khi tham gia vào lĩnh vực cấp nước vốn được coi là lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến đời sống, an sinh xã hội.

e) Về xã hội hóa, cải cách ngành nước

Việc thu hút doanh nghiệp tư nhân tham gia sẽ làm tăng hiệu quả cung cấp các dịch vụ cấp nước. Tuy nhiên, do tính chất quan trọng về mặt an sinh, xã hội của ngành nước, Nhà nước cần có chế tài quản lý các thành phần kinh tế tham gia phù hợp. Công cụ quản lý của Nhà nước có thể bao gồm: Quy định về tỷ lệ tham gia của các thành phần kinh tế trong doanh nghiệp cấp thoát nước cổ phần hoá; Áp dụng quản lý theo hợp đồng để đảm bảo tính ổn định, chất lượng và giá thành dịch vụ và thu hút được các nhà đầu tư tham gia hiệu quả và mang lại lợi nhuận; Đưa ra các điều kiện tham gia đối với các Nhà đầu tư, đơn vị quản lý vận hành để đảm bảo được việc lựa chọn các đơn vị có năng lực tốt; Đưa ra điều kiện đối với cổ đông chiến lược của các doanh nghiệp cổ phần hóa...

3.3.2. Về thoát nước và xử lý nước thải:

a) Công tác quản lý và phát triển hệ thống thoát nước hiệu quả

Nguyên tắc “quy hoạch đi trước xây dựng” và quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn, quy hoạch tổng thể sử dụng đất, quy hoạch phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm nước, quy hoạch chống ngập lụt và phải gắn với với các quy hoạch chuyên ngành xây dựng và phát triển đô thị, đường giao thông, không gian xanh và hệ thống sông ngòi. Về cơ bản cũng phù hợp với định hướng lập và thực hiện quy hoạch của Việt Nam.

Chính phủ có thẩm quyền hành pháp đối với tất cả các vấn đề liên quan đến hệ thống và dịch vụ thoát nước và chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên phạm vi cả nước. Cơ quan có thẩm quyền về thoát nước đô thị chịu trách nhiệm giám sát, quản lý việc thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn hành chính của mình.

b) Về chất lượng dịch vụ thoát nước

Việc xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải sẽ được ưu tiên trong các dân cư mới trên cơ sở quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị và các công trình đã xây dựng hoặc sắp xây dựng không đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia liên quan sẽ được xây dựng lại dựa trên kế hoạch xây dựng lại hàng năm để tăng cường khả năng thoát nước và xử lý nước thải đô thị. Chỉ những đơn vị thiết kế đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu mới được thiết kế, giám sát và quản lý công trình thoát nước.

Đơn vị quản lý hệ thống thoát nước phải có những nhân lực đủ năng lực theo quy định để duy trì hệ thống thoát nước. Sau khi công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị được nghiệm thu, cơ quan có thẩm quyền về thoát nước đô thị xác định đơn vị vận hành, bảo trì công trình đủ năng lực để chủ trì quản lý theo hình thức đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ. Trường hợp hợp đồng nhượng quyền, ủy thác vận hành có phát sinh phí dịch vụ giảm thiểu ô nhiễm và xử lý nước thải, cơ quan quản lý thoát nước đô thị có thẩm quyền lấy ý kiến cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường và cơ quan định giá.

Hệ thoát nước trong phạm vi bao phủ của công trình thoát nước đô thị có trách nhiệm xả nước thải vào công trình thoát nước đô thị theo quy định của nhà nước có liên quan. Không xả nước thải vào mạng lưới đường ống nước mưa tại khu vực có hệ thống nước mưa và nước thải riêng biệt.

c. Vấn đề tài chính trong hoạt động thoát nước

Nhà nước có thể trợ cấp cho chính quyền địa phương lắp đặt hoặc xây dựng lại hệ thống thoát nước công cộng/khu vực hoặc hệ thống thoát nước mưa đô thị đối với một phần chi phí cần thiết cho việc lắp đặt hoặc xây dựng lại. Nhà nước khuyến khích thu hút các quỹ xã hội hóa để xây dựng và vận hành các công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị dưới nhiều hình thức như nhượng quyền thương mại, mua dịch vụ của Chính phủ.

Từ yêu cầu thực tế về quản lý phát triển cấp, thoát nước Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế, việc ban hành Luật mới điều chỉnh về cấp, thoát nước là hết sức cần thiết, nhằm kịp thời thể chế hóa định hướng lãnh đạo của Đảng về bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định, kiểm soát ô nhiễm từ nước thải và chống ngập lụt; làm công cụ pháp lý, quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả cao, đồng bộ, thống nhất, nhằm điều chỉnh toàn diện các hoạt động cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải. Luật Cấp, Thoát nước sẽ là công cụ quan trọng nhằm tăng cường nguồn lực ngân sách và xã hội giúp chính quyền các địa phương quản lý, xây dựng, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước hiệu quả, bền vững phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, bảo vệ sức khỏe người dân, góp phần phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG

1. Mục tiêu

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ làm công cụ quản lý, phát triển Cấp, Thoát nước từ định hướng, quy hoạch, đầu tư xây dựng đến khai thác vận hành nhằm cung cấp nước sạch ổn định, bền vững, bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ sức khỏe con người, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Tăng cường quản lý, đáp ứng khả năng tiếp cận hiệu quả quản lý nhà nước về Cấp, Thoát nước và bảo đảm quyền được tiếp cận nguồn nước sạch của người dân, quyền xả thải có kiểm soát. Nhà nước có cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đầu tư và vận hành công trình Cấp, Thoát nước; hỗ trợ đầu tư công trình Cấp, Thoát nước nông thôn, các khu vực khó khăn về nguồn nước, dân cư phân tán.

2. Quan điểm xây dựng luật

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, kiểm soát quá trình đầu tư phát triển Cấp, Thoát nước theo quy hoạch, chiến lược, định hướng phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

- Các quy định của luật phải bảo đảm đồng bộ với các pháp luật liên quan, thúc đẩy đầu tư, phát triển, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước; kiểm soát hoạt động cấp nước, thoát nước theo hướng sản xuất kinh doanh có điều kiện và chịu sự kiểm soát của Nhà nước.

- Đảm bảo quyền tiếp cận nước, người sử dụng dịch vụ cấp nước, thoát nước phải trả tiền theo quy định.

- Giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tế, khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; thu gom, xử lý nước thải theo lưu vực thoát nước, lưu vực sông, bảo vệ môi trường nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo đảm an sinh xã hội.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và đầu tư phát triển công trình Cấp, Thoát nước theo hướng thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng các xu thế phát triển trong cuộc cách mạng 4.0, chuyển đổi số, quản lý nước thông minh, kinh tế tuần hoàn (thúc đẩy tái sử dụng, thu hồi tái sử dụng nước mưa..), giảm phát thải nâng cao hiệu quả, thu hồi, tận dụng tài nguyên từ hệ thống cấp thoát nước.

3. Yêu cầu xây dựng luật

a) Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan và hệ thống các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường;

b) Kế thừa, phát triển những quy định từ Nghị định số 117 và Nghị định số 80 (luật hóa); quy định các nội dung về Cấp, Thoát nước còn thiếu, khoảng trống trong các luật hiện hành; bổ sung các quy định có tính chuyên ngành bảo đảm tính đồng bộ với các luật khác; đáp ứng yêu cầu, nội dung quản lý Cấp, Thoát nước bằng Luật;

c) Giải quyết được các tồn tại, bất cập trong công tác quản lý Cấp, Thoát nước trên thực tế; xử lý được khó khăn, vướng mắc của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân kiến nghị trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật Cấp, Thoát nước trong thời gian qua;

d) Nội dung các quy định của Luật phải rõ ràng và có tính khả thi, dài hạn và phù hợp với thời kỳ phát triển công nghệ số;

đ) Phù hợp với các Điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tham gia, ký kết.

III. ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG CHÍNH SÁCH CƠ BẢN TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CẤP, THOÁT NƯỚC

1. Tên dự án Luật:

- Căn cứ các Văn bản chỉ đạo của các Nghị quyết, Kế hoạch chỉ đạo về xây dựng luật liên quan đến lĩnh vực cấp thoát nước

- Đề xuất tên:

+ Phương án 1: Luật Cấp, Thoát nước

+ Phương án 2: Luật Cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải

Đề xuất chọn: Luật Cấp, thoát nước là tên gọi của Luật, sẽ quy định đối tượng, phạm vi trong nội hàm Luật bao gồm đầy đủ cả nội dung thu gom và xử lý nước thải.

2. Hình thức văn bản:

Xây dựng Luật mới, lý do 2 lĩnh vực Cấp, Thoát nước chưa có Luật chuyên ngành, hiện nay các quy định giữa các Văn bản Nghị định hướng dẫn cho lĩnh vực cấp thoát nước còn chông chéo, mâu thuẫn, bất cập khó khả thi thực hiện nên cần có Luật quy định hướng dẫn rõ trong Luật, có tính pháp lý cao hơn mang tính đặc thù của ngành nước đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay.

3. Phạm vi đối tượng áp dụng:

- *Phạm vi điều chỉnh* : Luật quy định về điều tra cơ bản, định hướng, quy hoạch, đầu tư phát triển dịch vụ cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải khu đô thị, nông thôn và khu chức năng; quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.

- *Đối tượng áp dụng*: Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

4. Định hướng Chính sách

Đề xuất gồm 4 nhóm chính sách dưới đây :

4.1. Chính sách 01: Phát triển hệ thống Cấp, Thoát nước đồng bộ, thống nhất và hiệu quả theo quy hoạch, định hướng, chiến lược, chương trình.

a) Mục tiêu của chính sách

- Điều tra cơ bản về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải để thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển Cấp, Thoát nước hoặc yêu cầu thông tin, số liệu nhu cầu sử dụng nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải phục vụ công tác quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

- Bảo đảm xây dựng hệ thống Cấp, Thoát nước đồng bộ, thống nhất theo quy hoạch chuyên ngành, các đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng.

- Kế hoạch phát triển các công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải phù hợp với quy hoạch cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải chuyên ngành hoặc nội dung quy hoạch cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng.

- Đầu tư phát triển Cấp, Thoát nước phù hợp quy hoạch, kế hoạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch và yêu cầu bảo vệ sức khỏe, môi trường sống của người dân.

b) Nội dung của chính sách

** Thực hiện hoạt động điều tra cơ bản về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải phục vụ công tác quản lý nhà nước, đầu tư phát triển và quản lý, vận hành công trình*

Quy định về thông tin điều tra; tổ chức thực hiện điều tra cơ bản; quản lý, chia sẻ thông tin điều tra và chế độ báo cáo.

** Bảo đảm quy hoạch hệ thống Cấp, Thoát nước đồng bộ, thống nhất trong các đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng*

Phương án 1: Quy hoạch Cấp, Thoát nước là một nội dung trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; Bổ sung các quy định cụ thể về nội dung quy hoạch Cấp, Thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; bổ sung tính pháp lý cho kế hoạch Cấp, Thoát nước hướng dẫn thực hiện quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Phương án 2: Quy hoạch cấp nước chuyên ngành được lập riêng cho tỉnh nhằm cụ thể hóa nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; quy hoạch thoát nước chuyên ngành được lập riêng cho đô thị từ loại III trở lên.

- Quy định phân vùng cấp nước trong đồ án quy hoạch cấp nước chuyên ngành tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, hướng tới phát triển hệ thống

cấp nước tập trung quy mô lớn, phạm vi cấp nước rộng, hỗ trợ phát triển cấp nước nông thôn (khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, nhỏ lẻ kém hiệu quả); xác định vùng phục vụ cấp nước cho đơn vị cấp nước trên cơ sở phân vùng cấp nước.

- Quy định phân vùng thoát nước theo điều kiện địa hình đô thị, khu dân cư, điều kiện kinh tế, kỹ thuật, tiêu thoát nước thủy lợi và lưu vực sông.

** Bảo đảm nguồn nước phục vụ cho cấp nước sinh hoạt*

Bổ sung quy định về nguồn nước ưu tiên phục vụ cho cấp nước sinh hoạt liên quan đến hành lang bảo vệ, kiểm soát ô nhiễm, điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm an ninh cấp nước chưa được quy định trong Luật Tài nguyên nước.

** Đầu tư công trình Cấp, Thoát nước phù hợp quy hoạch, kế hoạch; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch và yêu cầu bảo vệ môi trường*

- Quy định lập, thực hiện Kế hoạch phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động, dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

- Quy định về đầu tư công trình xử lý bùn thải từ hệ thống Cấp, Thoát nước.

- Quy định về đầu tư công trình cấp nước nông thôn phân tán.

- Quy định về đầu tư công trình xử lý nước thải phân tán, cục bộ, tiền xử lý.

c) Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

** Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành*

Bảo đảm tính đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước, quy hoạch, xây dựng; không quy định các nội dung mà các luật hiện hành đã quy định.

** Nghiên cứu, bổ sung các quy định còn thiếu, khoảng trống pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành*

Kế thừa một số nội dung đã quy định tại Nghị định số 117, Nghị định số 80 và bổ sung một số quy định có tính chuyên ngành, đáp ứng điều kiện thực tiễn đặt ra. Giải pháp thực hiện chính sách bao gồm nội dung đáp ứng yêu cầu chuyên ngành về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; cụ thể như điều tra cơ bản; đầu tư công trình cấp nước phân tán khu vực nông thôn với hiệu quả đầu tư thấp, cần hỗ trợ của nhà nước; đầu tư công trình xử lý nước thải phân tán, cục bộ có tính đặc thù riêng; yêu cầu xử lý bùn thải từ hệ thống Cấp, Thoát nước.

** Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong*

quy định pháp luật hiện hành

Sửa đổi, bổ sung quy định trong Luật Quy hoạch năm 2017; trong đó quy định quy hoạch cấp nước chuyên ngành được lập riêng cho tỉnh nhằm cụ thể hóa nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Bổ sung trong dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn quy định về quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải chuyên ngành được riêng cho đô thị từ loại III trở lên.

** Đề xuất quy định trong dự thảo đề cương Luật*

- Quy định chương 01 về quy định chung, từ Điều 1 đến Điều 15, bao gồm các nội dung liên quan đến cấp thoát nước như giải thích từ ngữ, sử dụng tài nguyên đất, nước, các hành vi bị cấm...

- Quy định Chương 02 về điều tra cơ bản, định hướng, quy hoạch, từ Điều 16 đến Điều 21, bao gồm các nội dung liên quan đến điều tra cơ bản, cơ sở dữ liệu, định hướng phát triển, nội dung quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp thoát nước.

- Quy định Chương 03 về đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, từ Điều 22 đến Điều 25, bao gồm các nội dung liên quan đến đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước có tính chuyên ngành.

- Đối với những nội dung cụ thể, kiến nghị giao Chính phủ, Bộ Xây dựng quy định chi tiết.

4.2. Chính sách 02: Nâng cao hiệu quả quản lý vận hành và chất lượng dịch vụ Cấp, Thoát nước

a) Mục tiêu của chính sách

- Lựa chọn chủ đầu tư, đơn vị Cấp, Thoát nước đáp ứng năng lực tài chính, kỹ thuật trong đầu tư, vận hành công trình.

- Quản lý vận hành công trình Cấp, Thoát nước đáp ứng yêu cầu bền vững và hiệu quả kinh tế.

- Quản lý dịch vụ Cấp, Thoát nước, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của đơn vị Cấp, Thoát nước và khách hàng sử dụng dịch vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của đơn vị Cấp, Thoát nước và vai trò quản lý của chính quyền địa phương trong quản lý dịch vụ Cấp, Thoát nước.

- Quản lý dịch vụ Cấp, Thoát nước, bảo đảm hài hòa lợi ích của đơn vị cấp nước với khách hàng sử dụng nước sạch; người xả nước thải có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom và xử lý nước thải.

- Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước sạch và quản lý thoát nước bền vững và an toàn.

b) Nội dung của chính sách

** Lựa chọn chủ đầu tư, đơn vị Cấp, Thoát nước, chủ đầu tư các dự án Cấp, Thoát nước đáp ứng năng lực tài chính, kỹ thuật trong đầu tư, vận hành công trình*

Quy định nguyên tắc lựa chọn chủ đầu tư, đơn vị cấp nước, thoát nước tham gia đầu tư, vận hành công trình.

Quy định về vùng phục vụ cấp nước, các yêu cầu đối với vùng phục vụ cấp nước; điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước khi không đáp ứng chất lượng dịch vụ và bảo đảm cấp nước an toàn. Quy định lưu vực thoát nước mưa, lưu vực thu gom, xử lý nước thải; trách nhiệm quản lý lưu vực thoát nước.

** Quản lý vận hành công trình Cấp, Thoát nước đáp ứng yêu cầu bền vững và hiệu quả kinh tế*

Quy định về mô hình tổ chức đơn vị cấp nước, đơn vị thoát nước; các yêu cầu về quản lý, vận hành công trình.

Quy định quản lý vận hành hồ điều hòa, thoát nước mưa và chống ngập; Quy định tái sử dụng nước mưa, nước thải sau xử lý.

Quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng, đầu tư cải tạo, duy trì tài sản công trình Cấp, Thoát nước.

** Nâng cao trách nhiệm của đơn vị Cấp, Thoát nước và vai trò quản lý của chính quyền địa phương trong quản lý dịch vụ Cấp, Thoát nước*

Quy định về Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước (giữa UBND cấp tỉnh với đơn vị cấp nước); Hợp đồng thuê, giao quản lý vận hành công trình thoát nước, xử lý nước thải; Hợp đồng thuê quản lý vận hành công trình cấp nước.

** Quản lý dịch vụ Cấp, Thoát nước, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của đơn vị Cấp, Thoát nước và khách hàng sử dụng dịch vụ*

Quy định chất lượng dịch vụ Cấp, Thoát nước; Quy định quyền lợi, nghĩa vụ của đơn vị Cấp, Thoát nước; Quy định quyền lợi, trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước và xả nước thải.

Hợp đồng dịch cấp nước (giữa doanh nghiệp cấp nước với khách hàng sử dụng nước); Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ; Hợp đồng dịch vụ thoát nước (giữa chính quyền địa phương hoặc cơ quan được ủy quyền với khách hàng xả nước thải).

Quy định về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ cho đơn vị thoát nước thực hiện.

Quy định quản lý đấu nối cấp nước; quản lý đấu nối thoát nước mưa và xả nước thải.

** Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước sạch, quản lý thoát nước bền vững và an toàn*

Quy định bảo đảm cấp nước an toàn, bảo vệ công trình cấp nước; quản lý thoát nước bền vững và an toàn; vai trò của quản lý nhà nước, trách nhiệm của doanh nghiệp; quy định điều kiện kinh doanh nước sạch

Quy định thủ tục hành chính về Cấp giấy phép kinh doanh nước sạch cho đơn vị cấp nước nhằm kiểm soát tính độc quyền về cấp nước theo vùng phục vụ khi thực hiện xã hội hóa cấp nước; Cấp giấy phép “thực hiện dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải” cho đơn vị thoát nước để tham gia quản lý vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước.

c) Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

**** Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành***

Bảo đảm tính đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, doanh nghiệp liên quan đến lựa chọn chủ đầu tư dự án, vận hành công trình xây dựng, tổ chức quản lý của doanh nghiệp.

** Nghiên cứu, bổ sung các quy định còn thiếu, khoảng trống pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành*

Kế thừa một số nội dung đã quy định tại Nghị định số 117, Nghị định số 80 quy định về vùng phục vụ cấp nước, điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước; quản lý lưu vực thoát nước mưa và thoát nước thải; quản lý của chính quyền địa phương thông qua các hợp đồng kinh tế và kiểm soát chất lượng dịch vụ thông qua các hợp đồng dịch vụ giữa doanh nghiệp và người sử dụng nước, xả thải; việc thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn. Bổ sung quy định quản lý thoát nước an toàn và bền vững nhằm kiểm soát rủi ro đối với quá trình thu gom, xử lý nước thải. Bổ sung quy định kinh doanh có điều kiện đối với nước sinh hoạt theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020; quy định cấp giấy phép “thực hiện dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải”.

**** Đề xuất quy định trong dự thảo đề cương Luật***

- Quy định Chương 4 về vận hành công trình Cấp, Thoát nước, từ Điều 30 đến Điều 42, bao gồm các nội dung liên quan đến vận hành công trình, lựa chọn đơn vị Cấp, Thoát nước, vùng phục vụ cấp nước, lưu vực thoát nước phù hợp với thực tiễn quản lý Cấp, Thoát nước.

- Quy định Chương 5 về quản lý dịch vụ Cấp, Thoát nước, từ Điều 43 đến Điều 52, bao gồm các nội dung liên quan đến chất lượng dịch vụ; quản lý dịch vụ; trách nhiệm của đơn vị Cấp, Thoát nước, chính quyền địa phương và người sử dụng dụng nước, xả thải liên quan đến dịch vụ Cấp, Thoát nước; quy định bảo đảm cấp nước an toàn và quản lý nước thải an toàn; kinh doanh có điều kiện về nước sinh hoạt.

4.3. Chính sách 03: Bảo đảm nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển cấp, thoát nước.

a) Mục tiêu của chính sách

Huy động, tập trung các nguồn lực nhà nước và các nguồn lực khác cho đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

Quản lý giá dịch vụ cấp, thoát nước bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững.

Quản lý hiệu quả các nguồn lực và nguồn thu từ hoạt động, dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

b) Nội dung của chính sách

** Huy động, tập trung các nguồn lực nhà nước và các nguồn lực khác cho đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*

Quy định nhà nước có trách nhiệm huy động nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, quỹ bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác nước, từ các khoản thu khác, ... cho công trình thoát nước chống ngập, thu gom, xử lý nước thải.

Quy định nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ giá dịch vụ cấp, thoát nước cho khu vực dân cư nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo; hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước phân tán vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng khó khăn nguồn nước, vùng chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu.

Quy định về xã hội hóa cấp, thoát nước, huy động các nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư, vận hành công trình cấp, thoát nước. Quy định đầu tư theo hình thức PPP.

Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp, thoát nước về miễn tiền sử dụng đất, miễn giảm thuế doanh nghiệp, miễn giảm lãi suất vay ngân hàng...

** Quản lý giá dịch vụ cấp, thoát nước bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững*

Quy định nguyên tắc thu hồi chi phí đầu tư, vận hành công trình cấp nước; đối tượng được hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ giá nước sạch. Quy định về giá dịch vụ cấp nước.

Quy định nguyên tắc thu hồi chi phí đầu tư, vận hành công trình thoát nước, xử lý nước thải; đối tượng được miễn giảm giá dịch vụ. Quy định về giá, lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải.

** Quản lý hiệu quả các nguồn lực và nguồn thu từ hoạt động, dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*

Quy định quản lý các nguồn thu từ dịch vụ cấp, thoát nước; quản lý nguồn vốn đầu tư của nhà nước trong các doanh nghiệp cấp nước; quản lý, sử dụng và duy trì tài sản công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

c) Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

** Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành*

Bảo đảm tính đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, đầu tư công, giá. Doanh nghiệp liên quan đến đầu tư nhà nước trong lĩnh vực cấp, thoát nước và thu hồi chi phí đầu tư.

** Nghiên cứu, bổ sung các quy định còn thiếu, khoảng trống pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành*

Bổ sung các quy định về nguồn lực nhà nước đầu tư cho công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải bảo đảm công tác hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước nông thôn khu vực dân cư nghèo, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo; đầu tư công trình thoát nước và xử lý nước thải bao gồm cả khu vực đô thị và nông thôn. Nhà nước hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước quy mô từ 02 tỉnh trở lên chịu tác động của biến đổi khí hậu. Bổ sung quy định quản lý các nguồn thu từ dịch vụ cấp, thoát nước.

Kế thừa một số nội dung đã quy định tại Nghị định số 117, Nghị định số 80 quy định về giá dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải tuân theo quy định Luật Giá. Bảo đảm nguyên tắc hoạt động sản xuất kinh doanh theo vùng cấp nước, hỗ trợ đầu tư cấp nước thôn; lộ trình giá dịch vụ thoát nước phù hợp với yêu cầu người xả thải có trách nhiệm chi trả chi phí xử lý nước thải.

** Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quy định pháp luật hiện hành*

Bổ sung quy định nhà nước bố trí vốn đầu tư cho lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch do nước sạch liên quan đến an sinh xã hội; đặc biệt trong điều kiện tác động biến đổi khí hậu, nhiều khu vực khó khăn về nguồn nước do khô hạn hoặc xâm nhập mặn cần thiết phải có hỗ trợ đầu tư của nhà nước (Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực “*khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch...*” không thuộc ngành, lĩnh vực được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước).

** Đề xuất quy định trong dự thảo đề cương Luật*

Quy định Chương 6 về quản lý tài chính về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, từ Điều 55 đến Điều 60, bao gồm các nội dung liên quan nguồn lực đầu tư, hỗ trợ của nhà nước đầu tư công trình cấp, thoát nước; quản lý giá dịch vụ và các nguồn thu dịch vụ cấp, thoát nước.

4.4. Chính sách 04: Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về Cấp, Thoát nước

a) Mục tiêu của chính sách

- Bảo đảm vai trò quản lý nhà nước thống nhất và hiệu quả về hoạt động cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải từ trung ương đến địa phương. Phân công trách nhiệm cho Bộ ngành; trách nhiệm của UBND tỉnh về tổ chức quản lý, đầu tư phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đáp ứng nhu cầu

trên địa bàn.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, kiểm soát và quản lý rủi ro về hoạt động cấp nước sạch, xử lý nước thải khi huy động tư nhân tham gia đầu tư vận hành công trình Cấp, Thoát nước.

b) Nội dung của chính sách

** Quản lý nhà nước thống nhất và hiệu quả*

- Quy định thống nhất quản lý cấp nước, phân công trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ ngành về quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

- Tăng cường phân cấp, tạo sự chủ động cho các địa phương; quy định UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển Cấp, Thoát nước trên địa bàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân, các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ sức khỏe, môi trường sống của người dân.

- Quy định việc thành lập cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý tài sản công trình Cấp, Thoát nước.

- Quy định việc ban hành cơ chế chính sách về hỗ trợ, kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, vận hành công trình Cấp, Thoát nước.

** Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, kiểm soát và quản lý rủi ro về hoạt động cấp nước sạch, xử lý nước thải*

- Quy định các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn cấp nước, xả nước thải; trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể của các Bộ ngành, địa phương khi xảy ra rủi ro, sự cố liên quan đến chất lượng dịch vụ cấp nước sạch và ô nhiễm môi trường do nước thải.

- Quy định về kiểm soát doanh nghiệp Cấp, Thoát nước sau cổ phần hóa, xã hội hóa bảo đảm an ninh cấp nước sinh hoạt và xả nước thải.

- Quy định trách nhiệm quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động Cấp, Thoát nước.

c) Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

** Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành*

Bảo đảm tính đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật về Luật tổ chức chính phủ số năm 2015, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật xử lý vi phạm hành chính; đảm bảo sự phân công trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương.

** Nghiên cứu, bổ sung các quy định còn thiếu, khoảng trống pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành*

Bổ sung trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện cho các Bộ, ngành, địa

phương theo chức năng, nhiệm vụ lĩnh vực được Chính phủ giao; quy định việc thành lập các cơ quan, tổ chức liên quan đến hỗ trợ ban hành cơ chế chính sách, quản lý tài sản và kiểm soát hoạt động Cấp, Thoát nước.

** Đề xuất quy định trong dự thảo đề cương Luật*

Quy định Chương 7 quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, từ Điều 59 đến Điều 65, bao gồm các nội dung liên quan phân công trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương; phân cấp quản lý Cấp, Thoát nước; thành lập các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý tài sản, kiểm soát hoạt động Cấp, Thoát nước.

IV. KIẾN NGHỊ

Các Nghị định chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực Cấp, Thoát nước được ban hành đã qua nhiều năm (NĐ 117 đã ban hành được 16 năm, NĐ 80 đã ban hành gần 10). Hiện nay, các quy định trong Nghị định này chưa đáp ứng và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội; tốc độ đô thị hóa ngày một gia tăng kéo theo nhu cầu nước sạch, dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường phải được nâng cao trong khi biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, thời tiết cực đoạn thường xuyên diễn ra trong những năm gần đây, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống cấp thoát nước. Các quy định hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, còn tồn tại, bất cập và hạn chế gây khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện cũng như chồng chéo với các quy định pháp luật liên quan khác mà chưa bao trùm phù hợp với đặc thù của hoạt động dịch vụ cấp nước và thoát nước hiện nay.

Do vậy, việc nghiên cứu xây dựng luật chuyên ngành về lĩnh vực Cấp, Thoát nước là hết sức cần thiết đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi luật./.

BỘ XÂY DỰNG

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 – VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC Ở VIỆT NAM
(LUẬT, NGHỊ ĐỊNH, THÔNG TƯ, CÁC VĂN BẢN KHÁC)

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
I	Luật		
1	Hiến Pháp năm 2013	Hiến pháp 2013 quy định: “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên khác và các tài sản do nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công, thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”; “Nhà nước có chính sách quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên’ chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu”; “Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại”	
2	Luật quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quy hoạch đô thị quy định về hoạt động quy hoạch đô thị gồm lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị; tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt. - Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (Giao thông đô thị; Cao độ nền và thoát nước mặt đô thị; Cấp nước đô thị; Thoát nước thải đô thị; Cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị; Thông tin liên lạc; Nghĩa trang và xử lý chất thải rắn) là một nội dung trong đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; đối với thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật được lập riêng thành đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật. - Quy hoạch cấp nước đô thị bao gồm việc xác định nhu cầu và lựa chọn nguồn nước; xác định vị trí, quy mô công trình cấp nước gồm mạng lưới tuyến truyền tải và phân phối, nhà máy, trạm làm sạch, phạm vi bảo vệ nguồn nước và hành lang bảo vệ công trình cấp nước. - Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị bao gồm việc xác định khu vực thuận lợi cho việc xây dựng trong từng khu vực và đô thị; xác định lưu vực thoát nước chính, khu vực cấm và hạn chế xây dựng, cốt xây dựng, mạng lưới thoát nước mặt và công trình đầu mối; giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai. - Quy hoạch thoát nước thải đô thị bao gồm việc xác định tổng lượng nước thải, vị trí và quy mô công trình thoát nước gồm mạng lưới tuyến ống thoát, nhà máy, trạm xử lý nước thải, khoảng cách ly vệ sinh và hành lang bảo vệ công trình thoát nước thải đô thị. 	Điều có liên quan (18, 38)

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
		<p>- Ngoài ra, đồ án quy hoạch cấp nước, thoát nước đô thị là một trong những đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật và được lập tập trung cho thành phố trực thuộc trung ương; đối với các đô thị khác quy hoạch cấp nước, thoát nước được nằm trong quy hoạch xây dựng.</p>	
3	<p>Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020</p>	<p>- Luật Xây dựng quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng. Phạm vi của Luật Xây dựng điều chỉnh toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng từ khâu quy hoạch xây dựng, lập báo cáo tiền khả thi, báo cáo khả thi, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cho đến khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng, áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc mọi nguồn vốn.</p> <p>- Việc quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (quy hoạch cấp nước, quy hoạch thoát nước) được quy định nằm trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; quy định xác định chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước) thuộc quy hoạch khu chức năng; định hướng phát triển cấp nước, thoát nước tại đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn. Ngoài ra, Luật Xây dựng cũng quy định những vấn đề liên quan đến lập, thẩm định, quản lý, quyết định đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, thi công</p>	<p>Điều có liên quan (22, 26, 27, 28)</p>
4	<p>Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước quy định việc quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả do nước gây ra; ưu tiên khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt.</p> <p>- Luật Tài nguyên nước hiện hành đã bổ sung nhiều hành vi như: đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn; xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước; xả khí thải độc hại trực tiếp vào nguồn nước; xả nước thải vào lòng đất thông qua các giếng khoan, giếng đào; khai thác trái phép cát, sỏi trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; khai thác khoáng sản, khoan, đào, xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, công trình trong hành lang bảo vệ nguồn nước gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa...</p> <p>- Một trong những quy định mới đáng chú ý khác của Luật Tài nguyên nước hiện hành là các dự án có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải lấy ý kiến của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng và tổ chức, cá nhân liên quan nhằm đề cao trách nhiệm, minh bạch thông tin về những tác động tiêu cực có thể gây ra ngay từ khi chuẩn bị thực hiện dự án.</p> <p>- Liên quan đến lĩnh vực cấp nước, Luật quy định hành lang bảo vệ nguồn nước; bảo vệ chất</p>	<p>Điều có liên quan (2, 4, 6, 15, 31, 32, 37 đến 42, 45)</p>

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
		<p>lượng nguồn nước sinh hoạt; quy định các biện pháp, ưu đãi và phát triển khoa học, công nghệ cho việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt; hạn chế thất thoát nước trong các hệ thống cấp nước.</p> <p>- Với nước thải cũng nêu yêu cầu về phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước: Việc xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu du lịch, vui chơi, giải trí tập trung, tuyến giao thông đường thủy, đường bộ, công trình ngầm, công trình Cấp, Thoát nước, công trình khai thác khoáng sản, nhà máy điện, khu chứa nước thải và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các công trình khác có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước phải có phương án phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.</p> <p>- Quy định xả nước thải vào nguồn nước, trong đó quy định về quy hoạch thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải phải phù hợp với quy mô xả nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận trước khi trình phê duyệt.</p>	
5	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020	<p>- Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường.</p> <p>- Đối với lĩnh vực cấp nước, Luật đã quy định các vấn đề về quy hoạch bảo vệ môi trường với các quy hoạch trong đó có quy hoạch cấp nước; đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường với các dự án đầu tư xây dựng trong đó có đầu tư xây dựng cấp nước. Đặc biệt, trong đó xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước mặt.</p> <p>- Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, Luật quy định quản lý nước thải phát sinh từ đô thị, khu dân cư tập trung và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.</p>	Có 28 điều có liên quan và 02 Chương có liên quan
6	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017	<p>- Luật này quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình thủy lợi; quản lý, khai thác công trình thủy lợi và vận hành hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi; dịch vụ thủy lợi; bảo vệ và bảo đảm an toàn công trình thủy lợi; thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thủy lợi; trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi.</p> <p>- Công trình thủy lợi cũng có thể kết hợp mục đích cấp nước cho sinh hoạt, trong khi vận hành hồ chứa thủy điện, vận hành liên hồ chứa phục vụ thủy lợi và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, ứng thì ưu tiên nguồn nước cấp cho sinh hoạt.</p>	Có 4 Điều có liên quan (8, 18, 27, 44)

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
		- Công trình thủy lợi đầu mối là công trình thủy lợi ở vị trí khởi đầu của hệ thống tích trữ, điều hòa, chuyên, phân phối, cấp, điều tiết nước hoặc công trình ở vị trí cuối của hệ thống tiêu, thoát nước.	
7	Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013	- Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác - Vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;	Có 2 Điều có liên quan (19, 26);
8	Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013	Luật Đất đai quy định về quyền sở hữu, quản lý đất đai, các mục đích sử dụng đất. Nhà nước được phép thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc.	
9	Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017	- Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bao gồm các quy hoạch được quy định tại Phụ lục 2 của Luật này. - Nội dung của quy hoạch Tỉnh có liên quan “Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, bao gồm mạng lưới thủy lợi, mạng lưới cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện”	
10	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018	Để đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ với các quy định tại Luật Quy hoạch, ngày 20/11/2018 Quốc hội thông qua Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, theo đó bãi bỏ quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, quy hoạch vùng chức năng đặc thù trong nội dung các quy hoạch xây dựng; bãi bỏ quy định về cấp Giấy phép quy hoạch,... Theo đó những nội dung về định hướng phát triển cấp nước, thoát nước tại quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh; quy hoạch cấp nước vùng liên tỉnh, vùng tỉnh, thoát nước vùng tỉnh sẽ được tích hợp vào quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch tỉnh.	
11	Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014 ngày 26/11/2014	- Đối tượng áp dụng đối với lĩnh vực cấp nước bao gồm các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100%, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần cấp nước, đại diện chủ sở hữu nhà nước trong công ty cấp nước. - Theo quy định tại Luật này, các doanh nghiệp cấp nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
		không thuộc phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ, trừ trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có hiệu quả nhưng vốn điều lệ không bảo đảm thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các công ty cổ phần nhà nước trong lĩnh vực cấp nước không được nhà nước đầu tư bổ sung vốn (Điều 16 Luật này và khoản 5 Điều 1 NĐ 32/2018/NĐ-CP). Ngoài ra, Luật quy định việc đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp, theo đó việc mua lại một phần hay toàn bộ doanh nghiệp cấp nước chỉ được thực hiện trong trường hợp nhà nước thực hiện tái cơ cấu kinh tế (Điều 19).	
12	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020	- Thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải và Đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng là các ngành nghề được ưu đãi đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư (Điều 16)	Có 1 Điều có liên quan (16);
13	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định về chế độ quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng: Quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng; đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng; Quyền và nghĩa vụ của đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng - Hồ sơ, thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng - Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng - Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng 	Có 8 Điều có liên quan (74-77, 79, 80, 95, 96);
14	Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt trên đất liền trước khi thải xuống biển phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. - Việc bố trí các điểm xả nước thải đã được xử lý xuống biển phải được xem xét trên cơ sở điều kiện tự nhiên của khu vực xả nước thải; các điều kiện động lực, môi trường, sinh thái và đa dạng sinh học, các nguồn tài nguyên và hiện trạng khai thác, sử dụng vùng biển. Các điểm xả nước thải ra khu bảo tồn biển, khu vực bãi tắm, danh lam, thắng cảnh ven biển phải được đánh giá, xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 	Điều 46
15	Luật Thực hành tiết kiệm, Phòng chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên được quy định của Luật này phải được quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. - Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao khai thác, sử dụng tài nguyên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, biện pháp để khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. - Quản lý và khai thác sử dụng tài nguyên nước của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch; đúng mục đích đảm bảo tiết kiệm.... 	Điều 48
16	Luật thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày	Quy định nước thiên nhiên bao gồm nước mặt và nước dưới đất là đối tượng chịu thuế; Quy định mức thuế suất đối với nước thiên nhiên sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	25/11/2009		
17	Luật đầu tư theo đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020	Luật này quy định về hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư; quản lý nhà nước, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Theo quy định tại Luật, cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải là lĩnh vực được đầu tư theo phương thức đối tác công tư.	Có 3 Điều có liên quan (4, 79, 80);
18	Luật đầu tư số 28/VBHN-VPQH ngày 29/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài và đối tượng áp dụng là nhà đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh. - Việc kinh doanh nước sạch (nước sinh hoạt), xả nước thải vào nguồn nước là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, tuy nhiên, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể điều kiện của doanh nghiệp tham gia kinh doanh nước sạch. - Luật quy định các ưu đãi hỗ trợ đầu tư doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm dự án cấp nước, thoát nước và hạ tầng kỹ thuật khác. 	
19	Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019	Luật này quy định về việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công. Luật tập trung vào các nội dung chính như: các chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực đầu tư công và thống nhất các tiêu chí phân loại dự án, điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công; Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình dự án đầu tư công; Việc lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công; Triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch đầu tư công và nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công.	
20	Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012	Luật Giá quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước. Theo quy định của Luật Giá, nhà nước quy định khung giá nước sạch và mức giá cụ thể đối với nước sạch sinh hoạt, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.	
21	Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008	<ul style="list-style-type: none"> - Hành vi bị cấm : Đào, khoan, xẻ đường trái phép; tự ý tháo mở nắp cống, tháo dỡ, di chuyển trái phép hoặc làm sai lệch công trình đường bộ. - Quy định về thi công công trình trên đường bộ đang khai thác: Quy định về xin phép, đảm bảo an toàn, đảm bảo giao thông khi thi công các công trình cấp thoát nước trên đường bộ đang khai thác 	Có 2 Điều có liên quan (8, 47)
22	Luật doanh nghiệp số	- Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có	Có 5 Điều có

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	59/2020/QH14 ngày 17/6/2020	liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty. - Mở rộng mức độ và phạm vi quyền của cổ đông nhằm tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, hạn chế người quản lý hoặc cổ đông lớn lạm dụng địa vị, quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và cổ đông nhỏ; Bổ sung quy định về Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết đa dạng hóa thêm sản phẩm giao dịch cho thị trường chứng khoán, đa dạng hóa nguồn vốn cho sản xuất, đầu tư kinh doanh; Bổ sung quy định về chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần (thay vì chỉ được chuyển đổi thành công ty TNHH như quy định hiện hành),... và đặc biệt nhằm nâng cao hiệu lực quản trị và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp có sở hữu nhà nước, Luật đã sửa đổi khái niệm doanh nghiệp nhà nước để xác định rõ loại doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu hơn 50% (đến dưới 100% vốn điều lệ); Việc này sẽ làm thay đổi cách thức và phương thức quản lý, giám sát đối với các công ty cấp nước có sở hữu của Nhà nước trên 50%.	liên quan (7, 8, 9, 134, 135)
23	Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010	Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm an toàn thực phẩm; điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, sản xuất, kinh doanh thực phẩm và nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm; quảng cáo, ghi nhãn thực phẩm; kiểm nghiệm thực phẩm; phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm; phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm; thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, nước là một loại thực phẩm đặc biệt; cần có quy định riêng về việc đảm bảo an toàn liên quan đến nước.	
24	Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004'; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014	Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, bảo vệ luồng giao thông đường thủy: Liên quan đến xây dựng công trình thu nước, xả nước trên sông	Điều 14,15,16
25	Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ	Nội dung liên quan đến xây dựng công trình cấp nước, thoát nước trong phạm vi bảo vệ đê điều; Vùng thoát lũ sông.	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều số 60/2020/QH14 Ngày 17/6/2020		
26	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012	Nội dung liên quan đến hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện trong quản lý, thi công công trình cấp thoát nước; Quy định thỏa thuận với cơ quan quản lý điện lực khi xây dựng, cải tạo và mở rộng công trình công cộng hoặc công trình khác có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện, chủ đầu tư phải phối hợp với đơn vị điện lực để giải quyết	Điều 49
27	Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015	Luật này quy định về Danh mục phí, lệ phí; người nộp phí, lệ phí; tổ chức thu phí, lệ phí; nguyên tắc xác định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí; thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong quản lý phí, lệ phí.	
28	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 16/2017/QH14	Quy định đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng bao gồm cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch;	
29	Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019	Luật này quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.	
30	Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 ngày 17/6/2003	Công trình biên giới là công trình được xây dựng để cố định đường biên giới quốc gia, công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; Nhà nước có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; có chính sách ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân định cư ở khu vực biên giới.	
31	Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015	Bảo đảm an toàn trong trường hợp cây cối, công trình có nguy cơ gây thiệt hại và Quy định Bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra	Điều 177, điều 605
32	Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018	Nội dung liên quan đến Đo đạc, thành lập bản đồ và xây dựng cơ sở dữ liệu công trình ngầm làm cơ sở thực hiện các dự án Cấp thoát nước	Điều 29, 30
33	Luật Hoá chất số 06/2007/QH12 ngày	Khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất nguy hiểm; Địa điểm sản xuất, kho chứa hóa chất nguy hiểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục quy định phải bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư, công trình công cộng, di tích	Điều 22

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	21/11/2007	lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn nước sinh hoạt.	
34	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17/6/2010	Luật này quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chính sách, biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	
35	Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010	Luật này quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân.	
36	Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010	Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường.	
37	Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020	Quy định Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước; Các biện pháp yêu cầu khắc phục hậu quả	Điều 24, điều 28
38	Luật tổ chức chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19/6/2015	Quy định Vị trí, chức năng của Chính phủ; Cơ cấu tổ chức và thành viên của Chính phủ; Nhiệm kỳ của Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ; và Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ	
39	Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015	Luật này quy định về đơn vị hành chính và tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính.	
40	Luật bảo vệ người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010	Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	
41	Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày	Luật này quy định các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán; tổ chức thị trường chứng khoán; quản lý	Điều 35

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	26/11/2019	nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phiếu trong các đợt đầu giá chứng khoán chào bán ra công chúng, các đợt chào bán khi chuyển nhượng vốn nhà nước hoặc vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác;	
II	Nghị định của chính phủ		
1	Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định này quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên lãnh thổ Việt Nam. - Tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, các nội dung về quy hoạch cấp nước đô thị đã được làm rõ, bao gồm: lập nhiệm vụ, căn cứ lập nhiệm vụ, nội dung của quy hoạch cấp nước đô thị, trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch cấp nước đô thị,... - Các công ty cấp nước đã bước đầu chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước thực hiện tính giá tiêu thụ nước sạch theo nguyên tắc tính đúng tính đủ các yếu tố chi phí từ đầu tư đến quản lý vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần tiết kiệm sử dụng nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước. - Việc thỏa thuận dịch vụ cấp nước giữa UBND và đơn vị cấp nước được quy định cụ thể (vùng phục vụ cấp nước, định hướng kế hoạch phát triển cấp nước, nguồn tài chính dự kiến để thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước, giá nước, lộ trình, các nguyên tắc điều chỉnh giá nước,...), các đơn vị cấp nước đô thị trên cả nước đã hoàn thành việc ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng sử dụng nước. - Nghị định số 117/2007/NĐ-CP xác định vai trò quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách về lĩnh vực cấp nước và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động cấp nước của các Bộ ngành. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức và phát triển cấp nước trên địa bàn thông qua: tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch cấp nước theo thẩm quyền; triển khai các dự án đầu tư cấp nước ... 	
2	Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 80/2014/NĐ-CP thay thế Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp. Nghị định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên 	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
		<p>lãnh thổ Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, các nội dung về quy hoạch thoát nước đô thị đã được làm rõ, bao gồm: lập nhiệm vụ, căn cứ lập nhiệm vụ, nội dung của quy hoạch thoát nước đô thị, trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước đô thị,... - Quy định hoạt động quản lý thoát nước địa phương được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt, quy định cụ thể (Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Hệ thống thoát nước của địa phương; Xác định chủ sở hữu; Tiêu chuẩn dịch vụ, quy định về đầu nối và miễn trừ đầu nối; trách nhiệm và quyền của chủ đầu tư, của hộ thoát nước; nghĩa vụ tài chính liên quan đến công tác đầu nối, các chính sách hỗ trợ của địa phương về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước; Điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải áp dụng; Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước; bùn thải từ bể tự hoại; Xử lý nước thải tập trung, phi tập trung; Đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước; Hợp đồng quản lý, vận hành; Trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn; Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan), đồng thời phải phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi địa phương. - Nghị định số 80/2014/NĐ-CP xác định vai trò quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách về lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các Bộ ngành. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức và phát triển thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn thông qua: tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thoát nước theo thẩm quyền; triển khai các dự án đầu tư thoát nước và đấu thầu vận hành.... 	
3	<p>Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch</p>	<p>Theo đó Nghị định số 124/2011/NĐ-CP đã điều chỉnh, bổ sung khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư như miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với công trình cấp nước, hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào như cấp điện, đường, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai dự án cấp nước tại các đô thị,...</p>	
4	<p>Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ</p>	<p>- Nghị định này quy định mức hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng các dự án nước sạch cho vùng nông thôn được hỗ trợ 03 triệu đ/m³/ngày đêm cho xây mới hoặc 02 triệu</p>	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	đ/m ³ /ngày đêm cho nâng cấp cải tạo nhà máy sản xuất nước sạch; tối đa 50% chi phí đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên. Dự án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt tại nông thôn; thu gom xử lý chất thải làng nghề, nông thôn được hỗ trợ 60% chi phí mua thiết bị, xây dựng hệ thống xử lý, mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án. - Cơ chế hỗ trợ, ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư khi hạng mục đầu tư của dự án hoàn thành và nghiệm thu thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục đầu tư; sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sản xuất, kinh doanh thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.	
5	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	Nghị định quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Theo quy định tại Nghị định này chỉ có dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo hình thức đặt hàng (dịch vụ cấp nước đô thị không phải là dịch vụ, sản phẩm công ích). Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung là sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng.	
6	Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật phù hợp với Luật Quy hoạch và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. Theo quy định tại Nghị định này, quy hoạch cấp nước, quy hoạch thoát nước chỉ được lập riêng cho các thành phố trực thuộc Trung ương và nội dung quy hoạch cấp nước, thoát nước được xác định trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng và quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn.	
7	Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Nghị định này quy định về đối tượng chịu phí, tổ chức thu phí, người nộp phí, các trường hợp miễn phí, mức thu phí, xác định số phí phải nộp, kê khai nộp phí, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	
8	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng	Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 về quản lý dự án đầu tư xây dựng, gồm: lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng; khảo sát xây dựng; cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng; xây dựng công trình đặc thù và thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại nước ngoài; quản lý năng lực hoạt động xây dựng; hình thức quản lý dự án	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
		đầu tư xây dựng. Trong đó, việc hướng dẫn lập dự án, thẩm định, quản lý đầu tư xây dựng các dự án, công trình bao gồm lĩnh vực cấp nước, thoát nước được thực hiện theo quy định của Nghị định này.	
9	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Nội dung liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trong Nghị định này chủ yếu tập trung vào yêu cầu về bảo vệ môi trường, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống thu gom, thoát nước thải sau xử lý) đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất của làng nghề, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.	
10	Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch	<p>- Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý; bao gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.</p> <p>Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được quy định cụ thể như sau:</p> <p>+ Ở phạm vi nông thôn tập trung, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao cho: Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch; Ủy ban nhân dân cấp xã; doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch; cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.</p> <p>+ Ở phạm vi đô thị, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao cho: Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch; doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch; cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.</p> <p>- Ngoài ra Nghị định còn quy định chi tiết hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch như: ghi tặng tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập, ghi tặng vốn nhà nước cho doanh nghiệp có vốn nhà nước, Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để lập phương án khai thác: Bán tài sản theo hình thức đấu giá, cho thuê quyền khai thác hoặc chuyển nhượng có thời hạn.</p>	
11	Nghị định 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công	Nghị định này quy định việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Trong đó có các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	ty cổ phần		
12	Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi một số điều của luật phòng cháy chữa cháy	Nghị định này quy định về hoạt động phòng cháy và chữa cháy, tổ chức lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy, kinh phí bảo đảm cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy. Quy định về danh mục các công trình xin ý kiến hoặc thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy tại cơ quan chuyên môn có thẩm quyền về PCCC	
13	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
14	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều luật Tài nguyên nước	Quy định về lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác sử dụng tài nguyên nước với công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10 m3/giây trở lên; Công trình khai thác nước dưới đất lưu lượng từ 12.000 m3/ngày. Quy định về đăng ký, giấy phép tài nguyên nước	Điều 2, chương III
15	Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước	Liên quan đến hành lang bảo vệ nguồn nước phục vụ cho cấp nước sinh hoạt	
16	Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính Phủ về quy định xử phạt hành chính về xây dựng	Quy định các vi phạm trong lĩnh vực Cấp, Thoát nước	Mục 1, chương IV
17	Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định về hạn chế khai thác nước mặt	Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc áp dụng các hình thức, biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất	
18	Nghị định số 11/2010/NĐ-CP	Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Giao thông đường bộ về quản lý và bảo	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	ngày 24/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao gồm: đặt tên hoặc số hiệu đường bộ; quy hoạch kết cấu hạ tầng và tiêu chuẩn kỹ thuật; thẩm định an toàn giao thông; bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ; trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	
III	Quyết định, chỉ thị của thủ tướng		
1	Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020	Nêu rõ việc đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, trong đó có sự tham gia của cộng đồng vào vận hành, bảo dưỡng, quản lý và kinh doanh các công trình, dịch vụ cấp nước sạch nông thôn; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về cung cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.	
2	Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn	Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% cho các thôn, bản có từ 50% số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số trở lên; hỗ trợ 50% đối với các thôn, bản có từ 20% đến dưới 50% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Các địa phương khi xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cho đồng bào phải bảo đảm tính bền vững và hiệu quả.	
3	Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.	Về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn	
4	Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ	Quyết định này quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp) và quản	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	tướng Chính phủ quyết định một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn	lý, khai thác các công trình cấp nước sạch theo hệ thống tập trung, phục vụ cho sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn.	
5	Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025	Với mục tiêu huy động và tập trung các nguồn lực cho hoạt động chống thất thoát, thất thu nước sạch bình quân từ 30% năm 2009 xuống dưới 15% vào năm 2025.	
6	Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 23/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống Cấp, Thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt”	Với mục tiêu huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống Cấp, Thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; trong đó ưu tiên khai thác nguồn vốn đầu tư của thành phần kinh tế tư nhân để giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư.	
7	Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 về điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050	Mục tiêu của điều chỉnh định hướng là từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển hệ thống thoát nước theo từng giai đoạn; Phát triển hệ thống thoát nước ổn định và đồng bộ bao gồm xây dựng mạng lưới thu gom, chuyên tải và nhà máy xử lý nước thải theo từng giai đoạn, phù hợp với quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, phát huy tối đa công suất thiết kế các nhà máy xử lý nước thải bảo đảm hiệu quả quản lý và đầu tư xây dựng; Tăng tỷ lệ đầu nối nước thải từ hộ gia đình đến hệ thống thu gom và xử lý nước thải; hệ thống thoát nước được vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên và theo định kỳ.	
8	Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050	Mục tiêu của Định hướng nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp cụ thể có tính đến biến đổi khí hậu nhằm cấp nước ổn định, chất lượng bảo đảm, dịch vụ tốt đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước theo từng giai đoạn.	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
9	Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 – 2025	Mục tiêu của Chương trình thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng; bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lượng nước, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước đạt quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.	
10	Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.	Theo Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được phê duyệt, trong đó tại Mục tiêu 6.1 (Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người), giao Bộ Xây dựng xây dựng Luật Cấp nước và các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật.	
11	Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020	Quyết định này thay thế Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó các doanh nghiệp cấp nước nằm trong danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 để rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025 (Phụ lục III).	
12	Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án An ninh kinh tế trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn.	Mục tiêu của Đề án nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong Đề án này, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cụ thể cho Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì Nghiên cứu xây dựng Luật Cấp, Thoát nước.	
13	Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022	Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	
14	Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 về Phê duyệt chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Quy định về cấp nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý nước thải tại khu vực nông thôn. Quy định trách nhiệm Bộ xây dựng chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu nhất cư tập trung; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về nước sạch nông thôn	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
15	Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025	Quy định về những doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sở hữu, thoái vốn, nhà nước nắm giữ 100%, trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ, hoạt động trong các lĩnh vực Khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch đô thị, nông thôn	Phụ lục
16	Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 về phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025	Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 theo các hình thức: duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; cổ phần hóa, sắp xếp lại (bao gồm hình thức sáp nhập, giải thể); chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025. Danh mục sắp xếp các công ty quản lý cấp nước, thoát nước theo phụ lục kèm theo Quyết định	Phụ lục
17	Quyết định số 294/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 – 2030	Đề xuất một số chỉ tiêu liên quan đến Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong nội dung quy hoạch	
18	Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	Về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	
19	Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn liên tục.	Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch an toàn, liên tục cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; chủ động ứng phó với điều kiện biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa và nâng cao chất lượng sống của người dân.	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
IV	Thông tư		
1	Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch	Thông tư hướng dẫn một số nội dung cụ thể về chất lượng nước sạch, quy trình tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng, quy hoạch cấp nước, lựa chọn đơn vị cấp nước, xác định vùng phục vụ cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, đầu nối, hợp đồng dịch vụ cấp nước, kiểm định thiết bị đo đếm nước và các vấn đề liên quan khác của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.	
2	Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.	Thông tư đã nhấn mạnh “cấp nước an toàn là việc cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định”. Đây là một nội dung khá tiên tiến và đặc trưng cho ngành cấp nước đô thị Việt Nam: cấp nước an toàn không chỉ nhằm mục tiêu về chất lượng nước mà còn đảm bảo các chất lượng dịch vụ khác như áp lực và tính liên tục. Các hoạt động bảo đảm cấp nước có mục đích “nhằm giảm thiểu, loại bỏ, phòng ngừa các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước từ nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng sử dụng nước”. Bảo đảm cấp nước an toàn cũng được gắn liền với tiết kiệm tài nguyên và chống thất thoát nước.	
3	Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải	Thông tư hướng dẫn một số nội dung cụ thể về quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước, quản lý bùn thải bề tự hoại, quản lý sử dụng nước thải sau xử lý, mẫu hợp đồng quản lý, vận hành và hợp đồng dịch vụ thoát nước.	
4	Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt	Thông tư này quy định về khung giá nước sạch sinh hoạt; nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt (bao gồm cả nước sạch cung cấp chung cho mục đích sinh hoạt và cho mục đích khác). Một số điểm mới so với Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 và Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 đó là: Bổ sung mới 2 khoản mục là Chi phí tài chính và Chi phí đảm bảo cấp nước an toàn; Nội dung chi phí sản xuất nước sạch không phân biệt cho khu vực đô thị hay nông thôn; Lợi nhuận định mức là giá trị tuyệt đối thay cho tỷ lệ tối thiểu 5% như trước đây. Cụ thể, đơn vị cấp nước chỉ cấp	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
		nước khu vực đô thị hoặc khu vực nông thôn thì lợi nhuận tối đa tối đa 1.300 đ/m ³ , cấp nước đồng thời cho cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn tối đa 1.500 đ/m ³ (nội dung này đảm bảo lợi nhuận cho một số hệ thống cấp nước có công suất nhỏ; khuyến khích các đơn vị cấp nước đô thị mở rộng mạng cấp nước cho khu vực nông thôn).	
5	Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước	Thông tư này hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) cho các loại hệ thống thoát nước để làm cơ sở lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước áp dụng tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu dân cư nông thôn tập trung.	
6	Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về công trình thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung bao gồm các yêu cầu phải đáp ứng trong hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành công trình.	
7	Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.	Thông tư này hướng dẫn về: (1) Quy trình xây dựng, phê duyệt, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh và kế hoạch cấp nước an toàn công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ 100m ³ /ngày đêm trở lên; (2) Việc thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình khu vực nông thôn.	
8	Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 và Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 (Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 41/2018/TT-BYT) Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt	Thông tư này ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước); các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước.	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
9	Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.	<p>- Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là tài sản cố định (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc quản lý, trích khấu hao thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng cho doanh nghiệp; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.</p>	
10	Thông tư số 01/2026/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật	Ban hành QCVN 07-1:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình cấp nước; QCVN 07-2:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thoát nước	
11	Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT/BXD-BCA ngày 10/4/2009 của Bộ Xây dựng và Bộ Công an hướng dẫn thực hiện cấp nước phòng cháy chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp.	Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện công tác quy hoạch, đầu tư, xây dựng vận hành nhằm bảo đảm cấp nước phòng cháy, chữa cháy (PCCC) cho đô thị và khu công nghiệp.	
12	Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30/11/2022 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho nhà và công trình	<p>Quy định về Cấp nước chữa cháy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp nước chữa cháy ngoài nhà: an toàn cháy với cấp nước ngoài nhà, an toàn cháy đối với lưu lượng chữa cháy ngoài nhà; số đám cháy đồng thời; an toàn cháy đối với mạng lưới đường ống và công trình xây dựng; yêu cầu với bồn, bể trữ nước, điểm lấy nước bên ngoài nhà - Hệ thống họng nước chữa cháy ngoài nhà: Quy định về vị trí đặt, khoảng cách, lưu lượng, áp lực - Trạm bơm cấp nước chữa cháy: Quy định về máy bơm cấp nước chữa cháy trong Trạm bơm thuộc nhà máy xử lý nước 	
13	Thông tư số 32/2013/TT-	Ban hành 08 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trong đó có QCVN 50:2013/BTNMT	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Ghi chú
	BTNMT của Bộ tài nguyên môi trường ngày 25/10/2013 về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.	
14	Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên môi trường ngày 09/9/2016 về Quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt	Xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và hoạt động trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; Đảm bảo ngăn ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nước của công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt và các chức năng khác của nguồn nước.	
15	Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Quy định về xây dựng đường ống cấp nước, thoát nước trong hành lang bảo vệ đường bộ	
16	Thông tư 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước	Thông tư này quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ sở) có công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ khai thác, sử dụng nước biển) thuộc một trong các trường hợp phải có giấy phép sau đây: Công trình khai thác nước mặt quy mô trên 0,1 m ³ .giây đối với trường hợp cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; trên 100 m ³ /ngày đêm đối với trường hợp cấp nước cho các mục đích khác.trên 100 m ³ /ngày đêm đối với trường hợp cấp nước cho các mục đích khác. Công trình khai thác nước dưới đất với quy mô trên 10 m ³ /ngày đêm, Quy định với công trình công, trạm bơm và các công trình khai thác nước mặt khác	

**Phụ lục 2– TỔNG HỢP CÁC KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC
LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC Ở VIỆT NAM
(LUẬT, NGHỊ ĐỊNH, THÔNG TƯ, CÁC VĂN BẢN KHÁC)**

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
I	Luật		
1	Luật quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;	<p>- Quy hoạch chuyên ngành cấp nước, thoát nước là nội dung của quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng. Nội dung của các quy hoạch trong các quy hoạch này không đủ điều kiện để xác định, lập dự án đầu tư xây dựng; ngoài ra việc điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có quy trình thủ tục hành chính và thời gian thực hiện kéo dài, khó khăn điều chỉnh quy hoạch thoát nước.</p> <p>- Công tác điều tra cơ bản về cấp nước sạch nông thôn chưa được thực hiện bài bản, không cung cấp được thông tin, số liệu đầy đủ phục vụ công tác quản lý nhà nước. Quy hoạch cấp nước nông thôn (hiện nay theo Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 là phương án phát triển mạng lưới cấp nước) ở một số địa phương chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời, thiếu sự kết nối giữa cấp nước đô thị và nông thôn, chưa quan tâm đến yếu tố ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu.</p>	Đa số các địa phương từ đô thị loại 1,2,3 có nhu cầu triển khai dự án
2	Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012	<p>- Luật Tài nguyên nước đã quy định một chương cho công tác bảo vệ tài nguyên nước. Các quy định được đưa ra nhằm phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước và ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt. Tuy nhiên, các quy định về bảo vệ công trình khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch chưa được quy định trong văn bản Luật.</p>	Thiếu khoảng pháp luật
3	Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013	<p>- Luật Đất đai 2013/Nghị định 46/2014/NĐ-CP Quy định về miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với đất xây dựng công trình cấp nước bao gồm: Công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị) là đối tượng được miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê. Tuy nhiên, chưa có quy định miễn thuế cho công trình thoát nước.</p>	
4	Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014 ngày	<p>- Theo quy định Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014 ngày 26/11/2014, các doanh nghiệp cấp nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn không thuộc phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ, trừ trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có hiệu quả nhưng vốn điều lệ không bảo đảm thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính của doanh</p>	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
	26/11/2014 và 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018	nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các công ty cổ phần nhà nước trong lĩnh vực cấp nước không được nhà nước đầu tư bổ sung vốn (Điều 16 Luật này và khoản 5 Điều 1 NĐ 32/2018/NĐ-CP). Ngoài ra, Luật quy định việc đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp, theo đó việc mua lại một phần hay toàn bộ doanh nghiệp cấp nước chỉ được thực hiện trong trường hợp nhà nước thực hiện tái cơ cấu kinh tế (Điều 19). Quy định này làm hạn chế nguồn lực đầu tư của nhà nước trong việc đầu tư, mở rộng vùng phục vụ cấp nước nhằm đảm bảo an sinh, an toàn cấp nước cho người dân.	
5	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	<p>- Kinh doanh nước sạch (nước sinh hoạt) là loại hình kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2020, ngoài ra dịch vụ cấp nước đô thị không phải là dịch vụ, sản phẩm công ích theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (chỉ có dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo hình thức đặt hàng). Tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản pháp luật quy định về hình thức, điều kiện kinh doanh đối với nước sạch.</p> <p>- Theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (hướng dẫn Luật Đầu tư), nước sạch không còn quy định là sản phẩm dịch vụ công ích (trừ vùng sâu, xa..), vì vậy ngân sách nhà nước không đầu tư cho nước sạch gây khó khăn cho phát triển cấp nước khi doanh nghiệp cấp nước có vốn nhà nước phải tiếp tục đầu tư phát triển cấp nước.</p> <p>- Hiện nay căn cứ theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Trong đó, Phụ lục 2 quy định “Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung” thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng; tuy nhiên nếu xác định dịch vụ xử lý nước thải là dịch vụ môi trường thì theo biểu 01 Phụ lục 1 quy định có thể thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ là nguyên nhân gây bất cập trong triển khai thực hiện, đồng thời dự toán được lập, giao theo niên độ ngân sách hàng năm nên việc đầu tư, cải tạo HTTN duy trì phát sinh do sự cố thiên tai không được xử lý thực hiện kịp thời ảnh hưởng đến tính bền vững của hoạt động thoát nước.</p>	
6	Luật đầu tư theo đối tác	- Điều 69 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP quy định tỷ lệ vốn Nhà nước tham	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
	công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020	gia vào dự án PPP không được vượt quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Sự tham gia vốn của Nhà nước có mục đích hỗ trợ và đảm bảo sự thành công của dự án. Tuy nhiên, quy định này lại hạn chế sự hỗ trợ cần thiết từ Nhà nước đối với nhà đầu tư tư nhân trong các lĩnh vực kinh doanh có lợi nhuận thấp với điều kiện triển khai dự án chưa hấp dẫn như đầu tư phát triển và quản lý hệ thống thoát nước cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.; Hơn nữa, các Điều 79, 80, 81 và 82 của Luật Đầu tư PPP quy định về ưu đãi và bảo đảm đầu tư cho nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư dự án PPP nhưng lại không bao gồm nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán của Nhà nước, điều này có thể khiến nhà đầu tư không muốn đầu tư vào lĩnh vực thoát nước do e ngại rủi ro.	
7	Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019	- Luật Đầu tư công 2019 cũng quy định về việc lập KHĐTC hàng năm và KHĐTC trung hạn (5 năm). Quy định của các luật này cố định và giới hạn mức ngân sách chi cho đầu tư phát triển thoát nước cũng như danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách, điều này có thể sẽ không thể kịp thời giải quyết nhu cầu đầu tư nếu áp dụng hình thức đầu tư công	
8	Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012	Dịch vụ công ích do Nhà nước định giá. Giá nước sạch sinh hoạt: Nhà nước định khung giá và mức giá cụ thể. Như vậy, theo quy định của Luật Giá năm 2012 (điểm c khoản 3 Điều 19), Nhà nước chỉ định giá đối với giá nước sinh hoạt theo hình thức định khung giá và mức giá cụ thể, không quản lý giá đối với các giá dịch vụ khác của hoạt động cấp nước như giá bán buôn nước và giá nước sạch cho các đối tượng ngoài sinh hoạt và công cộng. Giá nước sạch được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định (hoặc phê duyệt) sau khi được Sở Tài chính thẩm định; điều này dẫn đến giá nước chịu áp lực nhiều từ hội đồng nhân dân và ảnh hưởng bởi mục đích “an sinh xã hội”, vì thế, nhiều khoản mục, chi phí sẽ bị cắt giảm, làm doanh nghiệp khó khăn trong việc đảm bảo lợi nhuận cũng như tái đầu tư phát triển cấp nước.	
9	Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020	- Luật có quy định các cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của pháp luật, đặc biệt tại Điều 127 (“Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật này và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần”), Cổ đông có quyền sử dụng cổ phần của mình để trả nợ, đem tặng,... Tuy nhiên do cấp nước liên quan đến cuộc sống của người dân, công trình cấp nước không thể ngừng hoạt động cho dù doanh nghiệp bị phá sản, công trình bị chuyển nhượng. Vì vậy, để bảo đảm việc cấp nước liên tục, quyền lực nhà nước phải được quy định cụ thể trong việc chuyển nhượng, mua bán quyền sở hữu, quyền sử dụng hay thuê quản lý vận hành công trình cấp nước.	
10	Luật quản lý nợ công số	- Luật Quản lý nợ công 2017 đưa ra quy định về nguồn vốn vay phát triển đô thị đi kèm với quy	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
	20/2017/QH14 ngày 23/11/2017	<p>định khả năng vay nợ của cơ quan địa phương. Do đó mức vay cho đầu tư phát triển đô thị bao gồm lĩnh vực thoát nước cũng bị giới hạn theo từng trường hợp.</p> <p>- Luật Quản lý nợ công (Điều 41) về đối tượng được bảo lãnh của Chính phủ) không quy định chính quyền địa phương là đối tượng được bảo lãnh của Chính phủ. Điều này không cho phép bảo lãnh thanh toán từ chính quyền trung ương cho chính quyền địa phương trong trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được các khoản thanh toán dịch vụ theo hợp đồng PPP.</p>	
11	Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015	Luật ngân sách nhà nước 2015 đưa ra các yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và kế hoạch tài chính 5 năm tuy nhiên không có quy định về việc ưu tiên phân bổ nguồn vốn để thực hiện các khoản thanh toán của Nhà nước cho nhà đầu tư tư nhân.	
12	(Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; khoản 5 Nghị định 32/2018/NĐ-CP).	- Khó khăn trong việc bàn giao tài sản: Việc bàn giao các tài sản nhà nước cho Công ty CP quản lý không thể ghi tăng vốn chủ sở hữu nhà nước tại Công ty hoặc không thể bàn giao cho công ty 100% vốn tư nhân. Vì vậy, đề nghị có hướng dẫn cụ thể về nội dung vướng mắc liên quan đến chính sách (Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; khoản 2 Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP).	
II	Nghị định của chính phủ		
1	Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch	<p>- Quy định về thỏa thuận dịch vụ cấp nước theo Nghị định 117/2007/NĐ-CP hầu như chưa được thực hiện, chưa gắn được trách nhiệm của UBND các cấp để bảo vệ quyền lợi của người dân trong lĩnh vực cấp nước, cũng như quyền được huy động, sử dụng công trình cấp nước khi xảy ra những sự cố nghiêm trọng.</p> <p>- Về giá nước: Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định thẩm quyền quy định khung và giá nước sinh hoạt (Điều 54), trong đó Bộ Tài chính ban hành khung giá đối với nước sạch sinh hoạt trên phạm vi toàn quốc. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định giá nước sinh hoạt cụ thể; giá sản phẩm, dịch vụ công ích được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch. Với quy định này, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quy định giá nước sinh hoạt cụ thể là phù hợp với quy định của Luật Giá năm 2012. Quy định trên của Nghị định số 117/2013/NĐ-CP phù hợp với quy định của Luật Giá năm 2012. Tuy nhiên, trên thực tế, có những địa phương hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá bán buôn nước sạch, hoặc có những tỉnh, nhà đầu tư báo cáo UBND về phương án giá bán</p>	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		<p>buôn nước sạch để UBND cấp tỉnh tham khảo khi quyết định giá nước sinh hoạt. Quy định này chưa phù hợp với quy định của Luật Giá năm 2012.</p> <p>- Một số quy định của Nghị định 117/2007/NĐ-CP gây khó khăn, khiếu kiện và thắc mắc trong Nhân dân khi triển khai đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn. Tại khoản 3 Điều 42 quy định đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối với các khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước. Tuy nhiên, phần lớn các công trình cấp nước nông thôn được đầu tư từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đều yêu cầu sự tham gia đóng góp của người dân từ 10-40% tổng mức đầu tư xây dựng công trình nhưng thực tế, người dân chưa tham gia đóng góp do thiếu chế tài ràng buộc sự cam kết của người dân, dẫn đến việc huy động vốn dân đóng góp gặp nhiều khó khăn, công trình chậm quyết toán hoàn thành.</p> <p>- Đối với lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, theo quy định tại Điều 60 Nghị định 117/2007/NĐ-CP, Chính phủ giao 02 Bộ ngành quản lý nhà nước về ngành cấp nước, trong đó giao Bộ Xây dựng quản lý cấp nước khu vực đô thị, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý cấp nước nông thôn, Bộ Y tế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng, ban hành quy chuẩn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy chuẩn nước sạch trên phạm vi toàn quốc,... Việc quản lý và cung cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn dẫn đến sự chồng lấn trong quản lý cấp nước đặc biệt với địa bàn giáp ranh giữa đô thị và nông thôn, địa bàn trước kia là nông thôn, trong quá trình đô thị hóa lại chuyển thành khu vực đô thị,..., giảm tính đồng bộ, chưa đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ ngành và đơn vị cấp nước đô thị, đơn vị cấp nước nông thôn; chưa thống nhất quản lý cấp nước đô thị và cấp nước nông thôn.</p> <p>- Điều 45 Nghị định 117/2007/NĐ-CP về “Tạm ngừng, ngừng dịch vụ cấp nước”: có trường hợp khách hàng sử dụng nước lấy lý do khó khăn mà chậm nộp tiền nước; có trường hợp công ty quyết định ngưng dịch vụ cấp nước với khách hàng không thanh toán cấp nước 10 tuần sau kể từ thời điểm khách hàng không thanh toán. Khi khách hàng không có lý do chính đáng thì đến lúc công ty cấp nước ngưng dịch vụ cấp nước thì chi phí lên đến trăm triệu đồng. Khi công ty khởi kiện ra tòa thì khách hàng là những công ty đã tiến hành thanh lý tài sản thì công ty cấp nước không thể thu hồi được tiền nước => Công ty cấp nước phải chịu chi phí mất tiền.</p> <p>- Vùng phục vụ cấp nước: Tại các địa phương có nhiều đơn vị cấp nước, trong quá trình triển khai mở rộng mạng lưới, có nhiều địa bàn trùng nhau, chồng chéo trong phân vùng cấp nước. Các Công</p>	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		<p>trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn được xác định vùng cấp nước thường theo ranh giới hành chính xã, thị trấn nhưng chỉ cấp được một phần trong ranh giới hành chính xã, thị trấn đó. Nhiều đơn vị được giao quản lý công trình cấp nước không thể mở rộng công trình để cấp nước cho người dân có nhu cầu vì thiếu vốn; các đơn vị cấp nước khác có thể đầu tư cấp nước cho người dân nhưng khó khăn vì liên quan đến vùng cấp nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng phục vụ cấp nước xác định như thế nào? Vùng Phục vụ cấp nước phải xác định từ khâu quy hoạch. “Vùng thoát nước” và “Phân vùng thoát nước” khác với “Lưu vực thoát nước” như thế nào? Cơ sở nào để xác định các khu vực trên. - Về quản lý, vận hành các công trình, mạng lưới cấp nước: Tại Điều 7 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP quy định: ”Các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống cấp nước có liên quan và được cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương xem xét, thống nhất bằng văn bản trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt”. Tuy nhiên, tại khoản 9 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, quy định ”Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền mà không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển; chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng, di chuyển công trình thiết yếu”. Quy định này gây khó khăn rất lớn cho các đơn vị cấp nước, do hiện nay việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới đường giao thông được đầu tư rất nhiều kể cả khu vực đô thị và nông thôn (nhất là khi đang triển khai xây dựng nông thôn mới). Các đơn vị cấp nước phải bỏ chi phí xây dựng mới, di chuyển các công trình cấp nước đi cùng các tuyến đường bộ được nâng cấp, cải tạo khi có yêu cầu. 	
2	<p>Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 và Thông tư 13/2018/TT-BXD</p>	<p>Ngoài ra, việc áp dụng các nguyên tắc định giá dịch vụ thoát nước theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP và Thông tư 13/2018/TT-BXD cho các dự án PPP sẽ đối mặt với những vấn đề như: quy định mức trần tỷ lệ lợi nhuận định mức là 5% giá thành dịch vụ trong công thức định giá dịch vụ thoát nước là khá thấp và không phù hợp để áp dụng cho mô hình đầu tư PPP; Công thức định giá dịch vụ thoát nước chưa bao gồm yếu tố chi phí huy động vốn – yếu tố rất quan trọng trong bài toán kinh doanh của các dự án PPP; Chưa có hướng dẫn về bù đắp giá thoát nước cho khối tư nhân trong dự án PPP.</p> <p>Thời hạn thực hiện hợp đồng quản lý vận hành không đủ dài (thông thường là 5 năm), gây khó</p>	<p>Đa phần các địa phương có vướng mắc</p>

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		<p>khăn cho việc thu hồi vốn đầu tư và sinh lời trong trường hợp thực hiện hình thức quản lý vận hành có cả đầu tư, do đó không khuyến khích được các đơn vị tư nhân tham gia đầu tư một cách bài bản và lâu dài trong khi đó Luật PPP 2020 quy định thời hạn hợp đồng do các bên thỏa thuận căn cứ vào quyết định phê duyệt dự án và kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>Việc thiết lập giá dịch vụ thoát nước chưa được hướng dẫn chi tiết và đồng bộ tại các văn bản pháp luật từ cấp trung ương. Ngoài ra, việc thực thi ở địa phương cũng chưa được quan tâm nên có rất nhiều địa phương chưa thực hiện công tác này.</p>	
3	<p>Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>	<p>Trong quá trình đầu tư mạng đường ống cấp nước, đơn vị cấp nước phải cam đoan tự chịu trách nhiệm di dời hay sửa chữa đường ống nước khi đầu tư, cải tạo hay mở rộng các tuyến giao thông kể cả trường hợp không có trong quy hoạch giao thông. Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, các công trình hạ tầng dọc theo các tuyến giao thông phải tự di dời toàn bộ tuyến ống, không đòi hỏi bồi hoàn khi ngành đường bộ có nhu cầu di dời. Đây cũng là vấn đề bất cập, khó khăn cho các đơn vị cấp nước trong bảo đảm hiệu quả đầu tư và quá trình vận hành hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước khi phải bắt buộc di dời tuyến ống.</p>	
4	<p>Nghị định 98/2019/NĐ-CP; Nghị định số 25/2020/NĐ-CP; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP sửa đổi một số nội dung Nghị định 25/2020/NĐ-CP</p>	<p>- Quy định về lựa chọn đơn vị cấp nước để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước và kinh doanh nước sạch trên địa bàn được tiến hành theo các quy định của pháp luật về đấu thầu và điều kiện cụ thể của từng địa phương (tại Nghị định 98/2019/NĐ-CP), tuy nhiên thực hiện theo quy định của pháp luật Đấu thầu, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, nghị định số 31/2021/NĐ-CP (có sửa đổi một số nội dung Nghị định 25/2020/NĐ-CP) thì “căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành quy định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án; phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các nội dung khác (nếu có), bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế”. Hiện nay chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn đánh giá, tổ chức thực hiện đấu thầu đối với việc lựa chọn đơn vị cấp nước, dẫn đến địa phương còn lúng túng khi thực hiện quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án cấp nước.</p>	
III	Thông tư		
	<p>Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch</p>	<p>Thông tư 13/2018/TT-NHNN hướng dẫn phương pháp định giá cho dịch vụ thoát nước có chi phí chung, một số đơn vị cho rằng xác định Chi phí chung cho Chi phí khác thì như thế gây bất cập trong sử dụng không đủ chi phí.</p>	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
	vụ thoát nước		
	<p>Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt’;</p> <p>Thông tư số 05/VBHN-BYT ngày 06/6/2022 của Bộ y tế về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt</p>	<p>- Hiện nay, nhiều địa phương chưa ban hành được quy chuẩn áp dụng cho địa phương theo quy định mới tại Quy chuẩn QCVN 01:2018/BYT về chất lượng nước ăn uống; việc này sẽ hạn chế công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước của cơ quan quản lý địa phương.</p> <p>- Các thông số nhóm B phải theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương do UBND tỉnh ban hành phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và cơ sở cấp nước đang phân tích theo thông số, tần suất QCVN 01-1:2018/BYT, việc duy trì phân tích gây khó khăn về kinh phí cho cơ sở cấp nước quy mô nhỏ khu vực nông thôn. Kinh phí để thực hiện quản lý chất lượng nước theo quy chuẩn địa phương thường cao, các đơn vị cấp nước lại không thu được phí sử dụng nên không thực hiện kiểm định chất lượng nước theo quy định.</p> <p>- Tiêu chuẩn dùng nước cho ăn uống sinh hoạt và các nhu cầu khác tại TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng hiện nay không còn phù hợp, đặc biệt đối với khu vực nông thôn, do hiện nay nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân đã tăng lên đáng kể.</p> <p>- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và địa phương hiện nay chỉ có Quy định chất lượng nước đối với cấp nước tập trung, không có các nội dung về cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình. Trong khi Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn (QĐ 4826/ QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/ 2018) vẫn có hướng dẫn đánh giá đối với cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình, vì vậy, hiện tại việc áp dụng quy chuẩn đối với cấp nước tập trung cho cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình rất bất lợi.</p>	
1	<p>Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên môi trường ngày 09/9/2016 về Quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt</p>	<p>Điều 5 khoản 1 Thông tư 24/2016/TT-BTNMT Bộ TN&MT công bố về vùng bảo vệ khu vực lấy nước. Công ty có văn bản đề nghị Chính quyền địa phương có văn bản hướng dẫn thực hiện, hỗ trợ thực hiện. Nếu không thì khi công ty bị kiểm tra thì chắc chắn công ty sẽ bị lỗi. Về vấn đề này chỉ có chính quyền địa phương mới có thể làm được, nên Công ty đề nghị nếu được thì trong Luật Cấp, Thoát nước cũng có sự ràng buộc cụ thể hơn trách nhiệm của các bên.</p>	
2	<p>Thông tư 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về giám</p>	<p>Nghị định 167/2018/NĐ-CP quy định về việc hạn chế khai thác dưới đất, một số nơi đang khai thác nước ngầm thì chuyển qua khai thác nước mặt. Tuy nhiên thông tư 17/2021/TT-BTNMT của BTN&MT, nếu như giếng khoan đang khai thác sử dụng thì phải lắp đặt quan trắc tự động nhưng khi Công ty chuyển sang giếng khoan tự động rồi thì không lắp đặt quan trắc tự động thì phải trang</p>	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Các khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
	sát khai thác sử dụng tài nguyên nước	mặt giếng, đề nghị xem xét lại vì có những giếng khoan tốn hàng trăm triệu đến hàng tỷ, một số giếng khoan chống hạn mặn nếu bây giờ không khai thác thì phải lấp lại mất số tiền rất lớn, liệu có cách nào giữ lại giếng này được không? Có thể sử dụng phương án tráng lấp tạm để khi có nhu cầu vẫn có thể sử dụng.	
3	Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Giá bán nước sạch được quy định đối với nước đủ điều kiện là nước sạch theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Trên thực tế, đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn nhiều tỉnh, hầu hết đều chưa đảm bảo quy trình, quy định về nước sạch, chỉ có thể coi là nước hợp vệ sinh; tuy nhiên, lại chưa có quy định về giá bán hay chính sách về giá đối với loại nước này (nước hợp vệ sinh). Điều này dẫn đến những khó khăn cho cơ quan chuyên môn trong việc tham mưu ban hành giá nước sạch nông thôn. - Tại nhiều địa phương, việc tính toán giá nước tại khu vực nông thôn (dân cư không tập trung, xa nguồn cấp nước) với nguyên tắc tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý, hợp lệ trong quá trình khai thác, sản xuất, phân phối, tiêu thụ và có lợi nhuận theo Thông tư số 44/2021/TT-BTC dẫn tới giá nước rất cao, giá nước vượt khung giá do Bộ Tài chính ban hành, người dân sẽ không có đủ điều kiện kinh tế để chi trả tiền sử dụng nước sạch 	